

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Quy hoạch phát triển thể dục thể thao (TDTT) là quy hoạch phát triển ngành trong tổng thể quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là yêu cầu tất yếu để thể dục thể thao phát triển có hướng đích, tạo động lực phát triển phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; làm cơ sở huy động nguồn lực và phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, để đầu tư phát triển toàn diện thể dục thể thao của tỉnh trong những năm tới.

Quy hoạch phát triển TDTT là luận chứng khoa học về sắp xếp và phân bổ có hiệu quả các hoạt động, các yếu tố phát triển ngành trong một thời kỳ dài phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế - xã hội trên các vùng và phát huy tốt mọi tiềm năng của tỉnh, đáp ứng đúng vị trí thể dục thể thao của tỉnh trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Để thể dục thể thao Đắk Lắk tiếp tục phát triển đúng hướng, có bước phát triển mạnh mẽ và bứt phá hơn theo một quy hoạch tổng thể, đồng thời tạo ra bước đi hợp lý để hội nhập và phát triển cùng các tỉnh trong vùng, khai thác mọi nguồn lực của xã hội và sự giao lưu quốc tế, đạt nhịp độ phát triển nhanh trong những năm tới, phát triển thể dục thể thao Đắk Lắk cần phải xây dựng quy hoạch phát triển dài hạn đến năm 2025, đáp ứng vị trí của thể dục thể thao Đắk Lắk với khu vực và cả nước.

II. MỤC TIÊU

Xây dựng định hướng quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, con người và yêu cầu chung để thể thao Đắk Lắk phát triển phù hợp cùng với cả nước. Quy hoạch này làm cơ sở xác định các kế hoạch phát triển TDTT trong từng giai đoạn, phục vụ nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài và thống nhất chung với định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025.

Quy hoạch định hướng hoạt động TDTT theo hướng có sự chuyển biến tích cực, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn, góp phần tăng cường nâng cao sức khỏe và làm phong phú đời sống văn hóa – tinh thần của nhân dân, góp phần ổn định xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và phát triển nòi giống. Đề ra các giải pháp, các bước đi thích hợp để đạt được mục tiêu quy hoạch.

III. CÁC NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU CHỦ YẾU

- Điều tra đánh giá thực trạng phong trào TDTT. Rút ra những kinh nghiệm và chỉ rõ những tồn tại, khó khăn, yếu kém, đồng thời phát hiện những thế mạnh, tiềm năng, để có kế hoạch khai thác, đầu tư có hiệu quả, phục vụ nhiệm vụ kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Đắk Lắk.

- Đánh giá các nguồn lực, các đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và lao động - những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình phát triển thể chất con người và thể dục thể thao.

- Dự báo tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực có tác động trực tiếp đến nền kinh tế tỉnh và phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2006 - 2010, xác định những yếu tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển xã hội hóa TDTT và giáo dục thể chất.

- Xác định mục tiêu, định hướng và giải pháp thực hiện các môn tập luyện TDTT theo từng địa bàn, từng vùng lãnh thổ và theo đối tượng cụ thể của quy hoạch phát triển TDTT quần chúng và thể thao thành tích cao.

- Quy hoạch dài dài, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển TDTT tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025.

- Định hướng công tác đào tạo công chức, giáo viên, huấn luyện viên TDTT.

- Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

IV. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao Đắk Lắk đến năm 2025, căn cứ vào dự báo và xu thế phát triển TDTT quốc tế, quốc gia và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng và cả nước trong những năm tới. Đặc biệt là căn cứ vào các Nghị quyết, Chỉ thị, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề kinh tế - xã hội và công tác TDTT. Bản quy hoạch này căn cứ vào các văn bản pháp quy chủ yếu sau đây:

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 và Lệnh số 22/2006/L-CTN ngày 12/12/2006 về việc công bố Luật thể dục, thể thao.

- Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động Giáo dục, Y tế, Văn hoá và Thể dục Thể thao.

- Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg ngày 10/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010.

- Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

- Nghị định 112/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2007 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao.

- Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ về việc Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ về việc Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường.

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 04/2008/NĐ-CP.

- Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 23/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển TDTT đến năm 2010 (Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX).

- Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QQĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, quy hoạch Xây dựng nông thôn QCVN 14:2009/BXD ban hành kèm theo thông tư số 32/2009/QQĐ-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020

- Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thể dục Thể thao Việt Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng chính phủ về một số chế độ đối với Huấn luyện viên, Vận động viên được tập trung tập huấn và thi đấu.

- Quyết định số 32/2003/QĐ - BGD&ĐT ngày 11/7/2003 của Bộ trưởng, bộ Giáo dục và Đào tạo để tạo điều kiện phát hiện năng khiếu thể dục thể thao trong học sinh.

- Quyết định số 1336/2005/QĐ-UBTDTT ngày 30/6/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao Phê duyệt đề án phát triển xã hội hóa thể dục thể thao đến năm 2010.

- Quyết định số 1698/2006/QĐ-UBTDTT ngày 02/10/2006 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục thể thao xã, phường, thị trấn.

- Quyết định số 59/2006/QĐ-UBTDTT ngày 12/01/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban thể dục thể thao về việc nghiệm thu và sử dụng đề tài

“hướng dẫn thiết kế các công trình thể thao xã, phường, thị trấn”.

- Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu.

- Công văn số 6351/2004/VPCP-ĐP ngày 19/11/2004 của Văn phòng Chính phủ v/v giải quyết một số đề nghị của tỉnh Đắk Lắk.

- Thông báo số 07/2005/TB-VPCP ngày 12/01/2005 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk.

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010.

- Kế hoạch số 15/KT-TU ngày 23/4/2003 của Tỉnh uỷ Đắk Lắk về phát triển thể dục thể thao đến năm 2010.

- Thông báo số 42/2005/TB-UB ngày 13/4/2005 của Ủy ban nhân dân thông báo kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại buổi làm việc với lãnh đạo Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về một số kiến nghị của ngành thể dục thể thao đối với tỉnh.

- Quyết định số 1689/2006/QĐ-UBND ngày 11/9/2006 của Ủy ban nhân dân về việc thành lập Ban điều hành chương trình phát triển thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010 của tỉnh Đắk Lắk.

- Công văn số 2294/2005/UBND-NLN ngày 3/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy hoạch sử dụng đất cho lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao.

- Công văn số 3544/2007/UBND-VX ngày 20/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đồng ý chủ trương quy hoạch phát triển thể dục thể thao đến năm 2010 và định hướng đến 2020.

- Công văn số 4136/2007/UBND-VX ngày 29/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt đề cương triển khai điều tra Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến 2020.

- Kết luận số 60-KL/TW ngày 27/11/2009 của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương về việc Xây dựng Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên và trực thuộc Trung ương trước năm 2020.

- Nghị Quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020.

- Chương trình số 11-CTr/TU về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020.

Ngoài ra còn căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

PHẦN MỘT

TỔNG QUAN VỀ VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ NGUỒN LỰC CỦA TỈNH ĐẮKLẮK

1. Vị trí địa lý:

Đắk Lắk là một trong 5 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, nằm ở khu vực trung tâm của vùng, có diện tích tự nhiên là 3.125 km² và ở độ cao trung bình 500 m so với mặt biển. Trong khoảng tọa độ địa lý từ 107°28'57" - 108°59'37" độ kinh Đông và từ 12°9'45" - 13°25'06" độ vĩ Bắc.

- Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai;
- Phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng;
- Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa;
- Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia và tỉnh Đắk Nông.

Là tỉnh có đường biên giới dài 73 km đường biên giới với 2 tỉnh Mondulkiri và Ratanakiri của Campuchia trong đó có quốc lộ 14C chạy dọc theo biên giới hai nước rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế vùng biên kết hợp với bảo vệ an ninh quốc phòng. Đắk Lắk đóng vai trò là tỉnh hạt nhân của khu vực Tây Nguyên và một cực của Vùng Tam giác phát triển do vị trí địa lý và quá trình phát triển của tỉnh.

Tỉnh Đắk Lắk hiện có 15 đơn vị hành chính, bao gồm: Thành phố Buôn Ma Thuột (đô thị loại I), Thị xã Buôn Hồ và 13 huyện là Ea H'leo, Ea Súp, Krông Năng, Krông Búk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Pắc, Krông Bông, Krông Ana, Cư Kuin và huyện Lắk. 184 xã, phường, thị trấn;

Đắk Lắk có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng nối liền với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Có quốc lộ 14 chạy xuyên dọc tỉnh, nối Đắk Lắk với Gia Lai (phía Bắc) và với Đắk Nông (phía Nam); quốc lộ 26 nối tỉnh với TP. Nha Trang (Khánh Hòa); quốc lộ 29 nối với tỉnh Phú Yên và quốc lộ 27 đi TP. Đà Lạt (Lâm Đồng); có sân bay Buôn Ma Thuột đủ khả năng phục vụ các chuyến bay trong nước và khu vực ASEAN; trong tương lai có tuyến đường sắt Đắk Lắk - Phú Yên. Những mạng giao thông liên vùng đó là điều kiện cho Đắk Lắk mở rộng giao lưu với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung, miền Đông Nam bộ và cả nước, tăng cường khả năng liên kết, hợp tác giữa Đắk Lắk với các tỉnh về mở rộng thị trường, hợp tác kinh tế và giao lưu văn hóa, thể thao và phát triển du lịch.

2. Đặc điểm tự nhiên

2.1- Địa hình

Địa hình của tỉnh Đắk Lắk có sự xen kẽ giữa các địa hình thung lũng, cao nguyên xen giữa núi cao và núi cao trung bình, có hướng thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc.

- Địa hình núi cao phân bố ở phía Đông Nam, có độ cao từ 1000 - 1500 m,

chiếm 25% diện tích toàn tỉnh. Dãy núi cao nhất là dãy Chư Yang Sin với ngọn cao nhất tới 2.445 m. Vùng núi thấp, trung bình Chư Dơ Jiu: nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh, độ cao trung bình 600 - 700 m (đỉnh Chư Dơ Jiu cao 1.103 m), chiếm 10% diện tích toàn tỉnh

- Địa hình cao nguyên chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của tỉnh, địa hình bằng phẳng, đại diện có 2 cao nguyên lớn là:

+ Cao nguyên Buôn Ma Thuột có địa hình thấp hơn, nằm ở trung tâm tỉnh, độ cao trung bình 450 - 500 m, chiếm 28,4% diện tích toàn tỉnh.

+ Cao nguyên M'Đrăk: nằm ở phía Đông tỉnh tiếp giáp với tỉnh Khánh Hoà, độ cao trung bình 400- 500 m, địa hình cao nguyên này gồ ghề, có các dãy núi cao ở phía Đông và Nam.

- Địa hình bán bình nguyên Ea Súp là vùng đất rộng lớn nằm ở phía Tây tỉnh, tiếp giáp với các cao nguyên. Bề mặt ở đây bị bóc mòn, có địa hình khá bằng phẳng, độ cao trung bình 180 m, có một vài dãy núi nhô lên như Yok Đôn, Chư M'Lanh...

- Địa hình vùng bằng trũng Krông Păc - Lăk: nằm ở phía Đông - Nam của tỉnh, giữa cao nguyên Buôn Ma Thuột và dãy núi cao Chư Yang Sin, độ cao trung bình 400 - 500m. Đây là vùng trũng bị lũ lụt vào các tháng 9, tháng 10 hàng năm.

2.2. Khí hậu:

Khí hậu tỉnh Đắk Lắk vừa mang tính chất khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, vừa chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam khô nóng. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10, tập trung 90% lượng mưa hàng năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể.

Nhiệt độ trung bình năm 23 - 24⁰C, nhiệt độ cao nhất 37⁰C, tháng nóng nhất là tháng 4. Nhiệt độ thấp nhất 14⁰C, tháng lạnh nhất vào tháng 12. Tổng số giờ nắng trong năm trung bình 2000 - 2300 giờ. Tổng tích ôn cao 8.000⁰C.

Lượng mưa bình quân toàn vùng 1.600 - 2.000 mm, tổng lượng nước đến lãnh thổ Đắk Lắk 20,5 tỷ m³ nước. Lượng mưa phân bố không đều theo thời gian, theo vùng lãnh thổ và địa hình chia cắt phức tạp, mùa mưa thường gây ngập úng cục bộ tại một số vùng ven sông: Krông Ana, Lăk và Krông Păc, mùa khô thiếu nước nghiêm trọng. Tháng mưa nhiều nhất vào tháng 8- 9; mưa ít nhất vào tháng 1, 2, nhất là ở Krông Păc, Krông Bông, phía Tây M'Đrăk và Đông Krông Búk.

Độ ẩm không khí trung bình 81 - 83%. Độ bốc hơi mùa khô 14,6 - 15,7 mm/ngày, mùa mưa 1,5 - 1,7 mm/ngày. Hướng gió thịnh hành mùa mưa là Tây Nam, mùa khô là Đông Bắc, tốc độ gió bình quân 2,4 - 5,4 m/s. Hầu như không có bão.

2.3. Thủy văn và tiềm năng thủy điện

2.3.1. *Hệ thống thủy văn.* Đắk Lắk có nhiều sông suối, phân bố đều trên địa bàn tỉnh, mật độ sông suối 0,8 km/km². Đắk Lắk có hai hệ thống sông chính là Sêrêpôk và sông Ba:

a) *Hệ thống Sông Sêrêpôk:* Chiều dài sông chính là 315 km, diện tích lưu vực 30.100 km² (trong phạm vi của Đắk Lắk là 4.200 km²), do hai nhánh sông Krông Nô và Krông Ana hợp lưu tạo thành.

b) *Hệ thống lưu vực sông Ba:* Diện tích lưu vực 13.900 km², nằm về phía Đông Bắc tỉnh và có hai phụ lưu chính chảy trong phạm vi của tỉnh là: sông Krông Hin và sông Krông Năng.

c) *Hệ thống các hồ:* Ngoài hệ thống sông chảy qua lãnh thổ của Đắk Lắk, do đặc điểm địa hình, sự ưu đãi của thiên nhiên và bàn tay của con người Tây Nguyên đã hình thành gần 489 hồ tự nhiên và nhân tạo, độ sâu từ vài mét tới 25 m. Tổng dung tích các hồ chứa 200 - 450 triệu m³ nước. Đây có thể coi là các khu vực chứa nước trên cao nguyên Đắk Lắk phục vụ cho các nhu cầu dân sinh kinh tế: tưới tiêu, du lịch tham quan, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường.

2.3.2. *Tiềm năng thủy điện.* Các sông suối của Đắk Lắk có trữ lượng thủy điện lớn, riêng hệ thống Sêrêpôk có trữ năng kinh tế được đánh giá khoảng 2.636 triệu KW. Ngoài ra, Đắk Lắk còn có các sông suối nhỏ nằm trên các lưu vực sông Ba, thuận tiện cho việc xây dựng thủy điện nhỏ và vừa có công suất 15 - 1.500 KW.

3. Tài nguyên thiên nhiên

3.1. Tài nguyên đất

3.1.1- *Thổ nhưỡng:* Theo kết quả phân loại đất đã được công bố năm 1995 (FAO - UNESCO), đất Đắk Lắk được chia thành 11 nhóm và 84 đơn vị đất đai.

Đất đai ở Đắk Lắk khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (dễ khai thác, đầu tư cải tạo thấp, độ an toàn sinh thái cao). Nhóm đất đỏ phần lớn nằm trên địa hình tương đối bằng phẳng rất phù hợp cho phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su v.v. Ngoài ra còn có nhiều loại đất khác như đất xám, đất nâu, đất nâu thẫm, thích nghi với nhiều loại cây trồng khác nhau như cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả và một số cây lâu năm khác...

3.1.2- *Sử dụng đất:* Theo kết quả kiểm kê đất đai tỉnh Đắk Lắk năm 2005, tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 1312,5 nghìn ha, bao gồm:

a)- Đất nông nghiệp. Toàn tỉnh có 1.084,6 nghìn ha, chiếm 82,64% diện tích tự nhiên. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp có 464,8 nghìn ha, chiếm 35,41%, bao gồm đất trồng cây hàng năm có 200,4 nghìn ha, chiếm 15,27%. Đất trồng lúa 53,4 nghìn ha, đất trồng cây hàng năm khác 147 nghìn ha; đất trồng cây lâu năm có 264,4 nghìn ha, chiếm 20,14%.

- Đất lâm nghiệp 618,2 nghìn ha, chiếm 47,1% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó đất rừng sản xuất 246,6 nghìn ha, chiếm 18,8%, rừng phòng hộ

là 143,4 nghìn ha chiếm 10,9%, rừng đặc dụng 228,2 nghìn ha, chiếm 17,4%.

- Ngoài ra còn có đất nuôi trồng thủy sản có 1.597 ha và các loại đất nông nghiệp khác trên 11 nghìn ha.

b) Đất phi nông nghiệp. Diện tích 91,55 nghìn ha, chiếm 6,98% diện tích tự nhiên, trong đó đất ở đô thị 2,2 nghìn ha, đất ở nông thôn 10,7 nghìn ha, đất chuyên dùng 45,5 nghìn ha, chiếm 3,46%, đất tôn giáo tín ngưỡng 96,97 ha; đất nghĩa trang nghĩa địa 1,67 nghìn ha, đất sông suối và mặt nước chuyên dùng 31,3 nghìn ha và đất phi nông nghiệp khác 13,3 ha.

c) Đất chưa sử dụng. Diện tích 136,3 nghìn ha, chiếm 10,39% diện tích tự nhiên, trong đó đất bằng chưa sử dụng 12 nghìn ha, đất đồi núi chưa sử dụng 123,8 nghìn ha.

3.2. Tài nguyên rừng

Đến năm 2010, diện tích đất lâm nghiệp của Đắk Lắk có 599.738 ha., trong đó đất rừng sản xuất chiếm 52,1%, đất rừng phòng hộ chiếm 11,3% và đất rừng đặc dụng chiếm 36,6%

Rừng Đắk Lắk có nhiều loại gỗ, cây dược liệu trong đó có một số loại gỗ quý như Cẩm Lai, Trắc, Lim, Sến, Táu, Cà te, Giáng hương, Thủy tùng ... ngoài ra còn nhiều loại lâm thổ sản khác; nhiều loại động vật quý hiếm được ghi vào sách đỏ của nước ta và sách đỏ của thế giới phân bố chủ yếu ở vườn quốc gia Yok Đôn, các khu bảo tồn Nam Kar, Cư Yang Sin, Ea Sô ... Rừng Đắk Lắk nằm ở thượng lưu các sông suối lớn nên đóng vai trò quan trọng về phòng hộ và bảo vệ nguồn sinh thủy không những cho tỉnh và còn cho cả khu vực.

3.3. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt: Mạng lưới sông suối, hồ đập phân bố trên hầu khắp các địa bàn trong tỉnh nên nguồn nước mặt tương đối dồi dào; toàn tỉnh có 489 hồ chứa với tổng diện tích mặt thoáng hồ gần 9.000 ha, dung tích chứa khoảng 450 triệu m³, đáp ứng được cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt dân cư. Tuy nhiên do diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp khả năng giữ nước ngày càng kém, mặt khác chịu ảnh hưởng của khí hậu cao nguyên nên vào mùa khô mưa ít, nắng nóng kéo dài làm khô hạn, nhiều sông suối bị cạn, thiếu nước.

Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu nghiên cứu thăm dò và kết quả đánh giá nước dưới đất trên địa bàn cho thấy: nguồn nước ngầm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tương đối phong phú nhưng tập trung ở khối bazan Buôn Ma Thuột - Krông Buk. Nhưng ở một số khu vực như M'Đrăk, Krông Bông, Ea Kar, phía Đông huyện Ea H'leo nguồn nước ngầm kém hơn, việc đầu tư khai thác đòi hỏi nguồn kinh phí lớn.

Tuy nhiên, do khai thác và sử dụng chưa hợp lý nguồn nước cộng với việc phá rừng và do các điều kiện tự nhiên có những biến động nên tình trạng hạn hán, thiếu nước trong mùa khô thường xuyên diễn ra, ảnh hưởng xấu tới sản xuất nông nghiệp và đời sống .

3.4. Tài nguyên khoáng sản

Đắk Lắk là tỉnh có tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, nhất là khoáng sản phục vụ cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Các khoáng sản chủ yếu là: Caolin, Fenspat, Cát, cuội sỏi, đá granit, Than bùn.

Ngoài các loại khoáng sản kể trên Đắk Lắk còn có thể khai thác một số loại khoáng sản khác như quặng chì, kẽm, fluorit...

3.5. Tài nguyên du lịch.

Đắk Lắk có nhiều tiềm năng phát triển mạnh du lịch với các loại hình đa dạng như du lịch sinh thái, cảnh quan; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch lễ hội v.v. Các điểm du lịch sinh thái, cảnh quan có các thắng cảnh như thác Dray Nur, thác Gia Long, Dray H'Linh, Krông Kmar, vườn quốc gia Yook Đôn, Chư Yang Sin, khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, hồ Lắk, hang đá Đắk Tuor, hồ Ea Sup thượng... Các điểm du lịch văn hóa, lịch sử như nhà đày Buôn Ma Thuột, nhà bảo tàng dân tộc Đắk Lắk, sa bàn chiến thắng Buôn Ma Thuột. Du lịch lễ hội có các lễ hội đặc trưng cho Đắk Lắk như lễ hội cồng chiêng, đua voi, đâm trâu, lễ hội của các dân tộc thiểu số v.v. Do điều kiện giao thông thuận lợi, Đắk Lắk là một trong những điểm đón khách du lịch của các tuor du lịch trong cả nước, nhất là các tuor từ thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang v.v. Đầu tư khai thác các tiềm năng du lịch sẽ góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

4. Dân số và nguồn lao động

4.1. Dân cư và phân bố dân cư

Năm 2010, dân số trung bình toàn tỉnh 1.754.390 người, trong đó dân số đô thị chiếm 24%, còn lại chủ yếu là dân số nông thôn chiếm 76%. Mật độ dân số trung bình toàn tỉnh là 133,6 người/km². Dân số phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột (878,26 người/km²), thị trấn huyện lỵ, ven các trục quốc lộ 14, 26, 27 chạy qua như Krông Pắc, Cư Kuin, Thị xã Buôn Hồ, Krông Ana, Cư M'gar, Krông Ana (khoảng 200 - 350 người/km²). Các huyện có mật độ dân số thấp chủ yếu là các huyện đặc biệt khó khăn như Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, M'Drắk, Ea H'leo v.v. (dưới 100 người/km²). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình hàng năm giảm từ 2,44% năm 2000 xuống còn 1,33% vào năm 2010.

Đắk Lắk là tỉnh có nhiều dân tộc cùng chung sống, là cộng đồng gồm 44 dân tộc cùng chung sống, trong đó người Kinh chiếm trên 70%; các dân tộc thiểu số như Êđê, Mnông, Thái, Tày, Nùng,... chiếm gần 30% (đông nhất là đồng bào Êđê chiếm 12,9%, kế đó là người M'nông chiếm 3,3%) dân số toàn tỉnh, mỗi dân tộc có những nét đẹp văn hoá riêng. Đặc biệt là văn hoá truyền thống của các dân tộc Êđê, M'Nông v.v với những lễ hội cồng chiêng, đâm trâu, đua voi mùa xuân; kiến trúc nhà sàn, nhà rông; các nhạc cụ lâu đời nổi tiếng như các bộ cồng chiêng, đàn đá, đàn Trùng; các bản trường ca Tây Nguyên ... là những sản phẩm văn hoá vật thể và phi vật thể quý giá, trong đó cồng chiêng đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới. Tất cả các truyền

thông văn hóa tốt đẹp của các dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú về văn hóa của Đắk Lắk.

4.2. Nguồn lao động

Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của tỉnh với mức tăng 1,8% trong thời kỳ 2001- 2010, từ 890.061 người năm 2000 lên 1.063.468 người năm 2010 (chiếm 58 – 60,6% dân số toàn tỉnh).

Cùng với tỉ lệ tăng dân số tự nhiên và cơ học do di dân từ các tỉnh khác đến, nguồn lao động của Đắk Lắk cũng tăng lên đáng kể. Số lao động đang làm trong các ngành kinh tế của tỉnh năm 2010 có 965.514 người, tăng 148.399 người so với năm năm 2000 và tăng bình quân 1,68%/năm trong thời kỳ 2001 – 2010. Nguồn nhân lực không ngừng tăng thêm là yếu tố quan trọng cho sự phát triển, song cũng tạo sức ép trong vấn đề giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội như giáo dục - đào tạo, y tế v.v.

Tuy nguồn lao động chiếm tỉ lệ cao trong dân số, song trình độ dân trí và chất lượng nguồn lao động còn thấp; tỉ lệ lao động được đào tạo chưa cao, thiếu đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề và cán bộ tổ chức quản lý. Đây cũng là một trong những hạn chế của tỉnh trong quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế.

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẾN NĂM 2010

1. Lĩnh vực kinh tế:

1.1. Nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và ổn định.

Tăng trưởng giá trị tổng sản phẩm (giá so sánh 1994) bình quân hàng năm giai đoạn 2006 – 2010 ước đạt 12,1%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (KH tăng 11-12%/năm). Trong đó: Tăng trưởng ngành công nghiệp – xây dựng đạt 18,4% (KH tăng 22-23%); dịch vụ đạt 22,1% (KH tăng 18-19%), nông – lâm – ngư nghiệp đạt 6,1% (KH tăng 5 – 6%). Quy mô nền kinh tế năm 2010 đạt hơn 12.826 tỷ đồng, gấp 2,63 lần so với năm 2000 và gấp 1,77 lần so năm 2005.

Giá trị tổng sản phẩm năm 2010 bình quân đầu người (giá hiện hành) ước đạt 14,452 triệu đồng/người (theo giá so sánh 1994); tương đương 949 USD.

Cơ cấu kinh tế: So sánh năm 2005 với năm 2010, theo giá thực tế, tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp giảm từ 57,2% năm 2005 xuống 53,6% năm 2010; công nghiệp – xây dựng tăng từ 17,2% lên 17,4%; các ngành dịch vụ tăng từ 25,6% lên 29%

1.2. Huy động vốn đầu tư xã hội:

Vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh qua các năm, đặc biệt là hai năm cuối kỳ kế hoạch (2009 – 2010) do Chính phủ thực hiện chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng để chống suy giảm kinh tế, làm cho tốc độ tăng bình quân vốn

đầu tư xã hội cả thời kỳ tăng mạnh, đạt 28,4%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2006 – 2010 ước đạt 29.436 tỷ đồng, bằng 31,8% GDP theo giá hiện hành. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý chiếm 18,4%; vốn Trung ương đầu tư trên địa bàn chiếm 16,2%; vốn khu vực ngoài quốc doanh đầu tư chiếm 45,6%; vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và vốn của doanh nghiệp nhà nước chiếm 12,9%; vốn nước ngoài và các nguồn vốn khác (ODA, NGO, FDI, ...) chiếm 7%.

Cơ cấu đầu tư: Vốn đầu tư vào các ngành sản xuất và hạ tầng kinh tế chiếm 84,7%; trong đó: nông nghiệp và phát triển nông thôn chiếm 36,2%; công nghiệp và xây dựng chiếm 24,9%, thương mại, dịch vụ và bưu chính viễn thông chiếm 23,6%; Vốn đầu tư cho hạ tầng xã hội chiếm 13,3%; vốn đầu tư các ngành khác chiếm 2,0%.

1.3. Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tăng dần qua từng năm đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

- *Về giao thông:* Đến nay, nhựa hóa mặt đường và cầu vĩnh cửu các tuyến Quốc lộ 26, 27, 14; các đoạn qua thị trấn được mở rộng. Nâng cấp, nhựa hóa được 56,5 km Tỉnh lộ, nâng tỷ lệ nhựa hóa Tỉnh lộ lên 347/460 km, đạt 75,4%. Đường huyện nhựa hóa được 211 km, nâng tổng số km đường huyện được nhựa hóa lên 498/956 km, đạt 52%. Đường xã nhựa hóa được 598,7/2.393km, đạt 25%. Sân bay Buôn Ma Thuột được nâng cấp đường băng đảm bảo cất, hạ cánh máy bay A320/321. Đã có 129/159 xã, bằng 81% số xã có đường nhựa đến trung tâm, còn 30 xã đang lập dự án đầu tư để tranh thủ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư.

- *Về thủy lợi:* Trong 5 năm, đầu tư xây dựng 177 công trình, trong đó nâng cấp, sửa chữa có 84 công trình, xây dựng mới 93 công trình nâng tổng số công trình thủy lợi toàn tỉnh lên 607 công trình. Đầu tư kiên cố hóa 429 km kênh mương, nâng tổng số kênh mương được kiên cố hoá lên 629 km; Ước tính diện tích tưới của các công trình 193.984 ha, đạt tỷ lệ 70% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới

- *Hệ thống lưới điện:* Trong 5 năm, xây dựng mới được 87 km đường dây 220 KV, 60 km đường dây 110 KV; 1.212 km đường dây trung hạ áp và các trạm biến áp với tổng công suất 225 MVA. Hoàn thành cấp điện cho 315 thôn, buôn chưa có điện và kéo điện sinh hoạt cho 39.755 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, đạt tỷ lệ 94% thôn, buôn có điện; 95% số hộ được dùng điện; 100% số xã có lưới điện quốc gia. Mức tiêu thụ bình quân đạt 437kwh/người/năm, tăng gấp hai lần so với năm 2005.

- *Thông tin:* Đến nay 100% số xã có hệ thống thông tin thông suốt. Mật độ thuê bao điện thoại tính cả cố định và di động đạt 108 máy/100 người dân, riêng thuê bao cố định đạt 15,7 thuê bao/100 dân; 7,4 thuê bao internet/100 người dân.

- *Chương trình nước sinh hoạt:* đã đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước máy cho thành phố Buôn Ma Thuột và 03 thị trấn huyện. Các nguồn vốn

Chương trình mục tiêu Quốc gia chủ yếu hỗ trợ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo xây dựng giếng nước sinh hoạt. Đến nay, toàn tỉnh ước tính cấp nước đô thị đạt định mức 80 lít/người/ngày cho 60% dân số; cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho dân cư nông thôn đạt khoảng 71,3%.

- *Kết cấu hạ tầng xã hội* được quan tâm đầu tư, trong giai đoạn 2006 – 2010 đã nâng tỷ lệ phòng học kiên cố hoá đạt 58,4% và 22% trường học được xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia; 126 trạm y tế xã được xây dựng đủ tiêu chuẩn quốc gia, nâng tỷ lệ trạm y tế được xây dựng chuẩn Quốc gia đạt 90%. Đã đầu tư thêm 110 nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng các buôn đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo 100% buôn có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Đầu tư mới và bổ sung cụm loa cho các xã, đảm bảo 100% xã có hệ thống truyền thanh không dây.

1.4. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có mức tăng trưởng khá và tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế và ổn định xã hội:

Trong những năm qua, mặc dù gặp nhiều bất lợi do thiên tai, dịch bệnh nhưng ngành nông – lâm – ngư nghiệp vẫn có mức tăng trưởng bình quân 6,1%/năm (theo giá so sánh 1994) và chiếm tỷ trọng 49,9% trong nền kinh tế. Năm 2010, giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp đạt khoảng 32,3 triệu đồng/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2010 đạt trên 1 triệu tấn. Diện tích cây dài ngày tăng, nhất là cây cà phê, ca cao, cao su và cây ăn quả. Riêng cà phê đến năm 2010 ước tính có diện tích 182,4 ngàn ha, sản lượng ước đạt trên 381 ngàn tấn nhân.

Chăn nuôi tuy bị ảnh hưởng của dịch bệnh gia súc, gia cầm, song vẫn có sự phát triển cả về tổng đàn và giá trị sản phẩm chăn nuôi, nhưng quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành chăn nuôi còn rất chậm, nuôi trồng thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng.

Sản xuất lâm nghiệp cơ bản đã chuyển đổi cơ chế quản lý mới. Xã hội hóa nghề rừng và việc đổi mới cơ chế khoán, tăng mức hỗ trợ trong lâm nghiệp đã thu hút các nguồn vốn cho phát triển rừng, nhất là phát triển trồng rừng và kinh doanh nông – lâm – dịch vụ kết hợp. Khai thác gỗ rừng tự nhiên giảm mạnh, chế biến lâm sản chuyển dần sang sử dụng nguyên liệu gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường, song tình trạng vi phạm Pháp luật về quản lý bảo vệ và phát triển rừng vẫn diễn ra khá nghiêm trọng, diện tích và chất lượng rừng tự nhiên tiếp tục bị thu hẹp. Độ che phủ của rừng năm 2010 ước đạt 50%.

1.5. Công nghiệp – xây dựng có bước phát triển khá nhanh, góp phần tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nhịp độ tăng trưởng cao, số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng mạnh song chủ yếu là cơ sở quy mô nhỏ; phát triển sản xuất công nghiệp vẫn tập trung vào các sản phẩm mang tính truyền thống, còn nặng về khai thác tài nguyên thiên nhiên. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2010 (giá so sánh 1994) đạt 3.750 tỷ đồng,

tăng hơn 3,4 lần so với năm 2005 (tăng bình quân 28%/ năm). Công nghiệp chế biến vẫn chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 69% toàn ngành; công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước chiếm 27%, còn lại là công nghiệp khai khoáng và các ngành công nghiệp khác.

Số cơ sở sản xuất tăng nhanh, nhưng hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, sản xuất các sản phẩm đáp ứng các nhu cầu nội địa, chỉ một số ít sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài. Công nghiệp năng lượng điện đã và đang được đầu tư với nhiều quy mô, nguồn vốn, loại hình sở hữu đã đóng góp ngày một tăng vào tổng giá trị sản phẩm của ngành.

1.6. Các ngành dịch vụ và hoạt động thương mại phát triển nhanh, đáp ứng tốt các nhu cầu ngày một đa dạng của sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xã hội:

Tăng trưởng ngành dịch vụ bình quân hàng năm (giá so sánh 1994) đạt 22,1%. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội trong 5 năm tăng bình quân 27,3%/năm, giá trị năm 2010 đạt 26.400 tỷ đồng, gấp gần 5 lần so năm 2005.

- *Hoạt động xuất nhập khẩu* có nhiều cố gắng, củng cố được thị trường truyền thống và phát triển mở rộng thêm một số thị trường mới. Tổng kim ngạch **xuất khẩu** đạt 2.931 triệu USD (gấp 2,51 lần so với giai đoạn 2001 – 2005). Tổng kim ngạch **nhập khẩu** đạt 117,6 triệu USD (gấp 1,85 lần giai đoạn 2001 – 2005).

- *Hoạt động du lịch* phát triển khá, doanh thu du lịch tăng bình quân 17%/năm. Năm 2010, doanh thu du lịch ước đạt 200 tỷ đồng, gấp 2,2 lần so với năm 2005.

- *Dịch vụ vận tải* được xã hội hóa mạnh mẽ, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khối lượng luân chuyển hàng hoá và hành khách đều có mức tăng khá. Hệ thống xe buýt đã có tuyến đến tất cả các trung tâm huyện, thị xã trong tỉnh góp phần đáng kể vào việc đáp ứng nhu cầu đi lại và hạn chế tai nạn giao thông.

- *Dịch vụ bưu chính viễn thông* từng bước được hiện đại hoá, đảm bảo thông tin liên lạc nhanh chóng, thuận tiện; 100% xã, phường, thị trấn đều có hệ thống điện thoại và có thể truy cập được internet. Hệ thống bưu chính đảm bảo chuyển, phát thư, báo trong ngày đến tất cả các xã trên địa bàn tỉnh tại tỉnh phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.7. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn có nhiều tiến bộ.

Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trong những năm qua tăng nhanh, bình quân 22,9%/năm, chiếm 10,3% GDP (*GDP tính theo giá hiện hành; KH bình quân 5 năm 11 – 12% GDP*). Trong bối cảnh giá cả thực tế những năm qua tăng mạnh tương ứng GDP theo giá thực tế tăng, trong khi một số nguồn thu, nhất là các loại thuế và thuế suất lại có xu hướng giảm do chính sách của nhà nước trong nông nghiệp và lộ trình giảm thuế khi gia nhập WTO, kết quả

thu ngân sách đạt được trong 5 năm là khả quan.

Tỉnh đã phân bổ ngân sách hợp lý và thực hành chi tiêu tiết kiệm nên các nguồn lực đầu tư từ ngân sách đạt hiệu quả, hướng đầu tư giảm mạnh các khoản bao cấp để tập trung chi cho đầu tư phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

18. Hoạt động kinh tế đối ngoại có bước chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực; công tác xúc tiến đầu tư, hợp tác phát triển và vận động, thu hút viện trợ có nhiều tiến bộ cả về nội dung và hình thức.

- Về hợp tác đầu tư: Tỉnh đã ban hành chính sách khuyến khích và đảm bảo đầu tư; ký kết chương trình hợp tác với các địa phương trong nước, ... làm cho kết quả thu hút đầu tư vào tỉnh được nâng cao.

- Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Hiện nay, tỉnh có 06 dự án đầu tư nước ngoài đang hoạt động với tổng vốn đầu tư trên 38 triệu USD.

- Về viện trợ phát triển chính thức (ODA): Các Dự án ODA đang triển khai đã góp phần vào việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực và xóa đói giảm nghèo. Công tác vận động ODA tiếp tục triển khai theo hướng chủ động hơn và tập trung vào các Dự án trọng điểm của tỉnh được các nhà tài trợ lớn quan tâm như DANIDA, GTZ, JICA, WB, ADB, KOIKA v.v...

- Về viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO): Hầu hết các chương trình, dự án NGO đã và đang triển khai đều tập trung vào các lĩnh vực phát triển cộng đồng như phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục; ưu tiên phát triển năng lực cho phụ nữ, trẻ em; Hoạt động của các tổ chức NGO tương đối ổn định, có những hiệu quả nhất định về mặt xã hội.

- Về Chương trình tam giác phát triển: Các doanh nghiệp trong tỉnh đã chủ động triển khai chương trình hợp tác và đầu tư sang Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia trong khuôn khổ quy hoạch tổng thể tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia.

2. Lĩnh vực Văn hoá- Xã hội:

2.1. Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo tiếp tục, phát triển mạnh về quy mô, chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều tiến bộ, việc bồi dưỡng, đào tạo giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn được chú trọng. Tỷ lệ trẻ đi mẫu giáo và học sinh đi học đúng độ tuổi tăng qua các năm học. Cơ sở vật chất trường học đã được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục; 99% đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn; đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở vào năm 2009; Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn Quốc gia: 9,8% trường Mầm non, 22,8% trường Tiểu học, 12,2% trường Trung học cơ sở và 6,0% trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Đào tạo nghề tăng nhanh về số lượng, từng bước nâng cao chất lượng, đưa

tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 20,5% năm 2005 lên 37% năm 2010. Xã hội hóa đào tạo nghề được đẩy mạnh, đã đầu tư xây dựng 4 trung tâm dạy nghề tại 4 huyện; đến nay đã có 35 cơ sở dạy nghề công lập, ngoài công lập, tăng 15 cơ sở so với năm 2005.

Hệ thống trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề được củng cố và mở rộng cả về quy mô và ngành nghề đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

2.2. Công tác y tế có nhiều tiến bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân:

Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm củng cố, cán bộ y tế cơ sở được tăng cường, các chương trình y tế quốc gia, các chính sách y tế cho người nghèo, trẻ em và đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đạt kết quả tốt. Xã hội hóa lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe ngày một mạnh mẽ hơn đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ trong lĩnh vực này. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ em được triển khai khá đồng bộ đã góp phần duy trì mức giảm sinh hàng năm, nâng cao sức khỏe cho đối tượng bà mẹ, trẻ em. Đến hết năm 2010 có 90,2% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 83,1% trạm y tế xã có bác sỹ, 100% thôn, buôn có cán bộ y tế; 27,7% trẻ em suy dinh dưỡng.

2.3. Thông tin – Truyền thông:

Công tác thông tin tuyên truyền đã bám vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mạng lưới bu rục, trạm phát sóng thông tin di động, đài truyền thanh, truyền hình ... tiếp tục được đầu tư phát triển, nội dung chương trình phát thanh truyền hình ngày càng phong phú đã đáp ứng tốt các yêu cầu đảm bảo thông tin quản lý, điều hành phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

Toàn tỉnh có 16 đài phát thanh truyền hình; 34 máy phát thanh truyền hình, 21 máy phát thanh FM và 180 máy phát; 152/152 xã có báo đọc trong ngày, 25 Điểm bưu điện văn hóa xã có kết nối internet. Tỷ lệ điện thoại /100 dân đạt 108 máy, riêng điện thoại cố định có 15,7 máy /100 dân. Tỷ lệ người sử dụng 26%, bình quân 7,43 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 100%, phủ sóng truyền hình đạt 99%; 100% xã có trạm truyền thanh.

3. Đánh giá chung

3.1. Những thành tựu đạt được:

Trong 5 năm 2006 – 2010, tuy tình hình chung của cả nước có nhiều khó khăn do tác động của lạm phát ở giữa kỳ và suy giảm kinh tế ở cuối kỳ, song nhìn chung các mặt kinh tế của tỉnh vẫn duy trì được tốc độ phát triển khá. Quy mô nền kinh tế được mở rộng, cơ cấu kinh tế tiếp tục có chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Các mặt văn hóa xã hội được cải thiện đáng kể. Quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đó là những thuận lợi cơ bản cho bước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Ngành nông – lâm nghiệp tiếp tục khẳng định vị trí chủ đạo trong nền kinh

tế, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội. Công nghiệp có bước chuyển biến, nhiều dự án đang được đầu tư, nhất là lĩnh vực thủy điện và chế biến nông, lâm sản. Các ngành dịch vụ phát triển mạnh mẽ, cơ bản đáp ứng được cho các nhu cầu ngày một cao và đa dạng hơn của sản xuất và tiêu dùng xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông, điện, nước, trường học, bệnh viện, ... được cải thiện. Hoạt động kinh tế đối ngoại có nhiều khởi sắc. Các thành phần kinh tế phát triển nhanh, đặc biệt là kinh tế ngoài quốc doanh thích ứng tốt với cơ chế thị trường, hoạt động hiệu quả đã đóng góp ngày càng nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển kinh tế và tham gia tích cực hơn trong việc cùng với Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội.

Chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển nguồn lao động có đào tạo ngày một tăng. Chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, văn hoá tinh thần và các dịch vụ xã hội khác được nâng lên một bước.

Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường. Tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới được áp dụng ngày một rộng rãi hơn vào đời sống xã hội. Cải cách hành chính đạt được những kết quả tích cực, từng bước tạo được môi trường thuận lợi cho các hoạt động của xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, các cơ quan nhà nước.

Nhiều chương trình, dự án đầu tư vào vùng sâu, vùng xa, cùng với các chính sách hỗ trợ thiết thực cho đồng bào dân tộc thiểu số, cho hộ nghèo, ... đã góp phần làm thay đổi đáng kể kết cấu hạ tầng, điều kiện hưởng thụ văn hóa xã hội và trình độ khoa học kỹ thuật cho khu vực nông thôn nói chung, cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng được tăng cường, an ninh biên giới được giữ vững.

3.2 – Những yếu kém, tồn tại:

- Công tác quản lý quy hoạch chung và quy hoạch ngành còn thiếu đồng bộ. Thu hút đầu tư nói chung, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) nói riêng còn hạn chế. Quy mô nền kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; chất lượng tăng trưởng chưa cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp còn chậm, hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý tài nguyên, nhất là quản lý bảo vệ rừng, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên nước, khoáng sản... còn một số hạn chế; Hạ tầng kinh tế kỹ thuật đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển chung của tỉnh; hệ thống đường tỉnh lộ nhiều nơi đang xuống cấp, nhưng nguồn vốn đầu tư có hạn. Thủy lợi chưa đáp ứng nhu cầu tưới cho diện tích cây trồng trong thời điểm nắng hạn. Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện. Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở khu vực đô thị, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trình độ công nghệ của một số ngành sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trên thị trường. Sản phẩm du lịch còn sơ sài, chậm phát triển và chưa đáp ứng kịp với nhu cầu của khách hàng.

- Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đồng đều giữa các địa phương;

công tác dạy nghề cho lao động chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng khám điều trị bệnh ở các tuyến chưa phát huy hiệu quả; vấn đề quản lý vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, quản lý hành nghề y dược tư nhân còn một số mặt chưa tốt; giáo dục truyền thông về dân số - sức khỏe - sinh sản, trẻ em suy dinh dưỡng hiệu quả còn hạn chế. Công tác bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả thấp. Kết quả giảm nghèo thiếu bền vững. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chưa cao. Một số chỉ tiêu về xã hội đạt thấp so với kế hoạch đề ra như: Tỷ lệ chuẩn hóa giáo viên; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia; giảm tỷ suất sinh hàng năm; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em.

- Quốc phòng an ninh có một số mặt chưa thực sự ổn định. Trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn và tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông đã được kiềm chế và có chiều hướng giảm, nhưng vẫn còn ở mức cao.

PHẦN THỨ BA

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH ĐẮK LẮK ĐẾN NĂM 2010

Các hoạt động văn hóa, thể thao, phát thanh truyền hình đã tập trung vào công tác tuyên truyền về cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và vận động quần chúng bảo vệ an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh. Các đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật đa dạng, phong phú cùng nhiều hoạt động vui chơi bổ ích để phục vụ nhân dân nhân dịp các ngày lễ, tết. Các hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe tiếp tục được duy trì rộng khắp trên toàn tỉnh.

Các hoạt động thể dục thể thao ngày càng đa dạng về nội dung và hình thức. Thể thao thành tích cao đạt kết quả khá, số vận động viên đạt giải quốc gia ngày càng nhiều. Có 73% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa các cấp; 32% xã, phường, thị trấn đăng ký xây dựng văn hóa; 44,6% thôn, buôn, tổ dân phố; 57,3% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% số buôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn, buôn được quy hoạch đất để xây dựng hội trường, điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao.

1. Thực trạng phát triển thể dục, thể thao cho mọi người.

Đánh giá sự phát triển thể dục, thể thao cho mọi người từ năm 2006 đến nay ở các lĩnh vực: thể dục, thể thao trong nhà trường; thể dục, thể thao quần chúng; thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang và phát triển, bảo tồn các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian như sau:

1.1. Thể dục, thể thao trong nhà trường.

Những năm gần đây, công tác giáo dục thể chất cho học sinh trong nhà trường các cấp được ngành Giáo dục và Đào tạo tập trung chỉ đạo nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng, bảo đảm các yêu cầu về giảng dạy. Giảng dạy đúng chương trình và kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

Công tác xây dựng cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học môn thể dục ở các nhà trường cũng được quan tâm tạo điều kiện, khắc phục được tình trạng “dạy chay, học chay” ở một số trường trước đây (Nhà tập luyện: 38, sân bóng chuyền 548, sân bóng đá 170, sân bóng rổ 64, sân điền kinh: 271, bàn bóng bàn 265...), 100% số trường đảm bảo chương trình giáo dục thể chất. Hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá trong các trường ngày càng được quan tâm hơn và bước đầu có những hình thức tập luyện phong phú hơn, số trường hoạt động ngoại khoá có nề nếp duy trì khoảng 60- 70%. Tuy nhiên, ở một số các trường ở vùng sâu, vùng xa công tác giáo dục thể chất trong nhà trường còn có nhiều khó khăn, bất cập.

Nổi bật công tác giáo dục thể chất trong nhà trường là việc tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng các cấp hàng năm và tham gia các giải thi đấu học sinh toàn quốc. Có xu hướng hình thành các trung tâm thể thao của các đơn vị trường học như: câu lạc bộ cầu lông, bóng bàn trường chuyên Nguyễn Du, Trường Dân tộc

nội trú Nơ Trang Long, Trường THPT Chu Văn An, trung học phổ thông Buôn Ma Thuật, trung học phổ thông Buôn Hồ...

Hoạt động thể dục thể thao trường học đã từng bước góp phần tích cực vào việc bảo vệ, rèn luyện nâng cao sức khỏe của học sinh, tạo điều kiện thuận lợi để chuẩn bị thực hiện chương trình quốc gia nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong thời gian tới.

1.2. Thể dục, thể thao quần chúng.

Phong trào tập luyện TDTT của quần chúng nhân dân đã có những bước phát triển mới theo bề rộng và chiều sâu từ cơ sở thôn buôn, xã, phường, đến huyện, thành phố, cơ quan, ban ngành, các đơn vị trên toàn tỉnh.

Hoạt động TDTT được thường xuyên tổ chức từ cơ sở đến tỉnh: Hàng năm nhân dịp chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, bình quân mỗi xã tổ chức từ 03 - 04 giải. Ở cấp huyện, thị xã và thành phố Buôn Ma Thuật: bình quân mỗi đơn vị tổ chức từ 05 - 10 giải. Ở tỉnh trung bình hàng năm tổ chức 30 - 35 giải (2008 - 2010) trong đó, 20 - 30% các giải tỉnh đưa về tổ chức ở các huyện; đăng cai tổ chức thi đấu từ 07 - 08 giải Khu vực và toàn quốc.

Các câu lạc bộ TDTT được phát triển khá nhanh cả về số lượng câu lạc bộ (CLB) và số môn, được hoạt động thường xuyên theo chủ trương xã hội hóa. Trong đó, nhiều nhất là CLB võ thuật, CLB Cầu lông, CLB Bóng Bàn; Quần vợt.

Các Hội, các Liên đoàn thường xuyên củng cố và phát triển phong trào. Số lượng các CLB, người tham gia tập luyện tại các CLB, điểm tập phát triển khá nhanh; đến năm 2010 toàn tỉnh có 256 với hơn 4000 người tham gia tập thường xuyên.

Hoàn thiện hệ thống thi đấu từ cơ sở đến tỉnh định kỳ hàng năm và thực hiện chương trình đưa Thể thao về cơ sở không chỉ nhằm kích thích phong trào rèn luyện sức khỏe, tăng cường mối quan hệ giao lưu giữa các đơn vị, tạo không khí vui tươi lành mạnh còn tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị tổ chức, tham gia thi đấu, đầu tư trang thiết bị dụng cụ phục vụ thi đấu, tập luyện cũng như đáp ứng được một phần nhu cầu thưởng thức trực tiếp các cuộc thi đấu cấp tỉnh tại đơn vị cơ sở của đông đảo quần chúng nhân dân các dân tộc tham gia ủng hộ cổ vũ cho phong trào.

Đặc biệt quan tâm và chú trọng đúng mức phát triển thể thao vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa: Hàng năm tổ chức các giải: Hội thi thể thao các dân tộc, giải Bóng đá đá dân tộc từ cơ sở đến tỉnh thu hút hàng vạn người của hơn 20 dân tộc tham gia. Khôi phục và phát huy các trò chơi dân gian mang tính truyền thống dân tộc tại các địa phương gồm có: Đua thuyền truyền thống (huyện Krông Ana, huyện Ea Sup), môn Vật truyền thống (xã Vụ Bản - Krông Pắc), đua Voi, đi Cà kheo, Đẩy gậy, Bắn nỏ... Nhằm bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và nâng cao sức khỏe, tăng cường sự đoàn kết gắn bó các dân tộc trong tỉnh, góp phần tích cực trong việc tập hợp quần chúng vào hoạt động

thể thao lành mạnh, góp phần ổn định tình hình an ninh, chính trị ở cơ sở. Đặc biệt tại hội thi thể thao các dân tộc Miền Núi khu vực II, liên tục các năm 2005, 2007, 2009 tỉnh Đắk Lắk luôn là đơn vị dẫn đầu.

Hầu hết các xã, phường, thị trấn, thị xã đều có 01 cán bộ làm công tác TDTT (một số xã cán bộ Đoàn làm kiêm nhiệm); trong những năm qua tỉnh đã chú trọng đến công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ TDTT ở cơ sở mỗi năm 01 - 02 lớp từ 60 - 100 người tham gia. Kể từ năm 2008 đã thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng cho lực lượng hướng dẫn viên TDTT tại cơ sở 380.000đ/ người/ tháng (178 người/184 xã phường, thị trấn, thị xã) và tạo mọi điều kiện phát triển các hoạt động TDTT trong thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng cán bộ, công nhân viên chức:* do có nhận thức cao, hiểu biết rõ về lợi ích của luyện tập thể dục thể thao, có điều kiện làm việc, sinh hoạt khá nề nếp, ổn định, lại tập trung chủ yếu ở thành phố, các thị trấn nên số người tự giác luyện tập thể dục thể thao ngày càng đông. Tỷ lệ cán bộ công nhân viên tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 37,6 %. Thói quen luyện tập thể thao hàng ngày đã trở thành lối sống lành mạnh ở một bộ phận không ít công chức, viên chức. Hàng năm cán bộ, công nhân viên chức thường xuyên tham gia các cuộc thi đấu thể thao nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn trong năm do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Ban, ngành, đoàn thể tổ chức các giải thi đấu ở cấp cơ sở: 64 giải/đơn vị/năm; cấp tỉnh 10 giải/đơn vị/năm cho các môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Cờ tướng, Cờ vua, Biliards, Kéo co, Nhảy bao bố... thu hút rất nhiều các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia, đã thực sự trở thành ngày hội văn hoá thể thao của những người lao động, điển hình là các doanh nghiệp Nhà nước có các cụm hoạt động thể dục thể thao: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng đầu tư và phát triển, công ty điện Việt nguyên, vườn quốc gia Yok don... Đắk Lắk cử nhiều đoàn vận động viên nghiệp dư là cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng lao động ở các ngành nghề tham dự Hội thao của các Tổng công ty, các Bộ ngành Trung ương...

- *Hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng thanh niên, thiếu niên, nhi đồng:* Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động phong trào “*Thanh niên khoẻ*”, “*Khoẻ để lập nghiệp và giữ nước*”, triển khai cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*” đã thu hút rất nhiều thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tham gia. Đã hình thành các câu lạc bộ thể dục thể thao tuổi trẻ. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Đoàn thanh niên tổ chức nhiều giải thi đấu cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố và cơ sở, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Trung tâm Thể dục thể thao ký kết với Trường Đào tạo nghề Thanh niên dân tộc tỉnh về công tác phối hợp phát triển thể dục thể thao giai đoạn 2007-2011. Các nhà Văn hoá Thanh niên, Câu lạc bộ thể dục thể thao luôn là những điểm quy tụ đông đảo thanh niên đến sinh hoạt và hình thành các đội tuyển để tham dự các giải thể thao phong trào của tỉnh và toàn quốc. Thanh niên luôn là lực lượng nòng cốt tham gia các

hoạt động thể dục thể thao phục vụ các ngày lễ, tết, các kỳ Đại hội Thể dục thể thao và các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- *Hoạt động thể dục, thể thao trong đối tượng nông dân, nông thôn, miền núi:* Phong trào thể dục thể thao đã đến với đông bào ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi thể hiện ở số người tập luyện ngày càng tăng, số môn thể thao hiện đại ngày càng được phổ biến rộng rãi như: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Việt dã, Cờ tướng, Cờ vua, Biliards, Vật, Đua thuyền, Kéo co, Đẩy gậy, Bắn nỏ, Đi cà kheo... các môn thể thao dân tộc truyền thống đang được duy trì và phát huy ở các địa phương trong tỉnh. Công tác phát triển thể dục thể thao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, các địa phương và Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tổ chức hơn 70 cuộc thi đấu dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số từ cấp cơ sở cho đến cấp tỉnh điển hình như: Ngày hội văn hoá thể thao các buôn đồng bào Ê đê của thành phố Buôn Mê Thuột và huyện Krông Búk, Liên hoan Văn hoá thể thao đồng bào các dân tộc thiểu số huyện Ea Kar và huyện Krông Năng, giải Bóng đá thanh niên dân tộc thiểu số toàn tỉnh... Đến nay, các vùng trắng về thể dục thể thao đã dần thu hẹp.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ký liên tịch về kế hoạch phát triển thể dục thể thao như: sở Giáo dục và đào tạo, Tỉnh đoàn, Hội nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Công an tỉnh, Ban dân tộc tỉnh. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tích cực triển khai phong trào xây dựng làng văn hoá, xã văn hoá, khu dân cư văn hoá trong đó thể dục thể thao là một tiêu chí quan trọng trong hương ước làng xã. Hàng năm, cấp huyện tổ chức 52 giải, hội thi thể thao trong đó có 14 hội thi dành cho nông dân, nông thôn, ở nhiều vùng nông thôn; cấp tỉnh tổ chức 16 giải, hội thi trong đó có 5 hội thao.

- *Hoạt động thể dục, thể thao trong đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:* quan tâm đến hoạt động thể dục thể thao của lớp người cao tuổi vừa là trách nhiệm vừa là đạo lý của dân tộc của toàn xã hội. Hiện nay phong trào thể dục thể thao của người cao tuổi phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Một số hoạt động thể dục thể thao của người cao tuổi thu hút đông các cụ tham gia là: Thể dục dưỡng sinh, Đi bộ, Cầu lông, Bóng bàn, Cờ tướng, Cờ vua. Hàng năm, ở cấp cơ sở, cấp tỉnh thường xuyên tổ chức Hội thao ch người cao tuổi giải/01năm.

Song song với phát triển phong trào thể dục thể thao người cao tuổi, tỉnh cũng luôn quan tâm đến hoạt động thể dục thể thao của người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thông qua hoạt động thể dục thể thao nhằm khuyến khích và động viên những người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vượt qua qua mặc cảm vươn lên hoà nhập cùng cộng đồng.

1.3. Thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang.

Đối với đối tượng quân đội và công an nhiệm vụ rèn luyện thể lực và tổ chức thi đấu phát triển rộng khắp ở các đơn vị cơ sở, với các môn thể thao như: Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Quần vợt, Bóng bàn, Chạy việt dã và chạy vũ trang, các môn võ, Kéo co, Nhảy bao bố. Công tác rèn luyện thể dục thể thao

trong quân đội, công an ở Đắk Lắk đã đi vào nề nếp và được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ hàng năm, theo kế hoạch và chỉ lệnh huấn luyện bảo đảm cho các cán bộ chiến sĩ có thể lực tốt, sẵn sàng lao động và chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ an ninh xã hội. Kết quả kiểm tra hàng năm có 95% cán bộ chiến sĩ quân đội, công an, bộ đội biên phòng đạt tiêu chuẩn chiến sĩ khoẻ. Hàng năm, cấp ngành tổ chức 2 giải/năm trong đó có 2 hội thi; cấp đơn vị cơ sở tổ chức 61 giải/năm/đơn vị trong đó có 15 hội thi... đã thu hút rất nhiều các đơn vị, chiến sĩ tham gia. Cơ sở vật chất cho các hoạt động thể dục thể thao của lực lượng vũ trang: Nhà tập luyện: 10 cái, sân bóng chuyên 90 cái, sân bóng đá: 14...

1.4. Phát triển, bảo tồn các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong quá trình xây dựng và phát triển luôn có ý thức tìm tòi để khôi phục, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc, làm phong phú hơn đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân và góp phần phát triển du lịch của tỉnh.

Những năm gần đây các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian đã được quan tâm nhiều hơn. Một số môn thể thao dân tộc đã được tổ chức nghiên cứu phục hồi và có kế hoạch phát triển như: Võ cổ truyền, Đua thuyền, Vật, Đẩy gậy, Bắn nỏ, Đi cà kheo, Kéo co; một số trò chơi dân gian đang được khai thác, phát triển: Đua thuyền trên cạn, Nhảy bao bố, Thả diều, Ném còn, Đập niêu, Đi cầu kiều. Đến nay hệ thống thi đấu các môn thể thao dân tộc đang phát triển sâu rộng ở các địa phương, cơ quan, trường học. Trong năm 2010, ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk tổ chức nhiều chuyên đề về công tác khai thác, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch đưa và tổ chức gần 300 cuộc thi đấu các trò chơi dân gian và các môn thể thao dân tộc vào hệ thống thi đấu ở cơ sở và cấp tỉnh.

Qua thực trạng hoạt động các lĩnh vực của thể dục, thể thao cho mọi người phân tích trên, đây là bộ phận cơ bản trong hoạt động thể dục thể thao của Đắk Lắk. Trong những năm gần đây, thể dục, thể thao cho mọi người đã phát triển rất rõ rệt về quy mô và chất lượng, biểu hiện tổng quát như sau:

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TDTT QUẦN CHÚNG

ĐVT: %

NỘI DUNG	2006	2007	2008	2009	2010	2011
1. Số người tập luyện thể thao thường xuyên	17,5	18,5	20,2	20,5	21,0	21,8
2. Số gia đình tham gia luyện tập thể thao	6,8	7,5	8,7	9,0	9,2	11,0
3. Tỷ lệ CBVC tập luyện TDTT thường xuyên	28,2	29,7	31,5	32,1	37,2	37,6
5. Số Câu lạc bộ luyện tập TDTT(CLB)	181	196	218	234	256	307
6. Số trường đảm bảo chương trình giáo dục thể chất	90	94	98	100	100	100
6. Cán bộ chiến sỹ LLVT đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	90	93	93	95	95	95

2. Thực trạng phát triển thể thao thành tích cao.

2.1. Số lượng môn thể thao thành tích cao.

Hiện nay, Đắk Lắk có 15 môn thể thao nằm trong hệ thống đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao. Các môn thể thao trong hệ thống thể thao thành tích cao của Đắk Lắk hiện nay được xác định đúng theo xu hướng phát triển thể thao thành tích cao của quốc gia, khu vực và phù hợp với truyền thống và các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm các môn sau đây:

- | | | | |
|--------------|----------------|-----------------|---------------|
| 1. Điền kinh | 5. Cử tạ | 9. Võ cổ truyền | 13. Taekwondo |
| 2. Boxing | 6. Bóng đá | 10. Cầu lông | 14. Thể hình |
| 3. Wushu | 7. Bóng bàn | 11. Karatedo | 15. Canoing |
| 4. Quần vợt | 8. Bóng chuyền | 12. Kickboxing | |

2.2. Thành tích thi đấu tại các giải quốc gia, quốc tế.

Thành tích thi đấu của Đắk Lắk tham gia các giải toàn quốc và khu vực:

- Năm 2004 đạt 64 huy chương các loại: 19 huy chương vàng, 13 huy chương bạc, 32 huy chương đồng.

- Năm 2005 đạt 81 huy chương các loại: 42 huy chương vàng, 19 huy chương bạc, 20 huy chương đồng.

- Năm 2006 đạt 68 huy chương các loại: 22 huy chương vàng, 18 huy chương bạc, 28 huy chương đồng. Đặc biệt tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V Đắk Lắk đã giành 6 huy chương vàng, 4 huy chương bạc, 7 huy chương đồng.

- Năm 2007 đạt 138 huy chương các loại: 43 huy chương vàng, 28 huy chương bạc, 67 huy chương đồng. Có 8 vận động viên được phong đẳng cấp kiện tướng, 12 vận động viên cấp I.

- Năm 2008 đạt 93 huy chương các loại: 34 huy chương vàng, 19 huy chương bạc, 40 huy chương đồng. Có 10 vận động viên được phong đẳng cấp kiện tướng, 14 vận động viên cấp I.

- Năm 2009 đạt 115 huy chương các loại: 43 huy chương vàng, 34 huy chương bạc, 38 huy chương đồng.

- Năm 2010 đạt 101 huy chương, trong đó: 24 huy chương vàng, 26 huy chương bạc, 51 huy chương đồng; Tại Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VI năm 2010 đạt 28 huy chương (5 HCV, 6 HCB, 17 HCD) xếp thứ 36/66 tỉnh thành ngành và thứ 5/19 tỉnh miền núi. Có 9 vận động viên kiện tướng, 20 vận động viên cấp I.

Trong những năm qua, thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk có một số thành tích nổi bật: đội bóng đá nhi đồng đạt Cúp vô địch tại vòng chung kết giải bóng đá nhi đồng toàn quốc Cúp Yamaha năm 2008 và được cử tham dự giải bóng đá U12 tại Nhật Bản; các đội kéo co nam nữ giành tất cả 4 huy chương vàng giải vô

địch kéo co toàn quốc lần thứ I và được chọn đại diện cho Việt Nam tham dự giải vô địch kéo co Châu Á tại Ma Cao - Trung Quốc, kết quả đội đạt huy chương đồng. Năm 2009 tham gia thi đấu giải vô địch Kéo co Đông Nam Á đạt 01 HCV; năm 2010 đội Kéo co tỉnh Đắk Lắk đại diện cho Việt Nam tham dự giải Kéo co Châu Á mở rộng đạt: 01 HCB; 01 HCD. Giải vô địch Kéo co Châu Á được 01 HCD.

3. Thực trạng tổ chức cán bộ và cơ sở vật chất.

3.1. Quản lý và cán bộ thể dục thể thao.

3.1.1. Cấp tỉnh.

Từ tháng 4 năm 2008 sở Văn hoá-Thể thao và sở Văn hoá-Thông tin sát nhập thành sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cơ cấu tổ chức bộ máy thực hiện theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2008 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có 116 cán bộ làm công tác thể dục thể thao. Trong đó, 64 cán bộ quản lý nhà nước và hành chính, phục vụ trong ngành thể thao và 51 huấn luyện viên các môn. Trình độ trên đại học 1 người, đại học và cao đẳng có 69 người, trung cấp và các loại khác có 34 người.

3.1.2. Cấp huyện, thành phố.

Thực hiện theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2008 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Quản lý nhà nước: Phòng Văn hoá và Thông tin.

- Đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Văn hoá-Thể thao. Cán bộ thể dục thể thao ở cấp huyện, thành phố có 17 người trong đó. Trình độ cán bộ có 10 cử nhân, cao đẳng và 7 trung cấp.

3.1.3. Cấp xã, phường, thị trấn: Tổng số 184 xã, phường, thị trấn có 184 công tác viên Thể dục thể thao (chủ yếu là kiêm nhiệm) 100% chưa qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ thể dục thể thao, chỉ tham gia các lớp tập huấn hàng năm do tỉnh và các huyện tổ chức. Số cán bộ này làm kiêm nhiệm nhiều việc, thường xuyên biến động vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến khai thác nguồn lực và phát triển phong trào thể dục thể thao cơ sở. Đây là tình trạng chung trong cả nước về sự thiếu hụt cán bộ chuyên trách thể dục thể thao xã, phường, thị trấn.

3.2. Cơ sở vật chất thể dục thể thao.

3.2.1. Diện tích đất dành cho thể dục thể thao.

Đất dành cho thể dục thể thao hiện nay khoảng 403,16 ha (bình quân đạt 2m²/ người dân). Chưa tính đất thể thao nằm trong các khuôn viên của các Tổ chức đoàn thể, Cơ quan nhà nước, Nông trường, Xí nghiệp, Trường học, Lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn toàn tỉnh.

3.2.2. Hệ thống cơ sở vật chất do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quản lý.

Hiện nay có: 01 sân vận động có khán đài có đường chạy Điền kinh; 01 nhà thi đấu có khán đài; 02 sân quần vợt và một số phòng tập các môn võ

thuật... Các công trình thể thao xây dựng từ lâu, đã lạc hậu và xuống cấp, không đảm bảo cho công tác đào tạo vận động viên, không đủ tiêu chuẩn để tổ chức thi đấu, đăng cai các giải quốc gia, quốc tế.

3.2.3. *Hệ thống cơ sở vật chất cấp huyện, cấp xã.* Hiện nay có 04 sân vận động đã xây tường bao xung quanh, 171 sân bóng đá; 03/15 huyện thành phố có nhà tập thể thao (Buôn Hồ của tư nhân), 867 sân bóng chuyền, 171 sân bóng đá, ...các công trình thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã về cơ bản chưa đảm bảo quy cách, tiêu chuẩn (sân Bóng đá chủ yếu chỉ có mặt sân) để tổ chức thi đấu các giải thể thao lớn. Sự thiếu hụt về cơ sở vật chất và quy mô, chất lượng các công trình thể dục thể thao cấp huyện, thành phố đã ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của quần chúng nhân.

3.2.4. *Công trình TDTT do các ngành, doanh nghiệp, tư nhân quản lý.* Những năm qua, số lượng các công trình thể dục thể thao, nhà tập, sân tập được các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư xây dựng như: 38 nhà tập luyện thể dục thể thao trong các cơ quan, trường học; 96 sân cỏ nhân tạo của tư nhân; 34 sân quần vợt của tư nhân và doanh nghiệp; 3 hồ bơi do tư nhân xây dựng. Có các công trình với vốn đầu tư lên đến hàng tỷ đồng như: 2 sân Quần vợt và khu vui chơi giải trí do doanh nghiệp An Nguyên Gia của huyện Krông Buk đầu tư với tổng kinh phí hơn 1,5 tỷ đồng. Hàng năm, huy động được từ các tổ chức xã hội, doanh nghiệp tài trợ cho các hoạt động thể dục thể thao nguồn kinh phí từ 200 đến 300 triệu. Các công trình thể dục thể thao này thực sự đã đóng góp vào quần thể các công trình thể dục thể thao của tỉnh phục vụ nhân dân Đắk Lắk tập luyện nâng cao sức khỏe và tổ chức các cuộc thi đấu ở cơ sở.

4. Thực trạng ngân sách thể dục thể thao.

Tỉnh đã chú trọng đầu tư ngân sách cho hoạt động sự nghiệp thể thao các cấp cụ thể như sau:

Cấp tỉnh: Trường NKTDTT: 5 tỉ 600 triệu; Trung tâm HLTT: 10 tỉ 603 triệu; Trung tâm PTTTQC: 4 tỉ 753 triệu, Trung tâm TĐ&DV: 1 tỉ 946 triệu

Cấp huyện 6 tỉ 673 triệu đồng: (dưới 300 triệu: 01 đơn vị; trên 300 triệu đến 400 triệu: 06 đơn vị; từ 500 đến 600 triệu: 6 đơn vị);

Cấp xã: 10- 12 triệu: 24 xã; 15- 16 triệu: 9 xã; 18-20 triệu: 7 xã; 22- 28 triệu: 4 xã; 30 triệu trở lên: 3 xã...

Vốn sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh năm 2010 tăng hơn so với năm 2001 (hiện tại kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao Đắk Lắk khoảng 22.092 triệu đồng đạt 0,44%/tổng chi của tỉnh trong năm); vốn thể dục thể thao cấp huyện, thành phố khoảng 6 tỉ 673 triệu đồng/năm (trung bình khoảng 420 - 430 triệu đồng /huyện/năm). Vốn sự nghiệp TDTT ở các cấp của Đắk Lắk trong những năm qua tuy có tăng, song chỉ đạt mức ở trung bình so với các tỉnh, thành phố trong toàn quốc, chưa thể đáp ứng và tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cũng như trình độ, tốc độ phát triển của thể dục thể thao hiện tại của tỉnh. Đặc biệt kinh phí xây dựng cơ bản để nâng cấp, xây dựng các công trình thể dục thể thao.

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TDTT GIAI ĐOẠN 2008 - 2011

ĐVT: Tỷ đồng

	2008	2009	2010	2011
TỔNG	22.969	31.770	46.292	89.635
1. Vốn ngân sách nhà nước	18.469	25.270	37.792	76.835
- Vốn sự nghiệp	18.469	25.270.	26.147	32.335
- Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	11.645	44.500
2. Vốn xã hội hóa	4.500	6.500	8.500	12.800
3. Các nguồn khác				

Cơ sở vật chất kỹ thuật của Thể dục thể thao cho mọi người được xây dựng ngày càng nhiều; số công trình Thể thao trong lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, khối cơ quan hành chính sự nghiệp, khối doanh nghiệp ngày càng được quan tâm và phát triển. Toàn tỉnh hiện có: Nhà thi đấu TDTT có khán đài: 03; Nhà tập luyện TDTT: 30 cái; sân vận động có khán đài: 01; sân vận động không có khán đài: 57; sân bóng đá 166; Sân Điền kinh: 22 ; sân quần vợt: 54; sân cầu lông: 485...

5. Thực trạng công tác xã hội hoá thể dục thể thao.

Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tích cực tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền phối kết hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, động viên sức mạnh toàn xã hội chăm lo công tác thể dục thể thao do đó công tác xã hội hoá thể dục thể thao ở Đắk Lắk đã bước đầu đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả và đạt được một số kết quả.

5.1. Xã hội hoá thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao.

Công tác phát triển thể dục thể thao của tỉnh trong các năm qua luôn được lãnh đạo các cấp các ngành quan tâm thực hiện chính sách xã hội hóa, vận động và tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân từng bước thực hiện phong trào xã hội hóa TDTT.

Các câu lạc bộ Thể dục thể thao cơ sở do cá nhân, tập thể, cơ quan, ban ngành, các tổ chức kinh tế, xã hội... đứng ra thành lập tự tổ chức, quản lý: Bóng Bàn, Cầu lông, Thể hình, Tennis, Billar, Bơi lội, Thể dục thẩm mỹ, Thể dục dưỡng sinh... đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia; đã tạo ra một diện mạo mới của Thể dục thể thao trong tình hình hiện nay.

Các giải thể thao hàng năm được tổ chức có sự phối kết hợp rất hiệu quả

với các cơ quan đơn vị trong toàn tỉnh, do vậy vừa phát triển được phong trào vừa tiết kiệm được kinh phí tổ chức giải. Một số các giải truyền thống hàng năm: Việt dã Sacombank, Quần vợt cúp Prince; Bóng chuyền Phân bón Cò bay... có sự tài trợ và đóng góp đáng kể của các tổ chức kinh tế xã hội, các doanh nghiệp, các tập thể và cá nhân trong toàn tỉnh với kinh phí hàng năm vài trăm triệu đồng.

Hưởng ứng phong trào “Toàn dân rèn luyện sức khỏe theo gương Bác Hồ vĩ đại” đã được nhân dân, các cơ quan, ban ngành trong tỉnh nhiệt tình tham gia. Hàng năm hội thao của các ngành: Y tế, Ngân hàng, Cấp thoát nước, ngành Công Thương, Kho bạc, Giáo dục, Hội thao Khôi đảng, Khôi đoàn thể... đã thu hút đông đảo cán bộ công chức, viên chức tham gia tập luyện thi đấu cũng như cổ vũ động viên cho phong trào.

Công tác xã hội hoá thể thao thành tích cao ở tỉnh ta trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả ban đầu nhất định. Tuy nhiên công tác xã hội hoá các hoạt động TDTT ở cơ sở còn ít, đặc biệt là huy động kinh phí tổ chức các giải cấp huyện, thành phố; thị xã; huy động kinh phí đầu tư cho Thể thao thành tích cao.

Các liên đoàn: Quần vợt, Bóng Bàn, Cầu lông; các hội Taekwondo, Vovinam, Karatedo đi vào hoạt động ổn định bước đầu đã góp phần phát hiện và đào tạo nhiều VĐV năng khiếu trẻ xuất sắc ở các địa phương tham gia thi đấu đã đạt được nhiều thành tích cao, đồng thời giới thiệu nhiều VĐV xuất sắc cho Trung tâm huấn luyện Thể thao tỉnh tiếp tục đào tạo, huấn luyện trở thành những tài năng thể thao của tỉnh và Quốc gia.

Các giải Thể thao thành tích cao được tổ chức tại Đắk Lắk: Giải Vô địch Boxing, Cúp Boxing; Giải Quần vợt xuất sắc toàn quốc; Giải Bóng chuyền các đội mạnh toàn quốc; Giải Bóng đá Nhi đồng khu vực và toàn quốc... luôn có sự ủng hộ tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức tư nhân: Bảo Việt Đắk Lắk, Xi nghiệp gỗ Trường Thành, Bảo hiểm Bảo Minh, Bảo hiểm Prudential, Thời trang Thảo Vi, Phân bón Bình Điền, Hãng điện tử LG, Ngân hàng Sacombank... Sự tài trợ này góp phần quan trọng trong công tác tổ chức thành công của các giải gây được nhiều ấn tượng đẹp cũng như tình cảm tốt đối với Tổng cục Thể dục Thể thao, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cũng như các đoàn cán bộ, HLV, VĐV của các tỉnh bạn. Trong một số các giải thi đấu thành tích cao cấp tỉnh được tổ chức trong năm, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý, đầu tư kinh phí một phần. Còn lại là do các ngành, đoàn thể tự tổ chức, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ giúp về chuyên môn kỹ thuật.

Ngoài ra, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch liên kết với các ngành, doanh nghiệp như: Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động tỉnh, sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Nông dân tỉnh, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Công an tỉnh đã tổ chức hơn 90 cuộc thi đấu thể thao nổi bật như: giải quần vợt doanh nhân tỉnh Đắk Lắk lần thứ 3, giải bóng chuyền nữ ngành Công an lần thứ 8, giải cầu lông, bóng bàn gia đình lần thứ 5, giải bóng đá thiếu niên nhi đồng, bóng đá thanh niên dân tộc... tổ chức Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh,

tổ chức Hội thao các ngành trong tỉnh như: Y tế, Ngân hàng, Cấp thoát nước, Thương mại và du lịch, Giáo dục và đào tạo. Hội thao khối Đảng, khối đoàn thể, công an, quân đội... đều được duy trì thường xuyên và trở thành nhu cầu, được sự tham gia rộng rãi của cán bộ, công nhân viên và nhân dân trong tỉnh, các giải đều được các tổ chức kinh tế - xã hội, các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân tài trợ. Đồng thời, cùng với các ngành tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao và tuyên truyền mục đích ý nghĩa làm cho mọi tầng lớp nhân dân hiểu rõ được lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao và vận động mọi người chọn cho mình một môn thể thao thích hợp để tập luyện. Đặc biệt, Đắk Lắk có các cụm hoạt động thể dục thể thao trong các doanh nghiệp Nhà nước như: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Công ty điện Việt Nguyên, vườn quốc gia Yok don...

Công tác xã hội hoá thể dục thể thao đã có tác động mạnh đến sự phát triển thể dục, thể thao cho mọi người của tỉnh, với các loại hình tổ chức thể dục, thể thao cho mọi người ở cơ sở phong phú và đa dạng. Các loại hình Câu lạc bộ thể dục thể thao một môn và nhiều môn như: Bóng bàn, Cầu lông, Thể dục dưỡng sinh, Quần vợt, Bóng đá... phát triển với nhiều quy mô khác nhau như: Câu lạc bộ sức khoẻ ngoài trời, Khu vui chơi giải trí, Câu lạc bộ văn hoá thể thao, Cụm văn hoá thể thao... với việc tổ chức và quản lý các Câu lạc bộ cũng đa dạng như: do các cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân đứng ra thành lập, nhân dân vận động góp vốn tổ chức và quản lý... các câu lạc bộ thể dục thể thao do quần chúng và các tổ chức xã hội tự xây dựng đã đáp ứng một phần nhu cầu tập luyện và hưởng thụ thể dục thể thao của nhân dân.

Phong trào xã hội hoá thể thao thành tích cao của tỉnh trong thời gian qua đã có những thành tựu nhất định, đội bóng đá tỉnh có giai đoạn được sự tài trợ của cả phê Trung Nguyên, đội bóng chuyên hạng A được sự tài trợ của chi nhánh Ngân hàng Đầu tư tỉnh, và một số môn thể thao khác

Trong thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập 7 tổ chức thể thao gồm: 3 Liên đoàn (Quần vợt, Bóng bàn, Cầu lông), 4 Hội võ (Taekwondo, Vovinam, Karatedo, võ Cổ truyền) và hướng dẫn thành lập gần 100 Câu lạc bộ, cơ sở thể thao. Từ những tổ chức xã hội này ngành thể dục thể thao đã vận động được sự tài trợ của các doanh nghiệp hàng năm hàng trăm triệu đồng, góp phần đào tạo các vận động viên, tuyển chọn các vận động viên xuất sắc tham gia các giải thi đấu mang thành tích về cho tỉnh và cho Tổ quốc.

5.2. Xã hội hoá về cơ sở vật chất thể dục thể thao.

Thông qua việc chỉ đạo xã hội hoá thể dục thể thao, việc huy động của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia xây dựng cơ sở vật chất, đóng góp kinh phí tổ chức các giải thể thao tăng lên rõ rệt.

Trong những năm qua các tổ chức kinh tế, các công ty, doanh nghiệp, tư nhân đã đầu tư hàng tỷ đồng để xây dựng các công trình thể thao phục vụ tập luyện của quần chúng như: Sân Cầu lông, Sân Quần vợt. Hồ Bơi, sân Bóng chuyền, sân Bóng đá Mi ni, Câu Lạc bộ Bida, Earobic..., góp phần làm phong

phù đa dạng hơn cơ sở vật chất để phục vụ nhu cầu các tầng lớp nhân dân tập luyện Thể dục thể thao: Tiêu biểu là doanh nghiệp tư nhân Tính Nên (Thị xã Buôn Hồ) đã đầu tư xây dựng trung tâm TDTT Buôn Hồ với tổng kinh phí hàng chục tỉ đồng, câu lạc bộ Trung tâm TP Buôn Ma Thuột xây dựng 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo hơn 2 tỉ đồng, 2 sân Quần vợt và khu vui chơi giải trí do doanh nghiệp An Nguyên Gia (thị xã Buôn Hồ) đầu tư với tổng kinh phí hơn 1,5 tỷ đồng. Sân bóng đá toàn tỉnh có 96 sân cỏ nhân tạo với kinh phí hơn 50 tỷ đồng. Các công trình này đã góp phần đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của cán bộ công chức và đáp ứng một phần dịch vụ cho khách du lịch.

6. Đánh giá chung về thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk.

6.1. Những thành công cơ bản và nguyên nhân của thành công.

6.1.1. Những thành công cơ bản.

Đắk Lắk là một trong những tỉnh có phong trào thể dục thể thao đạt trung bình của cả nước, hiện tại Đắk Lắk xếp thứ 36/66 tỉnh, thành, ngành và xếp thứ 5/19 các tỉnh miền núi trong toàn quốc.

- Trong những năm qua, phong trào thể dục, thể thao cho mọi người của Đắk Lắk phát triển sâu rộng tới tận vùng sâu, vùng xa, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người đã gắn kết được với các lễ hội của địa phương với nhiều nội dung hoạt động phong phú, góp phần phát triển văn hoá, du lịch, đối ngoại và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Nhiều chỉ tiêu về thể dục, thể thao cho mọi người đã đạt, vượt so với chỉ tiêu đặt ra trong thời kỳ 2001 - 2010.

- Thể thao thành tích cao của Đắk Lắk phát triển đúng hướng, phù hợp với xu thế của cả nước; bước đầu thu được kết quả, một số môn thể thao đã đạt trình độ cao so với trong nước (các môn Điền kinh, Wushu, Boxing...) và đã đóng góp 1 số vận động viên xuất sắc cho quốc gia.

- Công tác tổ chức, cán bộ từng bước ổn định.

- Cơ sở vật chất phục vụ thể dục thể thao từng bước được đầu tư, bước đầu đáp ứng một phần công tác đào tạo vận động viên và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của nhân dân trong tỉnh.

- Chủ trương xã hội hoá thể dục thể thao bước đầu phát huy có hiệu quả, huy động được nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển thể dục thể thao, nhất là lĩnh vực xây dựng cơ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ở các công ty, doanh nghiệp...

6.1.2. Những nguyên nhân thành công.

- Sự phát triển kinh tế - xã hội của Đắk Lắk có nhiều chuyển biến tốt trong những năm gần đây, đã tạo tiền đề cho phát triển sự nghiệp thể dục thể thao.

- Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo hướng dẫn của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch về chuyên môn nghiệp vụ, cùng với sự phối hợp chặt chẽ với các ban

ngành, các cấp có liên quan trong tỉnh.

- Sự tham gia, ủng hộ của các tổ chức tập thể, cá nhân, nhân dân đối với công tác xã hội hoá và phong trào thể dục thể thao.

- Sự đoàn kết và luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ trong nội bộ ngành thể dục thể thao.

6.2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

6.2.1. Những hạn chế, yếu kém.

- Thể dục thể thao trường học tuy đã tiến bộ nhiều trong những năm gần đây, nhưng chưa chú trọng tổ chức hoạt động ngoại khoá, các lớp năng khiếu nghiệp dư.

- Thể dục, thể thao cho mọi người phát triển mạnh, nhưng chưa đồng đều tập trung chủ yếu ở thành phố, trung tâm các huyện, doanh nghiệp, cán bộ công chức. Thể dục, thể thao cho mọi người còn mang tính tự phát, thiếu bền vững. Việc phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu những môn thể thao truyền thống của tỉnh chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Nội dung thể thao giải trí còn chưa được chú trọng trong thể dục, thể thao cho mọi người còn nhiều hạn chế, cơ sở vật chất thể dục thể thao, lực lượng cán bộ thể dục thể thao, còn mỏng.

- Thể thao thành tích cao đầu tư còn dàn trải, Hệ thống đào tạo, huấn luyện vận động viên của Đắk Lắk chưa có khâu đột phá cơ bản, thiếu tính chuyên nghiệp. Đội ngũ huấn luyện viên thể thao chất lượng chưa cao, đặc biệt là số huấn luyện viên giỏi còn ít.

- Thiếu thiết bị khoa học kỹ thuật và cán bộ khoa học có đủ năng lực trình độ để áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công tác tuyển chọn, huấn luyện thể thao thành tích cao. Công tác ứng dụng khoa học công nghệ trong tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên còn hạn chế.

- Tổ chức bộ máy và cán bộ thể dục thể thao ở các huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn chưa hợp lý, cán bộ còn thiếu, trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng kịp với xu thế phát triển của thể dục thể thao trong tình hình mới.

- Cơ sở vật chất thể dục thể thao ở các cấp còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng nhu cầu so với nhiều tỉnh, thành trong cả nước, Khu liên hợp thể thao vùng triển khai còn chậm; nguồn tài chính phục vụ cho thể dục thể thao ở cơ sở còn hạn chế.

- Giải pháp kinh tế - dịch vụ thể thao chưa được phát triển, chưa gắn với dịch vụ, du lịch, làm hạn chế hiệu quả xã hội hoá thể dục thể thao. Việc tăng cường quản lý Nhà nước về lĩnh vực thể dục thể thao, quản lý kinh doanh thể dục thể thao còn hạn chế.

6.2.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém.

- Đội ngũ cán bộ thể dục thể thao và quản lý thể dục thể thao các cấp vừa thiếu về số lượng, trình độ chuyên môn còn có những bất cập, nhất là đội ngũ

huấn luyện viên tuyển tỉnh và cán bộ quản lý cấp huyện, thành phố chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển sự nghiệp thể dục thể thao.

- Cơ chế chính sách phát triển sự nghiệp thể dục thể thao còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với thực tế. Công tác quản lý nhà nước và quản lý xã hội về thể dục thể thao chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển đa dạng của xã hội và thực tiễn phát triển phong trào thể dục thể thao của từng vùng, địa bàn trong tỉnh.

- Công tác xã hoá thể dục thể thao còn hạn chế cả về nhận thức và tổ chức thực hiện. Sự phối hợp giữa Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch với các cấp, các ngành còn chưa đồng bộ và thiếu các giải pháp tích cực. Vì vậy, chưa huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển thể dục thể thao tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Nhận thức của một số cấp uỷ Đảng, chính quyền về phát triển thể dục thể thao chưa đầy đủ, dẫn đến sự quan tâm lãnh đạo, đầu tư cho sự nghiệp thể dục thể thao chưa tương xứng trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn chưa ra khỏi nước nghèo, sự khó khăn chung trên đã tạo những khó khăn cho phát triển thể dục thể thao. Cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn nghèo nàn, lạc hậu không đảm bảo cho công tác đào tạo vận động viên và phục vụ nhu cầu tập luyện, hưởng thụ giá trị thể dục thể thao của nhân dân trong tỉnh. Ngân sách đầu tư cho sự nghiệp thể dục thể thao Đăk Lăk còn thấp so với nhiều tỉnh trong khu vực và toàn quốc; năm 2010 chỉ đạt 0,44%/ tổng chi ngân sách của tỉnh.

- Chưa có quy hoạch phát triển thể dục thể thao dài hạn, còn thiếu các giải pháp đồng bộ.

PHẦN THỨ TƯ

NHỮNG YẾU TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG

ĐẾN THỂ DỤC THỂ THAO ĐĂK LĂK

I. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO QUỐC TẾ, QUỐC GIA ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỂ DỤC THỂ THAO ĐĂK LĂK.

1. Vị trí thể dục thể thao trong xã hội ngày nay.

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, vị trí của thể dục thể thao ở hầu hết các quốc gia đã thay đổi rõ rệt. Thể dục thể thao không chỉ thuộc lĩnh vực văn hoá - xã hội, nâng cao tầm vóc và thể chất con người, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần, tăng ý thức dân tộc và sự hoà hợp, giao lưu trong nhân dân, giao lưu quốc tế... Ngày nay thể dục thể thao còn là ngành Kinh doanh (ngành Kinh doanh thể thao hay công nghiệp thể thao - Sport Industry). Vì vậy, vị trí của thể dục thể thao trong xã hội tăng lên đáng kể. Ở Mỹ vào năm 2000,

ngành Kinh doanh Thể dục Thể thao đang đứng thứ 6 với doanh số khoảng 260 tỷ USD, hơn tài sản của ngành Giao thông Vận tải và nhiều ngành khác (ngành kinh doanh bất động sản đứng đầu với doanh số khoảng 740 tỷ USD). Như vậy, nhiều dạng sản phẩm của thể dục thể thao (không phải toàn bộ sản phẩm) đã trở thành hàng hoá, không chỉ đơn thuần là sản phẩm văn hoá tinh thần. Nhu cầu và tiêu dùng thể dục thể thao trong xã hội tăng lên rõ rệt, ngay cả khi GDP giảm (như ở Nhật khoảng 7 - 8 năm về trước). Quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh không thể không tính đến trong quá trình phát triển thể dục thể thao ở mỗi quốc gia. Điều này, trước năm 1992, rất ít quốc gia tính đến một cách đồng bộ trong thể dục thể thao.

Từ năm 1975 tới nay, thể dục thể thao nước ta không ngừng phát triển phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Trong quá trình phát triển này, vị thế của thể dục thể thao trong xã hội ngày càng được nâng cao, vì thể dục thể thao góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dân cường thì nước thịnh”. Ngày nay, xã hội đã thừa nhận thể dục thể thao góp phần quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế, làm thoả mãn nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân, làm tăng ý thức tự hào dân tộc và đại đoàn kết dân tộc.

2. Dự báo về sự phát triển thể dục thể thao quốc tế.

2.1. Thể dục, thể thao cho mọi người.

Thể dục, thể thao cho mọi người, thể dục, thể thao trong nhà trường sẽ phát triển mạnh mẽ trong những năm tới theo hướng mở rộng nhu cầu hoạt động vận động và giải trí của nhân dân:

+ Thể dục, thể thao cho mọi người tiếp tục thay đổi về nội dung và hình thức tổ chức, khiến cho ngành kinh doanh thể thao phát triển mạnh so với nhiều ngành kinh doanh khác.

Về nội dung, thể dục, thể thao cho mọi người mở rộng những nội dung thể thao giải trí, thể dục vì sức khoẻ trong đó có những nội dung trò chơi giải trí của các dân tộc. Các nhà khoa học dự báo đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của thế kỷ 21 là chuyển từ vật chất sang tinh thần, vì vậy xu hướng phát triển tất yếu là cần nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần. Chính vì vậy, thể thao giải trí, thể dục vì sức khoẻ được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức của nhiều trường Đại học Thể dục thể thao trên thế giới, ngay cả ở Châu Á.

Do sự phát triển mạnh mẽ của thể thao giải trí, thể dục vì sức khoẻ, thể thao ở người cao tuổi, các hình thức tổ chức thể dục, thể thao cho mọi người có nhiều sự thay đổi. Bên cạnh duy trì các hình thức tổ chức cơ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phúc lợi truyền thống, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ thể thao giải trí, thể dục vì sức khoẻ ra đời, mở ra thị trường dịch vụ thể thao lớn. Chuyên ngành quản lý kinh doanh thể thao bắt đầu được đào tạo, ngay ở Châu Á.

+ Thể dục thể thao trường học được đặc biệt coi trọng ở các quốc gia: Thể dục thể thao trường học sẽ phát triển mạnh mẽ trong những năm tới theo hướng mở rộng nhu cầu hoạt động vận động, trang bị kiến thức, kỹ năng để học sinh có thói quen và có vốn hoạt động tích cực suốt đời.

Sau năm 2000 được sự chỉ đạo của Liên hiệp quốc, các quốc gia đều cố gắng tăng cường giáo dục thể chất học đường theo hướng đảm bảo tốt chất lượng giờ dạy thể dục nội khoá kết hợp với mở rộng các hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá trong trường học. Học sinh được trang bị tốt về tri thức và kỹ năng thể dục thể thao để đảm bảo sự phát triển toàn diện và để có thể hoạt động vận động tích cực suốt đời. Nhiều quốc gia tăng cường đầu tư cho thể dục thể thao trường học, đưa ra những chỉ tiêu cụ thể cho thể dục thể thao trường học. Một dẫn chứng, trong kế hoạch “Trường học tích cực” của Chính phủ Anh, thể dục thể thao trường học cần đạt những chỉ tiêu cụ thể sau đây vào năm 2001:

- Số trường lên lớp thể dục nội khoá 2 giờ/tuần đạt 100%.
- Học sinh tham gia hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá đạt 52%.
- Nam học sinh tham gia câu lạc bộ thể dục thể thao ngoài trường học đạt 62%, nữ đạt 46%.
- Số học sinh tham gia hoạt động thể dục thể thao trong kỳ nghỉ đạt 54%.

2.2. Thể thao thành tích cao quốc tế sẽ có nhiều biến động trong những năm tới.

+ Các quốc gia đều coi trọng tranh huy chương, vì vậy trình độ của thể thao thành tích cao nâng lên nhanh:

- Các quốc gia đều coi trọng thành tích, xếp hạng trong Thế vận hội, trong các Đại hội thể thao khu vực, vì vậy đều tăng cường đầu tư.

- Tối ưu hoá phương thức huấn luyện, nhanh chóng nâng cao trình độ của các vận động viên ưu tú: hầu hết các quốc gia đều chú trọng phương thức huấn luyện tập trung cao độ và đều thành lập số ít trung tâm huấn luyện đa chức năng.

- Thực hiện trao đổi giao lưu nhân tài thể thao trong phạm vi toàn cầu: Sự trao đổi giao lưu vận động viên xuất sắc ngày càng mở rộng ở những môn thể thao có thị trường. Huấn luyện viên tài năng thường thay đổi hợp đồng huấn luyện ở nhiều quốc gia khác nhau.

+ Mật độ thi đấu tăng cao làm thay đổi quan điểm huấn luyện truyền thống: Mật độ các cuộc thi đấu tăng, tiền thưởng tăng làm thay đổi quan niệm truyền thống về hệ thống huấn luyện, chu kỳ huấn luyện.

+ Hàm lượng khoa học công nghệ không ngừng tăng lên, trở thành nhân tố quan trọng để nâng cao thành tích thể thao; Thể thao thành tích cao tiếp tục phát triển theo hướng kinh doanh chuyên nghiệp hoá: Quan niệm thể thao thuần túy sẽ ngày càng nhanh chóng thay đổi theo hướng thể thao kinh doanh, thể thao chuyên nghiệp, đặc biệt ở những môn thể thao có khán giả, có thị trường.

3. Dự báo về sự phát triển thể dục thể thao nước ta tới năm 2020.

Phát triển thể dục thể thao nước ta trong thời kỳ hội nhập đặc biệt khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Thể dục thể thao bước vào thời kỳ đổi mới đứng trước những thách thức, vận hội, thời cơ và cơ hội chuẩn bị hành trang kịp thời, nhanh chóng chuyển giao công nghệ, từng bước đổi mới quản lý tổ chức sự nghiệp, tổ chức xã hội, kinh tế thể thao... đáp ứng với xu thế phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập khu vực và quốc tế trong giai đoạn mới.

3.1. Sự phát triển thể dục, thể thao cho mọi người.

- Thực hiện Luật thể dục, thể thao, Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg ngày 10/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn được phát triển mạnh mẽ hơn cho tới năm 2010, tạo điều kiện tiếp tục phát triển tới năm 2020.

- Nội dung thể dục, thể thao cho mọi người sẽ phát triển phong phú hơn, đặc biệt là thể thao giải trí, thể dục thể thao đối với người cao tuổi.

- Số người tập thể dục thể thao thường xuyên tăng lên rõ rệt, đặc biệt nếu đưa số lượng học sinh nằm trong số lượng người tập thường xuyên như các quốc gia khác (có thể đạt trên 50% dân số). Số người tham gia tiêu thụ thể dục thể thao liên quan đến kinh tế dịch vụ thể dục thể thao có thể đạt khoảng 60 - 70% dân số.

- Các cơ sở phúc lợi thể dục thể thao vẫn tiếp tục được mở rộng, nhưng đặc biệt các cơ sở dịch vụ thể dục thể thao sẽ tăng lên đột biến do nhận thức của xã hội đối với thể dục thể thao và đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Chương trình nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam bằng giải pháp dinh dưỡng và thể dục thể thao của Chính phủ, thể dục thể thao trường học được cải thiện rõ rệt.

3.2. Sự phát triển thể thao thành tích cao.

- Sự tranh đua giành huy chương, giành thứ hạng cao trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á sẽ khó khăn hơn, tuy vậy thể thao Việt Nam vẫn có thể đạt thứ hạng 10 - 12 ở Châu Á, giữ thứ hạng từ 1 - 3 trong khu vực Đông Nam Á.

- Các môn thể thao có thế mạnh của nước ta vẫn tiếp tục phát huy tác dụng tốt, đặc biệt đối với nữ, nếu biết đón đầu các môn, các nội dung sẽ được bổ sung trong chương trình thi đấu tại Đại hội thể thao khu vực, Olympic.

- Nước ta sẽ đăng cai tổ chức thành công một số Đại hội thể thao quy mô Châu Á, Đông Nam Á và một số cuộc thi đấu quy mô thế giới ở từng môn thể thao. Những Đại hội cũng là động lực giúp thể thao Việt Nam phát triển mạnh hơn.

- Hệ thống quản lý tổ chức thể thao thành tích cao ở nước ta sẽ có sự cải thiện rõ rệt theo hướng phát triển một cách cơ bản, tập trung hơn. Các cơ sở huấn luyện thể thao tập trung ở quốc gia và ở một số tỉnh thành sẽ cải thiện rõ rệt, mở ra những khả năng mới để ứng dụng khoa học công nghệ cao, chuẩn bị cho bước phát triển mới sau năm 2020.

- Các giải pháp xã hội hoá thể thao thành tích cao, đặc biệt đối với các môn thể thao có khán giả, có thị trường (Bóng đá, Bóng chày, Quần vợt, Cầu lông)

sẽ có tác dụng tốt hơn.

II. NHỮNG YẾU TỐ KINH TẾ - XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN THỂ DỤC THỂ THAO ĐẮC LẮK

1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020:

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội Đắk Lắk đến năm 2015:

(1) Về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:

- *Tăng trưởng GDP (giá so sánh 1994)* giai đoạn 2011 - 2015 bình quân hàng năm từ 14 - 15%. Trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5 - 6%; công nghiệp và xây dựng tăng 23 - 24%, dịch vụ tăng 20 - 21%. Quy mô nền kinh tế (GDP) năm 2015 gấp 1,9 - 2 lần so với năm 2010.

- *Cơ cấu kinh tế năm 2015*: Nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 32-33%; công nghiệp, xây dựng 25-26%; thương mại, dịch vụ 41-42%.

- *Thu nhập bình quân đầu người* năm 2015 đạt 1.780 - 1.790 USD (tính theo giá so sánh năm 1994), từ 34 - 34,5 triệu đồng (tính theo giá hiện hành).

- *Thu cân đối ngân sách trên địa bàn* bình quân hàng năm bằng 11% GDP (theo giá hiện hành).

- *Tổng kim ngạch xuất khẩu* trong 5 năm 2011-2015 đạt 4.000 triệu USD, nhập khẩu đạt trên 200 triệu USD.

- *Huy động đầu tư toàn xã hội* cả thời kỳ khoảng 76 - 77 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân 18 - 19%/năm, chiếm bình quân 33 - 34% GDP.

(2) Về phát triển văn hóa, xã hội:

- *Quy mô dân số* đến 2015 khoảng 1,85 triệu người (trong đó có 35% dân số thuộc khu vực thành thị), với khoảng 1 triệu lao động. Giảm tốc độ tăng dân số tự nhiên vào năm 2015 xuống còn 1,2 - 1,22%; mức giảm tỷ suất sinh 0,5-0,7 ‰.

- *Giải quyết việc làm* cho 13 vạn lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 3%; giảm tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn xuống còn 5%; giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới bình quân 3%/ năm; đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 50%, trong đó qua đào tạo nghề 40%.

- *Giáo dục*: Nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo lên trên 75%, học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi trên 98%; 100% thôn buôn có điểm trường hoặc lớp mẫu giáo; 75% số phòng học được kiên cố hóa; nâng tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia lên: 25% đối với trường mầm non, 55% trường tiểu học, 25% trường trung học cơ sở và 25% đối với trường trung học phổ thông. 100% các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. 75% số trường học có phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành theo tiêu chuẩn quy định.

- *Y tế*: Đến năm 2015 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế xã có bác sỹ. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 24%.

- *Văn hóa - thể thao*: Phần đầu đến năm 2015 có trên 80% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa các cấp; 65% thôn, buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% thôn, buôn được quy hoạch đất để xây dựng hội trường, điểm sinh hoạt văn hóa-thể thao; 100% số huyện, thị xã trong tỉnh có Thư viện theo đúng tiêu chuẩn quy định của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch; 100% số nhà sinh hoạt cộng đồng được trang bị phương tiện hoạt động văn hoá. Phủ sóng phát thanh và truyền hình địa phương trên toàn tỉnh.

- *Xã đạt chuẩn nông thôn mới*: 20%.

(3) Về tài nguyên và môi trường:

- *Độ che phủ của rừng* (tính cả cây cao su) đạt 52% diện tích tự nhiên.

- *Nước sinh hoạt*: Nước sạch đảm bảo các tiêu chuẩn cung cấp cho 90% dân cư đô thị; 85% dân cư nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

(4) Về phát triển cơ sở hạ tầng:

- *Thuỷ lợi*: Đảm bảo tưới chủ động cho trên 75% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới.

- *Giao thông*: Cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hoá 100% đường tỉnh lộ, 80% đường huyện; 50% đường xã, liên xã và 100% xã có đường nhựa đến trung tâm.

- *Điện*: 100% thôn, buôn có điện, 99% số hộ được dùng điện. Mức tiêu thụ điện bình quân khoảng 945 kwh/người/năm.

- *Thông tin*: Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng để đảm bảo 100% số xã có hệ thống thông tin thông suốt, 130 máy điện thoại và 15 thuê bao internet/100 người dân.

- *Nhà ở*: Diện tích nhà ở bình quân đầu người vào năm 2015 đối với khu vực nông thôn đạt 16 m² sàn/người, khu vực thành thị đạt 20 m² sàn/người; phần đầu giải quyết 60% số sinh viên, học sinh có nhu cầu được thuê nhà ở tại các dự án nhà ở trên địa bàn tỉnh.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội Đắk Lắk đến năm 2020:

(1) Về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế:

- GDP/người năm 2020 đạt khoảng 42 – 43,3 triệu đồng.

- Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 13- 14%;

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế năm 2020, tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 25% - 26%; công nghiệp đạt khoảng 34% – 35% và dịch vụ đạt khoảng 41%;

- Phần đầu kim ngạch xuất khẩu của tỉnh năm 2020 đạt 1.000 triệu USD;

- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách khoảng 16% - 18% vào năm 2020.

- Tổng nhu cầu đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2016 – 2020 là 148 - 149 nghìn

tỷ đồng. Tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân năm đạt khoảng 18,9% - 19% thời kỳ 2016 – 2020.

(2) Về phát triển xã hội:

- Phân đầu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên vào năm 2020 là 1,1%. Tỷ lệ dân số thành thị chiếm 45,6% năm 2020. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong lao động xã hội giảm xuống còn 50% - 55% năm 2020;

- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội cơ bản, giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 về cơ bản không còn hộ nghèo;

- Phân đầu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên mức 46% vào năm 2020 (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo là đồng bào các dân tộc thiểu số phân đầu đạt từ 30% - 40% trong các năm tương ứng). Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống 2% vào năm 2020 và giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm khu vực nông thôn xuống 3%;

- Phân đầu đến năm 2020 có 75% phổ cập trung học phổ thông trong độ tuổi;

- Phân đầu đến năm 2020 có 8 – 10 bác sĩ/vạn dân. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 15% vào năm 2020 (tỷ lệ này đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải đạt tương ứng là 35% và 20%).

(3) Về tài nguyên và môi trường:

- Phủ xanh đất trống đồi trọc núi trọc, đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 54% vào năm 2020, tăng diện tích cây xanh ở thành phố và các đô thị của tỉnh;

- Từng bước ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế của tỉnh. Đến năm 2015 các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm;

- Cơ bản hoàn thành việc cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải ở các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp. Đến năm 2020 có 100% các đô thị, khu, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý rác thải, xử lý được 100% chất thải bệnh viện và 90% chất thải nguy hại. Xử lý cơ bản sự cố môi trường trên các dòng sông chảy qua tỉnh.

- Đến năm 2020, 100% dân số được sử dụng nước sạch.

(4) Phát triển cơ sở hạ tầng:

- Đến năm 2020, cải tạo và nâng cấp IV tuyến quốc lộ (quốc lộ 14, 14C, 26 và 27); quy hoạch và xây dựng hoàn chỉnh 2 tuyến mới: đường Trường Sơn Đông và đường Đắk Lắk – Phú Yên (Quốc lộ 29). Cải tạo và nâng cấp các tuyến tỉnh lộ theo quy mô đường cấp III và cấp IV miền núi, nhựa hóa, bê tông hóa 100%; xây dựng các tuyến đường huyện theo quy mô cấp IV và cấp V miền núi, nhựa hóa và bê tông hóa 80%; nhựa hóa và bê tông hóa 100% đường nội thị và 60% đường xã;

- Điện: 100% thôn, buôn có điện, 100% số hộ được dùng điện.

- *Thông tin:* Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng để đảm bảo 100% số xã có hệ thống thông tin thông suốt, 150 - 160 máy điện thoại và 20 - 25 thuê bao internet/100 người dân.

Những yếu tố phát triển kinh tế - xã hội trên là động lực thúc đẩy mạnh mẽ, tác động tích cực đến sự phát triển thể dục thể thao của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho liên kết trao đổi, giao lưu, mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh trong khu vực về thể dục thể thao. Đồng thời, cũng là thách thức lớn đối với thể dục thể thao trong đào tạo nguồn nhân lực góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của vùng và của đất nước.

- Sự phát triển thể dục thể thao của Đắk Lắk góp phần phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh: Khai thác và phát huy hơn nữa tiềm năng, thế mạnh của địa phương, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tăng cường sức mạnh đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá nhằm tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững hơn...

- Sự tăng trưởng GDP đạt mức cao của Đắk Lắk trong những năm tới là nhân tố quan trọng tác động tới sự phát triển thể dục thể thao: Nhịp độ tăng GDP bình quân hàng năm đạt 14 - 15%. Với sự tăng trưởng này về kinh tế, sự đầu tư của Nhà nước cho thể dục thể thao sẽ tăng lên. Sự tăng trưởng về kinh tế giúp cho đời sống nhân dân được cải thiện hơn (GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 1.780 - 1.790 USD) do đó nhu cầu hoạt động thể dục thể thao và hưởng thụ thể dục thể thao của nhân dân sẽ tăng lên trong những năm tới.

- Với nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XV nhiệm kỳ 2010 - 2015 về văn hóa, thể thao: *trên 80 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa các cấp; 80% xã, phường, thị trấn; 65% thôn buôn, tổ dân phố và 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% thôn buôn, tổ dân phố được quy hoạch đất để xây dựng hội trường, điểm sinh hoạt văn hóa thể thao.* Và các vấn đề xã hội được tiếp tục củng cố và phát triển ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện xã hội hoá thể dục thể thao và phát triển thể dục thể thao.

2. Định hướng phát triển Thể dục - thể thao theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 (Quyết định 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ)

- Chú trọng phát triển phong trào thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở kết hợp với đầu tư phát triển một số môn thể thao đỉnh cao, mũi nhọn. Phần đầu xây dựng phong trào thể dục - thể thao của tỉnh Đắk Lắk đạt vị trí khá trong cả nước (xếp vị trí thứ 20 - 25 trong các tỉnh, thành trong cả nước).

- Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng nhằm nâng cao thể chất và sức khoẻ cho nhân dân.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất TDTT từ tỉnh đến cơ sở phục vụ cho nhu cầu luyện tập và thi đấu của nhân dân.

- Xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao vùng Tây Nguyên với đủ các tiêu chuẩn để có thể tổ chức thi đấu quốc gia và quốc tế, bao gồm các cơ sở chuyên

ngành hiện đại phục vụ cho huấn luyện và đào tạo vận động viên thành tích cao và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng một số Trung tâm TDTT khu vực ở Krông Pắc, Krông Búk, Ea Kar bao gồm sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi đủ tiêu chuẩn để đăng cai các giải thể thao trong khu vực và toàn quốc.

- Đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, hướng dẫn viên có đủ trình độ đảm nhận công tác từ cơ sở đến huyện, tỉnh.

Phấn đấu đến năm 2020 đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- 100% xã phường có bộ máy tổ chức ổn định như TTVHTT-TT ; nhà văn hóa TDTT và có cộng tác viên, HDV TDTT làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc hợp đồng.

- 100% xã phường có sân tập thể thao tập trung và 1 phòng tập đơn giản.

- 25 - 30% dân số tập thể dục - thể thao thường xuyên.

- 100% số trường đảm bảo giáo dục thể chất có chất lượng.

Phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, nhất là Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động tỉnh v.v. để xây dựng và phát triển phong trào thể dục- thể thao. Có chương trình phối hợp hành động cụ thể hàng năm trong hoạt động chung và tổ chức các giải truyền thống. Thông qua các hoạt động thể thao, đào tạo kiện toàn đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên hướng dẫn viên thể thao cho các ngành và bố trí sắp xếp đến tận thôn, buôn.

- Thành lập trường năng khiếu TDTT để phát hiện tuyển chọn và bồi dưỡng tài năng TDTT. Nâng cao thành tích TDTT của tỉnh và đóng góp cho đội tuyển thể thao quốc gia.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá TDTT. Tiếp tục thành lập các liên đoàn thể thao ở tỉnh. Các Hội, Câu lạc bộ ở cấp huyện, thành phố làm nòng cốt để thúc đẩy phong trào TDTT thường xuyên và vững chắc trong toàn tỉnh.

Trên cơ sở những dự báo xu thế phát triển thể thao quốc tế, trong nước và định hướng phát triển kinh tế xã hội, cũng như định hướng phát triển thể dục thể thao của tỉnh Đắk Lắk được đề ra trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 và căn cứ vào tình hình phát triển TDTT trong giai đoạn 2006 – 2010 để xây dựng quy hoạch định hướng quy hoạch phát triển TDTT của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025.

Tuy trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 đã có những định hướng phát triển chung cho TDTT, nhưng do quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội được lập từ những năm 2006 – 2007, nên có nhiều chỉ tiêu định hướng thể dục thể thao đến năm 2020 không còn phù hợp. Do đó khi thực hiện lập quy hoạch phát triển thể dục thể thao tỉnh đến năm 2025, ngành TDTT đã xem xét xây dựng lại một số chỉ tiêu cụ thể của ngành, nhằm đáp ứng

nhu cầu và phù hợp với xu thế phát triển ngành cũng như phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà trong thời gian đến.

PHẦN THỨ NĂM
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO
TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2012 - 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN
NĂM 2025

I. CÁC QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.

1. Các quan điểm.

1.1. Phát triển thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk mang tính dân tộc, khoa học và nhân dân, góp phần nâng cao sức khỏe, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, phát huy truyền thống và tiềm năng, góp phần hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Phát triển thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk toàn diện về thể dục thể thao trong nhà trường; thể dục, thể thao quần chúng làm nền tảng cho thể thao thành tích cao.

1.3. Phát triển thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội, gắn với sự phát triển văn hoá, du lịch, dịch vụ và sự phát triển thể dục thể thao toàn quốc, phát huy tốt sự hợp tác quốc tế.

1.4. Thể thao thành tích cao Đắk Lắk cần được phát triển theo xu hướng chung của quốc gia, quốc tế và đầu tư mạnh mẽ hơn.

1.5. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động thể dục thể thao dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước, từng bước đưa thể dục thể thao thành một loại hình dịch vụ, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

2. Các mục tiêu.

2.1. Mục tiêu chung.

Phát triển phong trào thể dục, thể thao cho mọi người với mạng lưới rộng khắp, chú trọng những vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và thể dục thể thao trong nhà trường. Đầu tư, xây dựng một số công trình thể thao trọng điểm phục vụ nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao. Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao, nâng cao thể lực và tầm vóc con người Đắk Lắk, góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Khai thác, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, thể thao Đắk Lắk luôn giữ vị trí tốp đầu trong các tỉnh miền núi; phấn đấu xây dựng Đắk Lắk trở thành Trung tâm thể dục thể thao Vùng Tây Nguyên.

Huy động các nguồn lực tham gia phát triển thể dục thể thao. Có chính sách cụ thể phát triển xã hội hoá trên cơ sở khuyến khích các cá nhân, hộ gia

đình, các tổ chức, đoàn thể nhân dân tham gia thực hiện. Tăng cường giao lưu thể thao trong nước và quốc tế, góp phần giới thiệu hình ảnh của Đắk Lắk với bạn bè, thu hút du khách du lịch đến Đắk Lắk.

2.2. Các chỉ tiêu cụ thể.

2.2.1. Thể dục, thể thao cho mọi người.

** Tạo sự chuyên biến rõ rệt về TDTT trường học kết hợp với chăm sóc dinh dưỡng, lối sống cho học sinh để nâng cao thể lực, tầm vóc con người.*

- Giai đoạn 2011- 2025 số trường phổ thông thực hiện chương trình giáo dục thể chất nội khoá đạt 100 %.

- Giai đoạn 2012- 2020 số trường phổ thông tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá 2 lần/tuần đạt 75 %; Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 85 %.

** Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng rãi trong các đối tượng dân cư, các địa bàn, xã, phường, thị trấn.*

- Giai đoạn 2012- 2020 số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 23- 28% dân số; Giai đoạn 2021- 2025 đạt 30 - 35%.

- Giai đoạn 2012- 2020 số gia đình thể thao đạt 12 - 17%; Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 18 - 20%.

- Giai đoạn 2012- 2020 số Câu lạc bộ, tụ điểm, nhóm tập luyện thể dục thể thao cơ sở đạt 600- 650; Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 700 - 800.

- Khu Liên hợp thể thao vùng cơ bản hoàn thành vào năm 2025.

- Giai đoạn 2012- 2020 số huyện, thành phố có 1 trong 3 công trình thể dục thể thao cơ bản: sân vận động, nhà thi đấu đa năng, bể bơi đạt 40 - 60%; Giai đoạn 2021- 2025 đạt 70 - 90%.

- Giai đoạn 2012- 2020 số xã, phường, thị trấn có cơ sở vật chất thể dục thể thao theo quy định đạt 45 - 70%; Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 80 - 100%.

- Giai đoạn 2012- 2020 số xã, phường, thị trấn có cán bộ chuyên trách thể dục thể thao (có trình độ từ trung cấp TDTT trở lên) đạt 10- 15%; đến năm 2025 đạt 20%. Cộng tác viên thể dục thể thao thôn, buôn được tập huấn nghiệp vụ ở các lớp cấp tỉnh đạt 50%.

2.2.2. Thể thao thành tích cao.

Hoàn thiện hệ thống thể thao thành tích cao, từng bước nâng cao thành tích thi đấu thể thao ở các kỳ Đại hội trong nước và đạt huy chương Đông Nam Á ở một số môn thể thao.

- Năm 2014, 2018, phần đấu Đại hội thể dục thể thao toàn quốc Đắk Lắk giữ vững ở thứ hạng top 1 đến 5 tỉnh miền núi trong cả nước; Đại hội thể dục thể thao toàn quốc năm 2022 phần đấu ở thứ hạng top 1 đến 3 tỉnh miền núi trong cả nước, giành thứ hạng 25 - 28/64 tỉnh, thành.

- Giai đoạn 2012- 2020 số lượng huy chương giành được trong các cuộc thi

đầu hàng năm đạt 130- 200 huy chương; Giai đoạn 2021 - 2025: 210 - 250 huy chương (tuỳ theo từng năm tham gia bao nhiêu giải thi đấu và nội dung thi đấu).

- Giai đoạn 2012 - 2020 phần đầu giữ vững 2 - 3 huy chương khu vực; Giai đoạn 2021 - 2025 từ 3 - 4 huy chương.

- Đội bóng chuyền nữ Đắc Lắc lên đội mạnh năm 2015; Đội bóng đá hạng nhì của tỉnh lên hạng nhất 2015- lên đội mạnh 2018.

2.2.3. Tiếp tục mở rộng các cơ sở dịch vụ thể dục thể thao.

- Giai đoạn 2012-2020 từng bước chuyển các cơ sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch công lập sang hoạt động theo cơ chế cung ứng dịch vụ, các cơ sở thể thao ngoài công lập đáp ứng 30 - 40% nhu cầu dịch vụ thể dục thể thao. Giai đoạn 2021-2025 đạt 50- 60%.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO ĐẮC LẮK.

1. Nội dung quy hoạch phát triển thể dục, thể thao cho mọi người.

1.1. Phát triển thể dục, thể thao trong nhà trường.

1.1.1. Trường phổ thông:

Sự phát triển thể dục, thể thao trường học từ tiểu học đến Trung học phổ thông của Đắc Lắc theo hướng chung của “Chương trình Quốc gia nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam bằng giải pháp dinh dưỡng và thể dục thể thao từ năm 2009 - 2030”.

Các mục tiêu phát triển dài hạn của thể dục, thể thao trường học (*được xác định tại phần thứ II mục III*). Nhằm đạt được những mục tiêu này, cần định hướng rõ các nội dung và giải pháp.

- Đảm bảo thực hiện tốt chương trình thể dục thể thao nội khoá do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, có bổ sung trò chơi vận động đa năng đối với các trường tiểu học, các bài tập vươn duỗi cơ thể đối với học sinh từ tiểu học đến Trung học phổ thông.

- Phát triển thể dục thể thao trường học trong hoạt động ngoại khoá, đặc biệt đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở;

- Tổ chức thể thao ngoại khoá, các môn thể thao phổ thông như: Bóng chuyền, Bóng rổ, Điền kinh, Bóng đá, Kéo co, các môn võ thuật...

- Thành lập các Câu lạc bộ thể dục thể thao trường học (từ 2 - 4 môn thể thao) để quản lý, khuyến khích các hoạt động tập luyện, thi đấu thể thao ngoại khoá.

- Tăng cường đội ngũ giáo viên chuyên trách thể dục thể thao, chủ yếu đào tạo thêm đội ngũ hướng dẫn viên thể dục thể thao (tình nguyện viên) thể dục thể thao của từng lớp học.

- Xây dựng các chương trình, giáo án tập luyện thể dục thể thao ngoại khoá của từng môn thể thao, chương trình và kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo

viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao (nằm trong “Chương trình nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam” của Chính phủ và chương trình của tỉnh).

- Đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu cho hoạt động ngoại khoá thể dục thể thao tại các Câu lạc bộ thể dục thể thao trường học bằng nguồn kinh phí của Nhà nước kết hợp một phần kinh phí của xã hội.

- Xác định hệ thống thi đấu, kiểm tra, khen thưởng hợp lý đối với thể dục thể thao trường học.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch tham mưu thành lập một số lớp năng khiếu thể thao trong các trường phổ thông có điều kiện, bằng cách dựa trên cơ sở phát triển tập luyện ngoại khoá thể dục thể thao ở trường học.

- Câu lạc bộ thể dục thể thao trường học là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao trường học.

1.1.2. Trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề.

- Đảm bảo chương trình thể dục nội khoá trong các trường Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề theo hướng khuyến khích sinh viên chọn môn thể thao ưa thích.

- Khuyến khích sinh viên hoạt động thể thao ngoại khoá chủ yếu với các môn thể thao giải trí như: Bóng đá, Bóng chuyền, Điền kinh, Kéo co, Nhảy bao bố...

- Tiến hành tuyển chọn và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho huấn luyện viên của các trường Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp đủ khả năng huấn luyện nâng cao thành tích một số môn thể thao trọng điểm; tuyển chọn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho trọng tài của từng trường.

- Xây dựng hệ thống thi đấu thể thao hàng năm của các trường Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề; có chế độ khen thưởng hợp lý đối với các trường có thành tích tốt về thể dục thể thao.

- Tăng cường giao lưu thi đấu thể thao giữa các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trong tỉnh và các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trong khu vực, toàn quốc.

- Câu lạc bộ thể thao trường học là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao các trường Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

1.2. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng.

1.2.1. Nội dung phát triển thể dục, thể thao đối với nhân dân nông thôn.

- Phát triển các môn, các nội dung sau đây (14 môn): Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Cờ tướng, Cờ Vua, Biliards, Vật, Đua thuyền, Kéo co, Đẩy gậy, Bắn nỏ, Đi cà kheo, các trò chơi dân gian khác...

- Khuyến khích phát triển các tụ điểm thể thao giải trí, các hình thức thể dục thể thao gắn với gắn với các hoạt động văn hoá, khu du lịch, lễ hội truyền

thống của địa phương.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nhân điển hình tiên tiến về thể dục thể thao, gia đình thể thao gắn với mô hình gia đình văn hoá trong các cụm dân cư, thôn buôn.

- Thành lập thêm các câu lạc bộ thể dục thể thao; mở thêm các cơ sở dịch vụ tập luyện thể dục thể thao.

- Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá - Thể thao là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao xã, phường, thị trấn.

1.2.2. Nội dung phát triển thể dục, thể thao đối với nhân dân thành thị.

- Phát triển các môn thể thao, các nội dung sau đây để phục vụ nhân dân thành phố (18 môn): Bóng rổ, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Quần vợt, Việt dã, Cờ tướng, Cờ vua, Biliards, Taekwondo, Karatedo, Vovinam, Võ cổ truyền, Kéo co, Đẩy gậy, Bắn nỏ, Đi cà kheo. Khuyến khích phát triển thêm các nội dung thể thao giải trí mới.

- Khuyến khích phát triển các điểm thể thao giải trí, các hình thức lễ hội gắn với các hoạt động văn hoá, khu du lịch của thành phố.

- Thành lập thêm các câu lạc bộ thể dục thể thao; mở thêm các cơ sở dịch vụ tập luyện thể dục thể thao (*dịch vụ công, tư nhân...*); mở thêm các khu thể thao vui chơi giải trí.

- Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên thể dục thể thao; duy trì số lượng và nâng cao chất lượng cán bộ thể dục thể thao cấp huyện, thành phố; phấn đấu có 1 cán bộ chuyên trách thể dục thể thao ở mỗi xã, phường, thị trấn.

- Tăng ngân sách Nhà nước cấp cho thể dục thể thao theo cấp huyện, đồng thời cố gắng huy động thêm nguồn kinh phí từ xã hội, nhân dân.

- Tăng cường tuyên truyền phát triển thể dục thể thao.

- Thiết chế thể dục thể thao cấp huyện là phòng Văn hoá - Thông tin (quản lý nhà nước), Trung tâm Văn hoá - Thể thao (đơn vị sự nghiệp) là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao huyện, thành phố. Các loại thiết chế này cần hoàn chỉnh trước năm 2015.

1.2.3. Nội dung phát triển thể dục, thể thao trong công chức, viên chức.

- Phát triển các môn thể dục thể thao, các nội dung sau trong công chức, viên chức (11 môn): Quần vợt, Bóng rổ, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Cờ tướng, Cờ vua, Biliards, Kéo co, Nhảy bao bố... Khuyến khích phát triển các nội dung thể thao giải trí mới.

- Khuyến khích thành lập các đội bóng, các Câu lạc bộ thể dục thể thao trong công chức, viên chức. Xây dựng hệ thống thi đấu thể dục thể thao trong công chức, viên chức.

- Tăng ngân sách đầu tư cho thể dục thể thao công chức, viên chức kinh phí

hỗ trợ của từng cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường tuyên truyền phát triển thể dục thể thao trong công chức, viên chức; nhân điển hình tiên tiến về thể dục thể thao, gia đình thể thao gắn với mô hình gia đình văn hoá trong công chức, viên chức.

- Tổ chức các Hội thi Văn hoá - Thể thao hàng năm cho công chức, viên chức.

- Câu lạc bộ thể dục thể thao từng môn, từng cơ quan, đơn vị là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao công chức, viên chức.

1.2.4. Nội dung phát triển thể dục, thể thao trong doanh nghiệp.

- Phát triển các môn thể thao, nội dung hoạt động thể dục thể thao trong các doanh nghiệp (11 môn): Bóng chuyền, Bơi lội, Golf, Quần vợt, Bóng đá, Cờ tướng, Biliards, Cầu lông, Bóng bàn, Kéo co, Nhảy bao bố... Khuyến khích phát triển thêm các nội dung thể thao giải trí khác.

- Khuyến khích thành lập các đội thể thao, các Câu lạc bộ thể dục thể thao, cụm hoạt động thể dục thể thao ở từng doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống thi đấu thể thao của các doanh nghiệp hoặc khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thi đấu thể thao ở cấp huyện, thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài chính để phát triển thể dục thể thao.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phát triển thể dục thể thao trong các doanh nghiệp.

- Câu lạc bộ thể dục thể thao từng doanh nghiệp là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao doanh nghiệp.

1.2.5. Nội dung phát triển thể dục, thể thao trong thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

- Phát triển các môn, các nội dung hoạt động thể dục thể thao, thể thao quốc phòng trong lực lượng vũ trang (10 môn và các nội dung): Bơi lội, Bóng rổ, Erobic, Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, Quần vợt, Đá cầu, Leo núi, các môn Võ.

- Phối hợp với Tỉnh đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh để mở rộng phong trào “*Thanh niên khoẻ*”, “*Khoẻ để lập nghiệp và giữ nước*”, triển khai cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*”. Phát triển các giải thể thao truyền thống như: Chạy việt dã, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng đá thanh, thiếu niên... vận động thu hút đông đảo lực lượng thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tham gia hoạt động thể dục thể thao.

- Phối hợp với Tỉnh đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đăng cai tổ chức các giải thể thao, các hội thi Văn hoá - thể thao thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

- Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo làm tốt công tác giáo dục thể chất trong trường học.

- Câu lạc bộ Văn hoá - Thể thao, Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá thanh, thiếu niên, nhi đồng là thiết chế cơ bản thể dục thể thao thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

1.2.6. Nội dung phát triển thể dục thể thao đối với người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Phối hợp với Sở Lao động thương binh xã hội, Hội người cao tuổi... tổ chức cho các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tham gia tập luyện thể dục thể thao; tổ chức các giải thi đấu thể thao thích hợp cho các đối tượng này. Cử vận động viên của Đắk Lắk tham gia Đại hội thể thao người cao tuổi, người khuyết tật toàn quốc.

- Phát triển các môn, nội dung hoạt động thể dục thể thao sau đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Thể dục dưỡng sinh, Bóng bàn, Cầu lông, Cờ tướng, Cờ vua, Đi bộ...

- Tổ chức thêm các Câu lạc bộ thể dục thể thao cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Xây dựng hệ thống thi đấu biểu diễn, giao lưu thể dục thể thao cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi. Kết hợp với Ban đại diện Hội người cao tuổi tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các hướng dẫn viên thể dục dưỡng sinh của người cao tuổi và người khuyết tật.

- Câu lạc bộ thể dục thể thao, Hội thể thao là thiết chế cơ bản của thể thao người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

1.3. Phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang.

- Phát triển các môn, các nội dung hoạt động thể dục, thể thao quốc phòng trong lực lượng vũ trang (6 môn và các nội dung): Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Quần vợt, Bóng bàn, Việt dã và chạy vũ trang, Kéo co, Nhảy bao bố, các môn Võ.

- Tổ chức các Hội thao trong quân đội, công an.

- Tiếp tục nhân điển hình tiên tiến về thể dục thể thao từ các đơn vị tiên tiến trong quân đội, công an.

- Khuyến khích ngành quân đội, công an đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho thể dục thể thao.

- Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho hướng dẫn viên thể dục thể thao, trọng tài của quân đội, công an.

- Câu lạc bộ thể dục thể thao trong từng đơn vị lực lượng vũ trang là thiết chế cơ bản của thể dục thể thao lực lượng vũ trang.

1.4. Quy hoạch các môn thể thao gắn với văn hoá, du lịch - dịch vụ ở các huyện, thành phố mang tính đặc thù vùng.

- Những môn thể thao phục vụ du lịch sinh thái, cảnh quan và văn hoá lịch sử, thể thao mạo hiểm: Leo núi, Đua ngựa...

- Những môn thể thao truyền thống gắn với du lịch, các lễ hội truyền thống: cụm liên xã - huyện, các trò chơi dân gian (Đua thuyền trên cạn, Nhảy bao bố, Thả diều, Ném còn, Đi cầu kiều), các môn thể thao dân tộc (Võ cổ truyền, Đua thuyền, Vật, Đẩy gậy, Bắn nỏ, Đi cà kheo, Kéo co).

- Những môn thể thao phục vụ các cụm kinh tế trọng điểm, kinh tế cửa khẩu, khu đô thị biên giới: quần vợt, Bóng chuyền...

2. Nội dung quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao.

2.1. Xác định các môn thể thao trọng điểm và phân bổ địa bàn trọng điểm.

2.1.1. Căn cứ để xác định các môn thể thao trọng điểm.

- Các môn thể thao đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của đa số người dân Đắk Lắk, đạt đa số người tập thể dục thể thao trong thanh thiếu niên và nhi đồng cần được chọn là môn thể thao trọng điểm.

- Các môn thể thao có trong chương trình thi đấu của Đại hội Olympic, Asiad, SeaGames là truyền thống của Đắk Lắk và trong những năm gần đây đã giành được huy chương trong các giải thi đấu quốc tế, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia cần được chọn là môn thể thao trọng điểm.

- Các môn thể thao có số lượng nhiều huy chương trong các Đại hội thể thao và thành tích thi đấu ít bị phụ thuộc vào trọng tài cũng chọn là môn thể thao trọng điểm.

- Môn thể thao của Đắk Lắk hiện có các điều kiện tối thiểu để phát triển về thể chế và hệ thống quản lý, huấn luyện viên trong, ngoài nước, cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống thi đấu chọn là môn thể thao trọng điểm.

Từ những căn cứ nêu trên, quy hoạch hệ thống các môn thể thao thành tích cao đến năm 2025 vào hai nhóm (gồm 15 môn) và 3 môn thể thao dân tộc: Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 1 (có huy chương), nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 2 (phần đầu có huy chương).

*** Nhóm các môn thể thao trọng điểm loại 1 gồm 9 môn:**

- | | | | |
|--------------|----------|-----------------|---------------------------|
| 1. Điền kinh | 3. Wushu | 5. Võ cổ truyền | 7. Bóng chuyền (nữ) |
| 2. Boxing | 4. Cử tạ | 6. Karatedo | 8. Kickboxing. 9. Canoing |

*** Nhóm các môn thể thao loại 2 gồm 6 môn:**

- | | | |
|-------------|-------------|--------------|
| 1. Quần vợt | 3. Bóng bàn | 5. Vovinam |
| 2. Bóng đá | 4. Thể hình | 6. Taekwondo |

*** Nhóm các môn thể thao dân tộc cần phát triển:**

- | | | |
|------------|-----------|-----------|
| 1. Đẩy gậy | 2. Bắn nỏ | 3. Kéo Co |
|------------|-----------|-----------|

Trong quá trình thực hiện, tùy theo thành tích thi đấu có thể thay đổi môn thể thao trọng điểm loại 1 và 2, việc xác định số lượng các môn thể thao trọng điểm sẽ được quy hoạch trong từng giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, các môn thể thao loại 1 được đầu tư nhiều hơn các môn thể thao loại 2.

2.1.2. Phân bố địa bàn trọng điểm phát triển và bồi dưỡng năng khiếu nghiệp dư thể thao theo huyện, thành phố:

Căn cứ vào truyền thống và điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác huấn luyện thể thao ở những giai đoạn ban đầu nhằm phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu thể thao ở các huyện, thành phố được phân bố phát triển từng môn thể thao như sau:

Thành phố Buôn Ma Thuột: Đẩy gậy, Cầu lông, Quần vợt, Boxing, Bóng đá, Cử tạ, Kickboxing. Bóng bàn.

Thị xã Buôn Hồ: Bóng chuyên, Đẩy gậy, Bóng đá, Võ cổ truyền.

Huyện Buôn Đôn: Đẩy gậy, Karatedo,

Huyện Cư Kuin: Bóng chuyên, Đẩy gậy, Bóng đá.

Huyện Cư M'gar: Bắn nỏ, Võ cổ truyền.

Huyện Ea H'leo: Điền kinh, Bóng đá, Bắn nỏ.

Huyện Ea Kar: Điền kinh, Võ cổ truyền, Karatedo, Kickboxing.

Huyện Ea Súp: Bắn nỏ. bóng chuyên.

Huyện Krông Ana: Bóng chuyên. Đua thuyền.

Huyện Krông Bông: Bóng đá, Đẩy gậy, Điền kinh.

Huyện Krông Buk: Võ cổ truyền, Điền kinh, Bóng đá, Wushu.

Huyện Krông Năng: Điền kinh, Boxing, Cử tạ, Bóng đá, Đẩy gậy.

Huyện Krông Pắc: Điền kinh, Đẩy gậy, Karatedo, Wushu, Boxing.

Huyện Lắk: Đẩy gậy, Võ cổ truyền.

Huyện M'Drăc: Bóng chuyên, Đẩy gậy, Kickboxing.

2.2. Các nguyên tắc chung về thể chế quản lý, đầu tư.

2.2.1. Thể chế quản lý: Thể chế quản lý hệ thống thể thao thành tích cao của Đắk Lắk theo 4 tuyến:

** Tuyến nghiệp dư:*

Bao gồm các câu lạc bộ, trường, lớp, đội tập luyện và thi đấu thể thao tự nguyện, không được sự đầu tư tiền bồi dưỡng luyện tập, trang phục và dụng cụ. Vận động viên thuộc tuyến này thường tập luyện ở các trường học, các cơ sở dịch vụ tập luyện thể dục thể thao, các tụ điểm thể thao giải trí. Vận động viên ham thích tập thể thao. Số lượng vận động viên của tuyến này tùy theo đặc điểm từng môn thể thao. Tham gia thi đấu chủ yếu theo cấp cơ sở hoặc hệ thống trường học. Vận động viên tuyến nghiệp dư do huyện, trường học quản lý.

** Tuyến năng khiếu bán tập trung:*

Những vận động viên trẻ có năng khiếu thể thao nhất định, đã qua tuyển chọn năng khiếu ban đầu. Vận động viên tuyến này thường tập luyện ở các lớp năng khiếu thể thao do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, các cơ sở đào tạo của

thành phố Buôn Mê Thuột, thị trấn, huyện. Số vận động viên này được Nhà nước đầu tư một phần, vẫn vừa tập luyện thể thao vừa học văn hoá theo chương trình phổ thông bình thường.

** Tuyển năng khiếu tập trung, trẻ, tuyển tỉnh:*

Những vận động viên trẻ có năng khiếu thể thao rõ rệt, có động cơ trở thành vận động viên ưu tú chuyên nghiệp. Số vận động viên này tập luyện tại Trường năng khiếu tỉnh, Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao. Vận động viên được Nhà nước đầu tư đào tạo toàn bộ, học văn hoá theo chương trình phổ thông bình thường hoặc chương trình bổ túc văn hoá nhưng theo thời gian biểu thuận lợi cho tập luyện nâng cao thành tích thể thao. Vận động viên được quản lý theo quy chế, theo hợp đồng do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trước đây nay là sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành. Thi đấu theo hệ thống cấp tỉnh và cấp quốc gia.

** Tuyển đội tuyển quốc gia:*

Những vận động viên xuất sắc có tài năng thể thao được xã hội thừa nhận. Vận động viên được Nhà nước đầu tư toàn diện về giáo dục, học văn hoá, tập luyện nâng cao thành tích, thi đấu trong và ngoài nước, tập huấn nước ngoài, các chế độ chính sách khác. Vận động viên tập luyện tại Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao, Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, tập huấn ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài. Đầu tư đào tạo vận động viên nhờ nguồn kinh phí của Đắk Lắk, kết hợp với nguồn kinh phí của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (nếu vận động viên là thành viên đội tuyển quốc gia hoặc vận động viên trẻ quốc gia). Vận động viên thi đấu theo hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế.

Thể chế quản lý chung nêu trên ứng dụng tùy theo đặc thù của từng môn thể thao trọng điểm (một số môn thể thao không nhất thiết có tuyển nghiệp dư).

2.3. Quy hoạch tổng thể đối với hệ thống đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao.

2.3.1. Các môn trọng điểm loại 1 (môn thể thao mũi nhọn):

Môn	Tuyển	2011	2020	2025	Chỉ tiêu thành tích
Điền kinh	Nghiệp dư	60- 80	100- 120	150-180	Huy chương Đại hội toàn quốc; Seagame
	Tập trung (NK)	12-15	20-25	25-30	
	Tuyển tỉnh	15-20	25- 30	30-35	
	Tuyển quốc gia	03	05	06	
Boxing	Nghiệp dư	20-30	30-35	35-40	Huy chương Đại hội toàn quốc; Seagame
	Tập trung (NK)	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển tỉnh	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển quốc gia	01	03	05	
Wushu	Nghiệp dư	20-30	30-35	35-40	Huy chương giải vô địch, Đại hội toàn
	Tập trung (NK)	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển tỉnh	10-15	15-18	20-25	

	Tuyển quốc gia	01	02	04	quốc;
Kicboxing	Nghiệp dư	20-30	30-35	35-40	Huy chương giải vô địch, Đại hội toàn quốc;
	Tập trung (NK)	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển tỉnh	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển quốc gia	01	03	05	
Cử tạ	Nghiệp dư	20-30	30-35	35-40	Huy chương giải vô địch, Đại hội toàn quốc;
	Tập trung (NK)	06-08	10-12	15-18	
	Tuyển tỉnh	10-12	12-16	18-20	
	Tuyển quốc gia	01	03	05	
Bóng chuyền nữ	Nghiệp dư	20-30	30-35	35-40	Thăng hạng đội mạnh vào năm 2015
	Tập trung (NK)	12-14	12-14	12-14	
	Tuyển tỉnh		12-14	12-14	
	Tuyển quốc gia		01	02	
Võ Cổ truyền	Nghiệp dư	20-30	30-35	35-40	Huy chương giải vô địch, Đại hội toàn quốc;
	Tập trung (NK)	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển tỉnh	10-15	15-18	20-25	
	Tuyển quốc gia	01	03	05	
Canoing	Nghiệp dư	80-90	100-135	135-140	Huy chương giải vô địch, Đại hội toàn quốc;
	Tập trung (NK)	06	10	14	
	Tuyển tỉnh	04	10	16	
	Tuyển quốc gia		02	04	
Karatedo	Nghiệp dư	80-90	100-135	135-140	Huy chương giải vô địch, Đại hội toàn quốc;
	Tập trung (NK)		15-18	20-25	
	Tuyển tỉnh	04	15-18	20-25	
	Tuyển quốc gia	01	03	05	
Bóng đá nam	Nghiệp dư	100-130	130-135	135-140	Lên đội mạnh vào năm 2018
	Tập trung (NK)	U(10,11,13, 15) 58	U(10,11,13, 15) 60 - 62	U(10,11,13, 15) 60- 62	
	Tuyển tỉnh	Trẻ 20 Tuyển 25	Trẻ 30 Tuyển 25	Trẻ 30 Tuyển 25	
	Tuyển quốc gia		02	03	

2.32 Một số nội dung và giải pháp:

- Môn Điền kinh: Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu ban đầu của vận động viên điền kinh cần có nền tảng rộng từ các môn thể thao khác (đặc biệt dưới 13 tuổi). Tập trung phát triển các nội dung truyền thống: Cự ly trung bình, cự ly dài, nhảy cao, nhảy xa, chạy 400m, 4x 800m, phát triển thêm một số nội dung có khả năng dành huy chương tại các giải quốc gia như 7-10 môn phối hợp.

Bồi dưỡng năng khiếu ban đầu của vận động viên điền kinh chỉ nên thực hiện trong 2 năm. Sau giai đoạn này cần tiếp tục huấn luyện 2 năm để có thể giữ lại những vận động viên thực sự có năng khiếu ở tuyển tập trung, không nên kéo dài thời gian phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu điền kinh.

Sau 4 năm huấn luyện, nhận thấy vận động viên có triển vọng tốt, cần giao

vận động viên cho huấn luyện viên giỏi hoặc gửi đào tạo ở trung ương hoặc nước ngoài để chuyển sang giai đoạn hoàn thiện thành tích thể thao (từ 4 - 6 năm).

- Môn Boxing, Karatedo: Cử những vận động viên xuất sắc gửi tập huấn tại thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia II hoặc nước ngoài.

Cần mời huấn luyện viên giỏi tuyển chọn và huấn luyện dài hạn 5 - 7 năm.

Mở lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tuyển chọn và huấn luyện huấn luyện viên ở số ít huyện, thành phố.

- Môn Wushu, Võ Cổ truyền, Kicboxing: Xây dựng mở rộng câu lạc bộ ở các huyện, thành phố và các trường phổ thông.

Coi trọng công tác tuyển chọn năng khiếu, thuê huấn luyện viên giỏi để tuyển chọn và huấn luyện dài hạn cho số ít vận động viên ở tuyển tập trung.

Lựa chọn từ một số vận động viên xuất sắc trong đội tuyển gửi đi đào tạo dài hạn ở trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia II, thành phố Hồ Chí Minh hoặc nước ngoài.

- Môn Bóng chuyền nữ, Bóng đá nam: Xây dựng mở rộng các đội bóng ở các huyện, thành phố và đặc biệt là các trường phổ thông.

Thuê huấn luyện viên giỏi để tuyển chọn và huấn luyện dài hạn cho số vận động viên ở tuyển tập trung.

Chuyển giao đội tuyển cho doanh nghiệp quản lý (tính có cơ chế ưu đãi về thuế, đất...)

- Môn Canoing: Thường xuyên tổ chức giải đua thuyền trên địa bàn tỉnh; gửi những VĐV xuất sắc, huấn luyện viên tập huấn tại Trung tâm huấn luyện thể thao Đà Nẵng.

2.3.2. Các môn thể thao trọng điểm loại 2.

2.3.2.1. Hệ thống đào tạo.

Các môn thể thao nhóm 2 có thể xây dựng đầy đủ các tuyến năng khiếu nghiệp dư, năng khiếu tập trung và đội tuyển tỉnh với số lượng vận động viên ở tuyến năng khiếu nghiệp dư tương đối nhiều: Quần vợt, Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Vovinam, Thể hình, Taekwondo. Hệ thống đào tạo này có thể như hệ thống đào tạo theo hình nón, có chân đế rộng.

2.3.2.2. Một số nội dung và giải pháp.

- Định mức đầu tư của Nhà nước cho các môn thể thao nêu trên cần ở mức độ thích hợp và thấp hơn các môn thể thao trọng điểm loại 1. Một số môn thể thao cần tận dụng nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước.

- Một số môn thể thao mới phát triển cần mời huấn luyện viên giỏi làm công tác tuyển chọn và huấn luyện.

- Tiếp tục kết hợp giữa Trung ương và địa phương, kết hợp với các tỉnh thành bạn để đảm bảo tốt công tác tuyển chọn, huấn luyện.

- Kết hợp quá trình đào tạo vận động viên với quá trình đào tạo thành huấn luyện viên giỏi cho Đắc Lắc (sau khi vận động viên đã hết tuổi thi đấu).

- Trong trường hợp phát hiện vận động viên có năng khiếu tốt ở một môn thể thao nào đó nên cử đi tập huấn dài hạn ở trường Đại học Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia TP Hồ Chí Minh hoặc nước ngoài.

Căn cứ vào quy hoạch chung, cần xây dựng kế hoạch phát triển cho từng môn thể thao trọng điểm loại 1, loại 2 và các môn thể thao đang phát triển.

Tổng số vận động viên trong hệ thống thể thao thành tích cao.

Năm	Nhiệm vụ	Năng khiếu tập trung	Tuyển tỉnh	Đội tuyển Quốc gia
2011	150	150	150	7
2015	170	180	210	10 - 15
2020	200	200	230	15 - 20
2025	400	250	260	20 - 25

3. Quy hoạch hệ thống tổ chức thi đấu thể dục, thể thao cấp tỉnh.

3.1. Hệ thống thi đấu thể dục, thể thao cho mọi người:

- Đại hội Thể dục thể thao toàn tỉnh 4 năm/lần.
- Hội thi thể thao gia đình 2 năm/lần (năm chẵn).
- Hội khỏe Phù Đổng: cấp trường 1 năm/lần; cấp huyện, thành phố 2 năm/lần; cấp tỉnh 2 năm/lần.
- Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 1 năm/lần.
- Giải thi đấu các môn thể thao phong trào cấp tỉnh: mỗi năm tổ chức 25 - 30 giải thể thao, cấp ngành phối hợp tổ chức 20 - 22 giải.

3.2. Hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao:

- Tổ chức 12 - 14 giải ở các môn thể thao.
- Đăng cai 8 - 10 giải thể thao khu vực, toàn quốc, quốc tế.

3.3. Tham gia các giải thể thao trong nước, quốc tế:

- Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc 4 năm/lần.
- Giải Vô địch toàn quốc, giải trẻ, thiếu niên, nhi đồng toàn quốc ở các môn thể thao thành tích cao hàng năm.

- Hội thi thể thao gia đình 2 năm/lần (năm chẵn).
- Hội thi thể thao người khuyết tật 2 năm/lần (năm lẻ).
- Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc 4 năm/lần.
- Đại hội Thể dục thể thao vùng Tây Nguyên.
- Một số vận động viên tiêu biểu tham gia các giải Đông Nam Á, Châu Á ở một số môn thể thao thế mạnh của tỉnh: Điền kinh, Boxing, Wushu, Quần vợt, Teakwondo ...

4. Nội dung quy hoạch về tổ chức và cán bộ thể dục thể thao.

Để thực hiện mục tiêu phát triển sự nghiệp thể dục thể thao Đắc Lắc đến năm 2025, mô hình tổ chức và hệ thống thiết chế lĩnh vực thể dục thể thao của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đến năm 2025 được thể hiện ở 3 cấp: Cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn. Cụ thể:

4.1. Cấp tỉnh.

4.1.1. Tổ chức bộ máy.

4.1.1.1. Đơn vị quản lý nhà nước:

- Ban giám đốc sở (01 phụ trách thể thao);
- Thanh tra (01 thể thao);
- Phòng nghiệp vụ.

4.1.1.2. Đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao:

- Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh.
- Trung tâm thi đấu và dịch vụ thể dục thể thao tỉnh.
- Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh.
- Trung tâm phát triển thể thao quần chúng tỉnh.

4.1.2. Cán bộ thể dục thể thao

Đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất chính trị, đạo đức và nâng cao năng lực, chất lượng chuyên môn, tạo nguồn cán bộ, nhân lực có trình độ, nhiệt huyết sẵn sàng cống hiến, phục vụ trong ngành, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hội nhập nhanh và toàn diện với khu vực và quốc tế.

Tiếp tục chuẩn hoá và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ, viên chức các cấp nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ chính trị của ngành trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh, đất nước.

BIÊN CHẾ THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN NĂM 2025

Đơn vị	Giai đoạn 2012 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2025
1. Quản lý nhà nước			
Ban giám đốc sở (01 phụ trách thể thao);	01	01	02
Thanh tra (01 thể thao);	01	02	03
Phòng nghiệp vụ TT (sở VH-TT-DL)	07	08	09
Phòng văn hoá thông tin cấp huyện	15	20	30
2. Đơn vị sự nghiệp TDTT			

Trung tâm huấn luyện thể thao	28	35	45
Trung tâm thi đấu và dịch vụ TDTT	12	14	16
Trường năng khiếu TDTT	51	70	90
Trung tâm phát triển TT quần chúng	20	25	30
Trung tâm TDTT(VHTT) cấp huyện	30	50	75
TỔNG	165	205	270

Trong đó, Huấn luyện viên thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh là:

- Năm 2015:71 người ; 2020: 85 người - Năm 2025: 100 người

4.2. Cấp huyện, thành phố.

4.2.1. Tổ chức bộ máy.

- Đơn vị quản lý nhà nước: Phòng Văn hoá - Thông tin.

- Đơn vị sự nghiệp: Trung tâm Thể dục thể thao hoặc Trung tâm Văn hoá - Thể thao.

4.2.2. Cán bộ thể dục thể thao.

- Năm 2012-2015: 18-30 người ; Năm 2016-2020: 50, năm 2025: 75 người

4.3. Cấp xã, phường, thị trấn.

4.3.1. Tổ chức bộ máy: Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá - Thể thao.

4.3.2. Cán bộ thể dục thể thao.

Về số lượng cán bộ thể dục thể thao đảm bảo mỗi đơn vị cấp xã có 01 cán bộ chuyên trách TDTT, mỗi cụm dân cư (thôn, buôn) có 1 cộng tác viên thể dục thể thao. Phấn đấu đến năm 2020 cán bộ chuyên trách TDTT cấp xã đạt 10- 15% đến năm 2025 đạt 20%. Số cán bộ cộng tác viên thể thao ở thôn, buôn đến năm 2020 đạt 50% đến năm 2025 đạt 80%.

5. Nội dung quy hoạch đất đai và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho thể dục thể thao.

5.1. Quy hoạch đất đai.

Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cho hoạt động TDTT đến 2020 và định hướng 2025 khoảng 3000 ha đến 3200 ha. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, các cấp có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể về quỹ đất giành cho thể dục thể thao phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo 3m²/người dân theo Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg ngày 10/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

5.1.1. Cấp tỉnh.

Diện tích đất khu Liên hợp thể thao vùng Tây Nguyên có diện tích khoảng 106 ha. (hiện nay đang lập dự án đầu tư xây dựng)

5.1.2. Cấp huyện, thành phố.

Chỉ tiêu sử dụng đất cho thể dục thể thao cấp huyện, thị xã khoảng 6 - 10 ha/đơn vị cấp huyện (riêng thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 27ha): Quy hoạch diện tích đất cấp huyện tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 là 120 - 150 ha (trong đó, mỗi huyện, thị xã giành từ 6 - 6,5 ha để xây dựng các công trình thể

thao).

5.1.3. Cấp xã, phường, thị trấn và khu dân cư (thôn, buôn, khu phố).

Đảm bảo đất thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn đạt 3m²/người dân để thực hiện các hạng mục công trình thể thao, khu thể thao giải trí. Diện tích đất thể dục thể thao của 184 xã, phường, thị trấn khoảng 184 ha đến 276 ha (trong đó, mỗi xã, phường, thị trấn giành từ 1 - 1,5 ha để xây dựng các công trình thể thao). Những khu dân cư có điều kiện thì bố trí đất thể dục thể thao gắn liền với đất nhà sinh hoạt thôn buôn, khu phố, trường học. Cấp thôn, buôn 2400-2500ha.

5.1.4. Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Phổ thông.

- Diện tích đất của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, các trường phổ thông dành cho thể dục thể thao theo tiêu chuẩn là 1m²/người. Diện tích đất giành cho thể dục thể thao trường học khoảng 144 ha.

5.2. Quy hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho thể dục thể thao.

5.2.1. Các công trình cấp tỉnh do sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quản lý.

Xây dựng Khu liên hợp thể thao Tây Nguyên gồm các hạng mục công trình:

- Trường Năng khiếu thể dục thể thao tỉnh .
- Sân vận động 40.000 chỗ ngồi
- Nhà thi đấu đa năng
- Bể bơi 50m (có khán đài).
- Khu liên hợp quần vợt
- Làng văn hoá TDTT: ký túc xá, phòng nghỉ các đoàn đến thi đấu...
- Nhà tập luyện tổng hợp (cho các môn thể thao).
- Sân tập tổng hợp (các môn thể thao).
- Các phòng chức năng.

*** Giai đoạn năm 2011 - 2020:**

Xây dựng các hạng mục công trình Khu liên hợp thể thao Tây Nguyên:

- Trường Năng khiếu thể dục thể thao tỉnh (nhà điều hành, khu ký túc xá, khu phòng học, nhà tập luyện tổng hợp, sân bóng đá, bể bơi...).

- Sân vận động 40.000 chỗ ngồi
- Nhà tập luyện tổng hợp (cho các môn thể thao).
- Sân tập tổng hợp (các môn thể thao).
- Các phòng chức năng.

*** Giai đoạn năm 2021 - 2025:**

Tiếp tục Xây dựng các hạng mục công trình Khu liên hợp thể thao Tây Nguyên:

- Khu liên hợp quần vợt;
- Làng văn hoá TDTT: ký túc xá, phòng nghỉ các đoàn đến thi đấu...
- Bể bơi 50m (có khán đài).

5.2.2. Cấp huyện, thành phố:

- Đến năm 2025 các huyện, thị xã phải có 2 trong các công trình thể dục thể thao cơ bản sau:

- + 01 Sân vận động (16.000m²).
- + 01 Nhà tập và thi đấu (1.200 - 1.500m²).
- + 01 Bể bơi: (2.000m²).

- Căn cứ điều kiện thực tiễn của tỉnh, chọn xây dựng sân vận động cho một số huyện, có phong trào bóng đá mạnh, cụ thể:

+ Giai đoạn 2011- 2020: Tập trung đầu tư cho các đơn vị (Krông Pắc, Cùmpgar, Eakar; CưKuoin ; Buôn Hồ, Krông Buk, Krông Năng).

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Tập trung đầu tư cho các đơn vị (Krông na, Buôn Đôn, Lắc).

- Nhà tập luyện và thi đấu: Trước mắt ưu tiên cho những Trung tâm thể thao khu vực: Buôn Hồ, Krông Pắc, Eakar và một số huyện mới tách: Cư Kuoin, Krông Buk.

Cần thực hiện tốt quy hoạch đất dành cho thể dục thể thao để đảm bảo xây dựng các công trình cơ bản và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế khác đầu tư các công trình thể dục thể thao theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện nói riêng và tỉnh nói chung.

5.2.3. Cấp xã, phường, thị trấn và khu dân cư (buôn, thôn, khu phố):

Các công trình thể dục thể thao xã, phường, thị trấn quy hoạch như sau:

Thực hiện theo Nghị định số 112/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2007 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao.

* Mỗi xã, phường, thị trấn phải có ít nhất một trong những công trình thể dục thể thao theo quy định sau: + Sân vận động (2,5 ha).

+ Sân tập thể thao. (1.5ha)

+ Nhà tập luyện. (0,5ha)

+ Bể bơi. (0,5ha)

+ Các công trình thể dục thể thao khác. (0,5ha)

- Giai đoạn 2012 - 2020 đạt 90% xã, phường, thị trấn có Sân tập thể thao.

- Năm 2012 - 2020 đạt 30 - 40% xã, phường, thị trấn có sân tập; Nhà tập luyện;

- Năm 2021- 2025 đạt 50-60%. xã, phường, thị trấn có sân tập; Nhà tập luyện; Bể bơi (nếu có điều kiện).

* Mỗi thôn, buôn, khu phố phải có Khu tập luyện thể thao.

PHẦN THỨ SÁU

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG, TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC BỘ MÁY THỂ DỤC THỂ THAO CÁC CẤP.

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức.

- Nâng cao và làm chuyển biến tích cực nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động của các cấp, ngành, địa phương, đơn vị; cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao, nâng cao thể lực và tầm vóc góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thực hiện tốt các quan điểm, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020 đã đề ra trong Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình 11-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Tuyên truyền sâu rộng đến từng cán bộ, đảng viên và nhân dân, để qua đó hiểu sâu hơn về vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với việc nâng cao sức khoẻ, thể lực của mọi người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên và góp phần xây dựng nếp sống và môi trường văn hoá lành mạnh phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tập trung tuyên truyền để mọi người thấy được đầu tư cho thể dục, thể thao là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước. Tăng tỉ lệ chi ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao và đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; đồng thời phát huy các nguồn lực của xã hội để phát triển thể dục, thể thao.

- Đưa nội dung phát triển thể dục thể thao vào Nghị quyết của các cấp uỷ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Lồng ghép công tác thể dục thể thao với các cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá, các chương trình xoá đói, giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới...; huy động cộng đồng tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển thể dục thể thao.

- Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về đẩy mạnh công tác xã hội hoá thể dục thể thao của Đảng, Nhà nước, để các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, các đơn vị công lập, ngoài công lập và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện có hiệu quả về công tác này.

2. Tăng cường tổ chức bộ máy thể dục thể thao các cấp.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, mô hình tổ chức, quản lý của bộ máy thể dục thể thao các cấp theo yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực đáp ứng yêu cầu

và nhiệm vụ của hội nhập kinh tế quốc tế và quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy của ngành TDTT theo các quy định mới của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

- *Cấp huyện*: Thành lập Trung tâm Văn hoá, Thể thao hoặc Trung tâm Văn hoá Thể thao Du lịch (theo thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL- Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp trong lĩnh vực VH,TT&DL quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

- *Cấp xã, phường, thị trấn*: Từng bước xây dựng và phát triển thiết chế văn hoá thể thao cấp xã:

Củng cố tổ chức bộ máy Văn hoá Thể thao cấp xã, tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên trách thể thao cho các Ban văn hoá thể thao xã hoặc Ban văn hoá xã hội xã để tổ chức, duy trì và phát triển phong trào TDTT ở cấp xã, phường, thị trấn, thị xã.

Thành lập Trung tâm văn hoá thể thao cấp xã (Theo thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 Quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Trung tâm VHTT xã). Giai đoạn 2012- 2015 mỗi huyện, thành phố, thị xã chọn 2 - 3 xã, phường, thị trấn có phong trào văn hoá thể thao phát triển mạnh có điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động văn hoá thể thao thành lập thi điểm sau đó nhân rộng.

- *Cấp thôn, buôn*: Xây dựng và củng cố mô hình Đội thể thao hoặc Câu lạc bộ thể thao ở thôn, buôn, tổ dân phố. Từng bước xây dựng và phát triển thiết chế văn hoá thể thao cấp thôn, buôn (Theo thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 Quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn).

- Từng bước thực hiện quy trình Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 nhằm đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống hành chính, thực hiện nguyên tắc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, niêm yết công khai quy chế, quy trình xử lý công việc để nhân dân và doanh nghiệp biết, giảm bớt các thủ tục hành chính, phiền hà, chông chéo trong quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về Văn hoá, thể thao và du lịch.

- Xây dựng kế hoạch phát triển thể dục thể thao hàng năm và 5 năm của tỉnh theo hướng đồng bộ, nhất quán với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đất nước khi Việt Nam đã là thành viên của WTO.

- Coi trọng các chỉ tiêu và biện pháp về chất lượng phát triển, gắn kết giữa chiến lược, quy hoạch với kế hoạch, xây dựng các dự án, đề tài nghiên cứu, tập trung vào những vấn đề mới liên quan đến quản lý ngành thể thao, nâng cao chất lượng dự báo, tính khoa học, công khai, minh bạch, thực hiện thành công các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Từng bước thực hiện xã hội hoá các hoạt động thể dục thể thao nhằm huy động mọi tiềm năng và vật chất của toàn xã hội chăm lo đến hoạt động thể dục thể thao của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân, đặc biệt

là các đối tượng chính sách được hưởng thụ, tham gia hoạt động thể dục thể thao ngày càng cao, theo tinh thần Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát trên mọi lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

II. GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỂ DỤC THỂ THAO.

+ Nghiên cứu các cơ chế, chính sách để tạo ra cơ hội, động lực, tư duy mới trong việc xây dựng, phát triển ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao vị thế, vai trò của thể dục thể thao trong đời sống kinh tế - xã hội:

Xây dựng và triển khai thực hiện đề án về Phát triển thể dục thể thao đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh;

Xây dựng và triển khai thực hiện đề án về Xã hội hoá các hoạt động Y tế, Văn hoá, thể thao; Du lịch, môi trường trên địa bàn tỉnh;

Xây dựng và triển khai thực hiện đề án về Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên phù hợp, kịp thời;

Điều chỉnh chế độ khen thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích trong thi đấu cho phù hợp với tình hình thực tế;

Xây dựng và triển khai thực hiện đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên thể dục thể thao.

Xây dựng và triển khai thực hiện đề án về chính sách đối với vận động viên thể thao thành tích cao có nhiều cống hiến cho tỉnh sau khi nghỉ thi đấu và chính sách thu hút tài năng thể thao.

Xây dựng kế hoạch nâng cấp trường Năng khiếu TDTT của tỉnh lên Trường trung cấp TDTT;

+ Phối hợp với Viện Khoa học thể dục thể thao, trường Đại học thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn cao: Thạc sĩ, Tiến sĩ, Bác sĩ thể thao.

+ Phối hợp với Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch, trường Đại học Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh, Viện Khoa học thể dục thể thao, các Liên đoàn thể thao quốc gia mở các khoá đào tạo, chuẩn hoá trình độ chuyên môn cho cán bộ thể dục thể thao ở các cấp (đặc biệt, đào tạo cán bộ thể dục thể thao xã, phường, thị trấn). Mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thể dục thể thao về các lĩnh vực: quản lý thể dục thể thao, y sinh học, trọng tài, công nghệ tin học trong huấn luyện, đào tạo và nâng cao thành tích thể thao, chuyển giao công nghệ tuyển chọn, huấn luyện vận động viên..

- Tăng cường đầu tư đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ và đào tạo lại cán bộ thể dục thể thao ở các cấp.

- Kiện toàn công tác tổ chức, cơ cấu huấn luyện viên về số lượng, chất lượng, chuyên ngành ở các môn thể thao hiện có và các môn thể thao theo định

hướng phát triển. Đảm bảo công tác tổ chức cán bộ thể dục thể thao ở các cấp: cấp huyện, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn.

- III. GIẢI PHÁP VỀ VỐN ĐẦU TƯ.

- Nhà nước đầu tư xây dựng cơ bản các công trình thể thao lớn, các trang thiết bị và phương tiện chuyên dùng hiện đại, cấp kinh phí cho hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh, huyện, thành phố và một phần kinh phí cho các xã, phường, thị trấn.

- Cấp xã, phường, thị trấn: thực hiện cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Thôn, buôn, khu dân cư: Do nhân dân và các tổ chức đóng góp, đối với vùng “có hoàn cảnh đặc biệt”, vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ bản và đầu tư trang thiết bị chuyên dùng.

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, xã hội, doanh nghiệp, cá nhân tài trợ, hỗ trợ, đóng góp kinh phí để xây dựng và duy trì hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao cơ sở.

- Tăng ngân sách Nhà nước cấp cho phát triển sự nghiệp thể dục thể thao ở các cấp quản lý đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 cụ thể: Giai đoạn 2012 - 2020 đạt khoảng 0,65 - 0,8%, tổng chi ngân sách tỉnh; Giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 0,85 - 1,0%/ tổng chi ngân sách tỉnh.

1. Vốn sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh.

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk giai đoạn 2011 – 2020 định hướng đến năm 2025 Ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao cụ thể:

- Giai đoạn 2012 - 2015 đạt 25 - 30 tỉ/01 năm

- Giai đoạn 2016 - 2020 đạt 31 - 35 tỉ/01 năm;

- Giai đoạn 2021 - 2025 đạt 40 - 50 tỉ/01 năm ;

2. Vốn sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện, thành phố:

Định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện Nghị Quyết 22/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 theo loại địa bàn để định mức phân bổ đồng/đầu người/ năm (ước tính trung bình vốn sự nghiệp TDTT cho mỗi huyện, thành phố, thị xã khoảng 350- 500 triệu đồng/ huyện/ năm).

- Giai đoạn 2012- 2015 tăng gấp 1.5 lần so với năm 2011; (Ước tính trung bình vốn sự nghiệp TDTT cho mỗi huyện, thành phố, thị xã khoảng 500- 600 triệu đồng/ huyện/ năm).

- Giai đoạn 2016-2020 gấp 2 so với năm 2011. (Trung bình ngân sách cấp cho mỗi huyện, thành phố 1 năm khoảng trên 850 triệu đến 1 tỷ đồng/ huyện/ năm).

- Giai đoạn 2021-2025 tăng gấp 2.5- 3 lần so với năm 2011; (Trung bình ngân sách cấp cho mỗi huyện, thành phố 1 năm khoảng 1tỷ triệu đến 1 tỷ 200 triệu đồng/ huyện/ năm).

3. Vốn sự nghiệp thể dục thể thao cấp xã, phường, thị trấn.

Theo định mức phân bổ kinh phí chi sự nghiệp thể dục thể thao Nghị quyết 22/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 cấp xã, phường, thị trấn giai năm 2010 là 15 triệu đồng/xã/năm.

- Giai đoạn 2012 - 2015 tăng 20-25 triệu đồng/xã/năm;
- Giai đoạn 2016 - 2020 tăng 30- 40 triệu đồng/xã/năm;
- Giai đoạn 2021 - 2025 tăng 45- 50 triệu đồng/xã/năm.

4. Vốn xây dựng cơ bản. Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương đầu tư vào các công trình Trường Năng khiếu TDTT, Cơ sở hạ tầng và một số công trình thuộc Khu liên hợp thể thao vùng Tây nguyên. Đối với các công trình cấp huyện thì chỉ được hỗ trợ đầu tư Nhà thi đấu, sân vận động.

- Chuyển đổi công trình sân vận động cũ (sân vận động tỉnh số 02 Nguyễn Công Trứ) để xây dựng sân vận động mới tại Khu liên hợp thể thao vùng Tây nguyên.

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn hỗ trợ của Trung ương qua Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cho các công trình trọng điểm giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo. Nguồn vốn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới hỗ trợ cho cấp thôn, buôn.

Cấp xã do ngân sách cấp huyện đầu tư từ nguồn ngân sách cấp tỉnh phân cấp cho ngân cấp huyện hàng năm, nguồn ngân sách cấp xã và huy động nguồn vốn xã hội hoá.

Nguồn vốn xã hội hoá: Kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình thể thao vừa và nhỏ, một số hạng mục công trình thuộc Khu liên hợp thể thao: Khu Quần vợt, Bể bơi, khu làng VĐV...

KHAI TOÁN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TDTT ĐẾN NĂM 2025

ĐVT: Tỷ đồng

		Năm 2011	Giai đoạn 2012-2015	Giai đoạn 2016 -2020	Giai đoạn 2021 -2025
	Tổng	78.635	613.100	900.600	1.463.900
1	Vốn ngân sách nhà nước	65.835	371.900	490.000	509.500
<i>a</i>	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>32.335</i>	<i>178.400</i>	<i>30.3000</i>	<i>379.500</i>
	- Cấp tỉnh	22.902	120.000	200.000	250.000
	- Cấp huyện	6.673	40.000	66.500	83.500
	- Cấp xã	2.760	18.400	36.500	46.000
<i>b</i>	<i>Đầu tư cơ bản</i>	<i>33.500</i>	<i>193.500</i>	<i>187.000</i>	<i>130.000</i>
	- Cấp tỉnh	22.500	138.000	88.000	-
	+ Khu liên hợp thể thao	0.500	50.000	88.000	-
	+ Trường Năng khiếu	22.000	88.000	-	-

	- Cấp huyện	11.000	42.000	81.000	107.500
	+ Nhà tập luyện & Thi đấu	11.000	39.000	75.000	100.000
	+ Sân vận động	-	3.000	6.000	7.500
	- Cấp xã	-	13.500	18.000	22.500
	- Cấp thôn, buôn	Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới và xã hội hoá			
2	Vốn xã hội hoá	12.800	41.200	186.600	318.400
	- Hạ tầng Khu liên hợp TT		22.000	161.000	280.000
	- Các công trình thể thao	12.800	19.200	25.600	38.400
3	Vốn vay (XD-1 số hạng mục của Khu liên hợp TT)		200.000	224.000	636.000

IV. GIẢI PHÁP VỀ XÃ HỘI HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO.

Xã hội hoá là vấn đề mấu chốt của sự phát triển ngành TDTT. Nguyên tắc thực hiện xã hội hoá thể dục thể thao trong những năm tới là tiếp tục tăng mức đầu tư của Nhà nước cho thể dục thể thao, đồng thời tăng nguồn thu ngoài ngân sách Nhà nước để đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao ngày càng cao của nhân dân. Các giải pháp sau để tăng nguồn thu ngoài ngân sách Nhà nước và phát triển thể dục thể thao:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về xã hội hoá thể dục thể thao.

2. Tiếp tục củng cố và phát triển các hội, các liên đoàn thể thao trên địa bàn tỉnh. Tỉnh quan tâm, tạo điều kiện thêm về kinh phí để hàng năm các tổ chức Liên đoàn, Hội TDTT thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể: Thi đấu thể thao, đào tạo vận động viên, xây dựng cơ sở vật chất, kinh doanh thể thao... cũng như bố trí quỹ đất để các Liên đoàn, Hội xây trụ sở và tổ chức hoạt động.

3. Tiếp tục khuyến khích các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp... đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động và thi đấu TDTT bằng nguồn vốn tự có đầu tư xây dựng các công trình thể thao vừa và nhỏ: Sân bóng đá mi ni, Hồ bơi, sân Quần vợt; câu lạc bộ thể hình, Earobic... đặc biệt khuyến khích đầu tư xây dựng các Khu Thể thao (Trung tâm TDTT) ở trung tâm huyện, thị xã, các phường, thị trấn... Tích cực, chủ động vận động các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp tài trợ, hỗ trợ kinh phí tổ chức các giải thể thao từ tỉnh đến cơ sở.

4. Phối hợp các hình thức tổ chức, đào tạo tài năng thể thao: Nhà nước, doanh nghiệp, tư nhân..

5. Từng bước tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thể dục thể thao, cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức xã hội về thể dục thể thao, cơ chế phối hợp hoạt động giữa ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch với các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp để phát triển thể dục thể thao.

6. Về chính sách đất đai. Công khai quy hoạch đất đai cho các công trình TDTT các cấp để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục thể thao các cấp

7. Về chính sách hỗ trợ, ưu đãi: Tinh thống nhất các văn bản về chính sách ưu đãi của tỉnh: các loại thuế, phí, tín dụng, cho thuê đất... đối với các đơn vị, cá nhân thực hiện xã hội hóa nói chung. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, cụ thể đến đông đảo quần chúng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Xác định các môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Quần vợt, Cầu lông, Bóng Bàn, tập trung xã hội hoá giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2025. Đặc biệt đội tuyển Bóng đá, bóng chuyền của tỉnh chuyển giao cho doanh nghiệp quản lý, tỉnh có cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi về thuế, đất, tín dụng... phù hợp để động viên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư.

9. Nguồn lực tài chính xã hội hoá;

Giai đoạn năm 2011 - 2015 từng bước chuyển cơ sở thể dục thể thao công lập sang đơn vị sự nghiệp có thu theo cơ chế dịch vụ công. Tăng nguồn thu từ người tập và tổ chức thi đấu thể thao để huy động từ xã hội hoá bao gồm: Vé Bóng chuyền, vé bóng đá, vé Cầu lông, Bể bơi, sân quần vợt...

- Nguồn kinh phí huy động từ xã hội năm 2011 là 10%/tổng kinh phí thể dục thể thao hàng năm, năm 2015 là 20%, đến năm 2020 là 30 - 35%; đến năm 2025 là 40 - 50%.

- Cùng có phát triển các tổ chức xã hội về thể dục thể thao hiện có. Thành lập một số Hội, Liên đoàn thể thao của các môn mới.

V. GIẢI PHÁP KIẾN TOÀN HỆ THỐNG ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN VÀ CÔNG TÁC TUYỂN CHỌN, HUẤN LUYỆN, GIÁO DỤC VẬN ĐỘNG VIÊN.

1. Hoàn chỉnh các quy định, nội dung tuyển chọn năng khiếu thể thao.

1.1. Các giai đoạn tuyển chọn năng khiếu thể thao.

- Tuyển chọn năng khiếu ban đầu: Thực hiện tuyển chọn ở tuyến nghiệp dư, do huấn luyện viên tuyến nghiệp dư tiến hành.

- Tuyển chọn năng khiếu vào tuyến bán tập trung hoặc tuyến tập trung (tùy từng môn thể thao): vận động viên bắt đầu vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hoá hoặc chuyên môn hoá sâu, cần có huấn luyện viên chuyên nghiệp, giỏi tiến hành tuyển chọn. Tốt nhất là theo nguyên tắc huấn luyện viên nào trực tiếp huấn luyện thì cần trực tiếp tiến hành tuyển chọn vận động viên.

1.2. Các quy định về tuyển chọn năng khiếu thể thao.

- Ban hành tiêu chuẩn về tuyển chọn năng khiếu ban đầu cho từng môn thể thao. Các huấn luyện viên nghiệp dư căn cứ vào kinh nghiệm và căn cứ vào tiêu chuẩn để tuyển chọn.

- Ban hành tiêu chuẩn tuyển chọn vào tuyển bán tập trung, tập trung cho từng môn thể thao. Các huấn luyện viên chuyên nghiệp chủ yếu căn cứ vào kinh nghiệm, đồng thời tham khảo tiêu chuẩn để tuyển chọn. Trong trường hợp huấn luyện viên yêu cầu về những xét nghiệm y-sinh học, phải xét nghiệm và phân tích kết quả, kết luận gửi cho huấn luyện viên (*thông thường cần có các xét nghiệm này*).

- Tuyển chọn tài năng thể thao vào các đội tuyển tỉnh do huấn luyện viên chuyên nghiệp trực tiếp thực hiện. Khi huấn luyện viên có yêu cầu, cần tiến hành xét nghiệm.

- Mở rộng tiếp thị để thông qua dịch vụ quảng cáo thu hút thêm nguồn tài trợ cho các môn thể thao; động viên nguồn lực của tư nhân và các tổ chức kinh tế cùng đầu tư phát triển các môn thể thao: Leo núi, Đua voi về y - sinh học.

1.3. Các nội dung tuyển chọn năng khiếu thể thao (tùy từng môn thể thao, ở đây chỉ nêu khái quát chung).

- Đánh giá tuổi sinh học và dự báo phát triển chiều cao thân thể (đối với các vận động viên từ 6 - 17 tuổi, đặc biệt từ 6 - 13 tuổi).

- Đánh giá về hình thái học (cần đối với số ít môn như Bơi lội, thể dục...).

- Đánh giá về hệ thần kinh (loại hình thần kinh ...).

- Đánh giá về cơ chế năng lượng và khả năng chịu lượng vận động, hồi phục (cần đối với nhiều môn thể thao).

- Đánh giá về sinh hoá máu (hồng cầu, huyết sắc tố, men LDH, hàm lượng Testosterol, chức năng miễn dịch...).

- Đánh giá về cấu tạo sợi cơ (cần đối với các môn đặc trưng sức bền, sức nhanh hoặc sức mạnh).

- Đánh giá về khả năng tiếp thu kỹ thuật (cần đối với các môn có độ khéo cao về kỹ thuật như thể dục nghệ thuật, thể dục dụng cụ...).

- Đánh giá tố chất thể lực chung và tố chất thể lực chuyên môn (các test su phạm cho từng môn thể thao).

Tuyển chọn sơ bộ ban đầu chỉ cần số ít những nội dung kể trên. Tuyển chọn năng khiếu thể thao là khâu quyết định để tiết kiệm kinh phí đào tạo và đảm bảo đào tạo đạt hiệu quả cao.

2. Kiện toàn quy trình huấn luyện, phương pháp huấn luyện và hồi phục thể lực, công tác giáo dục vận động viên.

2.1. Các giai đoạn huấn luyện thể thao.

- Giai đoạn huấn luyện ban đầu.

- Giai đoạn huấn luyện chuyên môn hoá (chuyên môn hoá ban đầu, chuyên môn hoá sâu).

- Giai đoạn huấn luyện hoàn thiện trình độ thể thao.

2.2. Chu kỳ huấn luyện và phương pháp huấn luyện.

- Chu kỳ huấn luyện năm phân chia ra các thời kỳ, các giai đoạn huấn luyện hợp lý theo các cuộc thi đấu lớn trong năm. Mỗi năm cần có nhiều cuộc thi đấu kiểm tra, thi đấu chính thức. Trong năm, vận động viên có thể đạt trạng thái sung sức thể thao cao ở một số thời điểm (điểm rơi), không chỉ một ở thời điểm như quan niệm cũ.

- Phương pháp huấn luyện tổ chất thể lực (đặc biệt là sức nhanh, sức mạnh, sức bền) cần dựa trên cơ sở sinh lý học; thường xuyên tham khảo vận dụng các phương pháp huấn luyện mới về tổ chất thể lực của thế giới.

- Cố gắng trang bị các thiết bị kỹ thuật, các thiết bị hỗ trợ, các trang phục mới trong huấn luyện thể thao.

2.3. Các phương pháp hồi phục thể lực.

Sau một ngày tập hoặc một buổi tập nặng, cần phải áp dụng có chọn lọc một số phương pháp hồi phục sau đây:

- Hồi phục bằng phương pháp vật lý như xoa bóp, tắm hơi.

- Hồi phục bằng thực phẩm thuốc (phương pháp sinh hoá) với mục đích bù đắp sự suy giảm testosterol, giải trừ Axit lactic trong máu, chống gốc oxy tự do trong tế bào, bù đắp vitamin và muối khoáng.

Hàng ngày vận động viên phải dùng thêm thực phẩm chức năng (uống ở dạng viên, dạng nước) ngoài khẩu phần ăn, Viện khoa học Thể dục Thể thao đã thường xuyên cung cấp cho đội tuyển quốc gia.

Nhìn chung ở nước ta chưa chú trọng các phương pháp hồi phục thể lực sau tập luyện nặng hoặc sau thi đấu, rất khó có thành tích thể thao cao.

2.4. Định hướng đào tạo, huấn luyện:

Đảm bảo sự thống nhất giữa đào tạo và huấn luyện, tập trung vào những môn mũi nhọn có khả năng tranh chấp huy chương Đại hội TDTT toàn quốc: Điền kinh, Boxing, Wushu, Cử tạ, Kickboxing, Karatedo, Vôovinam, Cổ truyền, Taekwondo; Thể hình, Đua thuyền.

Xây dựng kế hoạch tuyển chọn và kinh phí đầu tư cho chương trình mục tiêu năng khiếu tuyển huyện, trường học qua đó định kỳ kiểm tra, đánh giá và chọn lọc những VĐV có tài năng thực sự để tập trung đào tạo, bồi dưỡng.

Tập trung đầu tư những vận động viên trọng điểm có khả năng đạt huy chương giải vô địch, Đại hội TDTT toàn quốc: thuê HLV giỏi, cho đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong nước hoặc nước ngoài, chế độ dinh dưỡng, tiền lương, tiền thưởng, vận động các đơn vị tài trợ thêm ngoài chế độ của Nhà nước.

Đầu tư thêm trang thiết bị dụng cụ hỗ trợ phục vụ cho công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện: nâng cấp phòng tập thể lực, đường chạy, trang bị thêm máy đo nhịp tim, máy đo nồng độ axit lactic, phòng xông hơi- mát xa, hỗ trợ hồi phục bằng thực phẩm thuốc...

Chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn cho huấn luyện viên: cho đi học các lớp tập huấn do Trung ương tổ chức, cập nhật các quan điểm thể thao hiện đại; thuê huấn luyện viên giỏi về trực tiếp tuyển chọn, huấn luyện tại tỉnh để vừa huấn luyện đội tuyển vừa tạo điều kiện để các huấn luyện viên khác học tập thực tế. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá năng lực huấn luyện viên.

Vận động, tìm kiếm thêm các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp trong tỉnh để đỡ đầu, động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời các cá nhân trọng điểm đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trước, trong và sau Đại hội TDTT toàn quốc. Đầu tư đột phá cho môn bóng chuyền nữ lên hạng đội mạnh vào năm 2014.

Xin đăng cai tổ chức thi đấu một số môn trong chương trình Đại hội TDTT toàn quốc năm 2014, 2018, 2022.

2.5. Giáo dục vận động viên.

- Giáo dục tri thức văn hoá chung cho vận động viên cần được coi trọng trong chương trình phổ thông.

- Giáo dục tri thức chuyên môn của từng môn thể thao cần có tài liệu riêng.

- Giáo dục truyền thống dân tộc, đạo đức - ý chí và tâm lý cho vận động viên cần chú trọng ngay từ tuyển bán tập trung (trong huấn luyện, trong thi đấu, trong đời sống hàng ngày). Cần có chuyên gia, tài liệu giáo dục một cách có hệ thống. Ở môn bóng đá và số ít môn thể thao tập thể khác nên có huấn luyện viên tâm lý.

Tăng cường sự phối hợp với ngành GD&ĐT, gia đình VĐV để quan tâm đến việc học tập văn hoá và giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức cho VĐV. Quan tâm, tổ chức đầu tư cho VĐV bằng cách cho đi học tại các trường ở địa phương, đi làm tại các cơ quan, kết hợp học nghề... để VĐV yên tâm, tin tưởng tập luyện, thi đấu.

VI. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO.

1. Giải pháp khoa học - công nghệ.

Chú trọng phát triển khoa học - công nghệ thể dục thể thao và xây dựng kế hoạch thực hiện gắn với chiến lược khoa học công nghệ của tỉnh đến năm 2020, ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch cần tập trung vào những vấn đề sau: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao; nghiên cứu các đề tài khoa học, ứng dụng khoa học - công nghệ trong tuyển chọn, huấn luyện, đào tạo vận động viên. Công tác khoa học - công nghệ cần phát triển để thực hiện những nhiệm vụ chính sau:

1.1. Phát triển phong trào thể dục, thể thao cho mọi người.

- Phối hợp với Trung ương để biên soạn và ứng dụng các chương trình, giáo án huấn luyện của từng môn thể thao nhằm phát triển thể dục thể thao ngoại khoá; tổ chức tập luyện và thi đấu thể dục thể thao ngoại khoá; bồi dưỡng nghiệp vụ cho các giáo viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao; tiến hành điều tra

khảo sát đánh giá hiệu quả phát triển thể dục thể thao và chăm sóc dinh dưỡng cho học sinh.

- Tổ chức ứng dụng các nội dung luyện tập thể dục thể thao và giải trí mới trong quần chúng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề tài khoa học “Xác định một số chỉ tiêu nhân chủng học theo lứa tuổi, giới tính người Đăk Lăk trong tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá”, đồng thời định kỳ phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ, Trung ương để điều tra đánh giá thể chất nhân dân, nghiên cứu các đề tài khoa học về lĩnh vực thể dục thể thao.

1.2. Nâng cao thành tích thể thao.

- Phối hợp với sở Khoa học - Công nghệ triển khai các đề tài, tác nghiệp về tuyển chọn, đào tạo vận động viên.

- Phối hợp với Trung ương để thực hiện tuyển chọn năng khiếu thể thao ở các môn thể thao trọng điểm.

- Phối hợp với Trung ương mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho huấn luyện viên, sớm cập nhật các quan điểm huấn luyện thể thao hiện đại.

- Tổ chức đánh giá trình độ tập luyện hàng năm đối với các vận động viên trọng điểm; tổ chức theo dõi đánh giá lượng vận động và hồi phục đối với số ít .

- Tiến hành các giải pháp thích hợp về dinh dưỡng và hồi phục cho số ít; tiến hành phòng ngừa và chữa trị chấn thương thể thao.

- Thành lập trung tâm y học thể thao phục vụ cho công tác đào tạo vận động viên cấp cao, đồng thời phục vụ cho vận động viên các môn thể thao khác.

2. Hợp tác phát triển thể dục thể thao.

Tăng cường công tác hội nhập, giao lưu quốc tế, giới thiệu văn hóa và con người Đăk Lăk thông qua các hoạt động chuyên môn về thể dục thể thao. Tranh thủ sự giúp đỡ, thu hút đầu tư từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc phát triển thể dục thể thao.

Trong thời gian tới Đăk Lăk cần tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành (thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội...), cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước. Cần chú trọng quan hệ hợp tác quốc tế để phát triển thể dục thể thao. Nội dung hợp tác bao gồm những lĩnh vực như:

- Hợp tác tổ chức và tham gia biểu diễn, thi đấu thể dục thể thao.
- Hợp tác thực hiện đầu tư phát triển thể dục thể thao.
- Hợp tác xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án về thể dục thể thao.
- Hợp tác phát triển về huấn luyện viên, trọng tài, cộng tác viên thể dục thể thao tỉnh Đăk Lăk.
- Hợp tác phát triển về tập huấn lực lượng vận động viên.
- Hợp tác phát triển nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

PHẦN THỨ BẢY

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM ĐẾN NĂM 2025:

1. Cấp tỉnh:

* **Giai đoạn năm 2011 - 2015:** Xây dựng Khu liên hợp thể thao Tây Nguyên gồm các hạng mục công trình sau:

- Trường Năng khiếu thể dục thể thao tỉnh (5 ha):

(Khu điều hành; Nhà ở VĐV, giáo viên; Nhà tập luyện, bể bơi, sân bóng đá, sân điền kinh...).

- Cơ sở hạ tầng của Khu liên hợp thể thao;

* **Giai đoạn năm 2016 - 2025:**

Tiếp tục Xây dựng các hạng mục công trình Khu liên hợp thể thao Tây Nguyên: Sân vận động 40.000 chỗ ngồi; Nhà thi đấu đa năng; Làng VĐV; Bể bơi 50m (có khán đài)...

2. Cấp huyện, thành phố, thị xã:

* **Giai đoạn năm 2011 - 2015:** Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình: sân vận động, Nhà thi đấu, cho các Trung tâm thể thao khu vực: Krông Pắc, Buôn Hồ, Eakar và một số huyện mới tách: Cukuin, Krông Buk.

* **Giai đoạn năm 2016 - 2020:**

Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình: sân vận động, Nhà thi đấu, cho các đơn vị còn lại.

3. Cấp xã, phường, thị trấn: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, nhà tập luyện...

4. Cấp thôn, buôn: sân thể thao cơ bản, phòng tập luyện.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỂ DỤC THỂ THAO ĐỐI VỚI CẤP SỞ.

Để thực hiện phát triển thể dục thể thao theo quy hoạch, sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực văn hóa; thể dục, thể thao và du lịch; gia đình; quảng cáo... trên địa bàn tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch phê duyệt; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Quản lý Nhà nước và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về thể dục thể thao tỉnh. Công nhận các

danh hiệu thể thao, thành tích, kỷ lục, đẳng cấp vận động viên theo sự phân cấp của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, kiện toàn các tổ chức thể dục thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở. Các tổ chức xã hội về thể dục thể thao theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành, các tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện công tác giáo dục thể chất cho thế hệ trẻ và rèn luyện sức khỏe trong nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Soạn thảo và hướng dẫn nội dung, phương pháp, hình thức tập luyện và tổ chức thi đấu phù hợp với yêu cầu của quần chúng, với truyền thống, điều kiện của địa phương nhằm phát triển rộng rãi phong trào tập luyện và thi đấu thể thao trong toàn tỉnh.

- Xây dựng chương trình điều lệ, tổ chức thi đấu các giải thể thao từng môn và Đại hội Thể dục thể thao của tỉnh. Tổ chức các giải thể thao khu vực hoặc toàn quốc do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch uỷ nhiệm.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hướng dẫn viên, huấn luyện viên, trọng tài, thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên nâng cao thành tích thể thao của tỉnh; chăm lo bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ công chức, chuyên môn nghiệp vụ thể dục thể thao.

- Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển của sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh.

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ chính sách, thi hành pháp luật trong quá trình thực hiện các hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý tổ chức cán bộ, công chức trong cơ quan; quản lý tài sản, tài chính theo quy định của Nhà nước. Thực hiện việc khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích hoặc kỷ luật các đơn vị, cá nhân có sai lầm khuyết điểm theo các văn bản quy định hiện hành.

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH ĐẮK LẮK ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ.

Để thực hiện quy hoạch, cần phải tăng cường công tác quản lý nhà nước về thể dục thể ở cấp huyện, thành phố. củng cố, kiện toàn bộ máy và cán bộ đủ mạnh để chỉ đạo phong trào cơ sở. Tăng cường phối kết hợp giữa các phòng ban, các đơn vị, cơ quan, tiến hành các phương thức xã hội hoá thể dục thể thao trên địa bàn huyện, thành phố; chỉ đạo chặt chẽ và hướng dẫn thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ của sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với cấp huyện, thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các cấp, các ngành phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch.

1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Sau khi dự án quy hoạch phát triển thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 được duyệt, Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch sẽ thực hiện công bố quy hoạch, công khai với nhân dân trong tỉnh cũng như tỉnh bạn và người nước ngoài. Trên cơ sở huy động tối đa sức dân và các nguồn lực trong tỉnh, ngoài tỉnh cũng như từ nước ngoài để thực hiện phương hướng quy hoạch theo các giai đoạn cụ thể.

- Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành Văn hóa - Thể thao – Du lịch của tỉnh phối hợp với Bộ ngành Trung ương đưa các nội dung quy hoạch vào kế hoạch 5 năm và hàng năm của ngành. Tiếp tục cải cách hành chính nhằm thu hút đầu tư và kêu gọi xã hội hóa phát triển TDTT trên toàn tỉnh.

- Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch. Cuối mỗi kỳ qui hoạch (năm 2015, 2020, 2025) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, điều chỉnh và bổ sung lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Phối hợp với các ngành Trung ương và các tỉnh bạn để triển khai hợp tác các chương trình phát triển. Rà soát việc ban hành các chủ trương, chính sách phát triển của tỉnh cho ngành thể dục thể thao, nhằm tăng cường quan hệ hợp tác liên vùng để đảm bảo sự thống nhất cùng nhau phát triển.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo, Ban điều hành thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của Quy hoạch.

- Tham mưu, đề xuất các chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp thể dục thể thao, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu về chuyên môn trong tuyển chọn, đào tạo lực lượng vận động viên; chuẩn bị lực lượng vận động viên tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc, quốc tế, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII năm 2014; phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị lực lượng vận động viên tham gia thi đấu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII – 2012 và các kỳ tiếp theo.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao của tỉnh theo từng giai đoạn 2015, 2020, 2025.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng các mô hình tổ chức, thiết chế Văn hoá - Thể dục Thể thao cơ sở, phối hợp tổ chức, lồng ghép các loại hình hoạt động văn hoá, du lịch và thể dục thể thao cơ sở...

- Chủ trì, phối hợp với các sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Nội vụ xây dựng đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thành lập Khu Liên hợp thể thao Tây Nguyên.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng và học thể dục thể thao nội khóa, đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh; tăng cường chỉ đạo, nâng cao chất lượng tổ chức Hội khỏe Phù Đổng ở các cấp và công tác chuẩn bị cho Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc.

- Tổ chức, chỉ đạo, thực hiện tốt các yêu cầu tuyển chọn, đào tạo đội ngũ vận động viên các môn thể thao tham gia thi đấu các giải thể thao toàn quốc, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc và đặc biệt là Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII - năm 2012 và các năm tiếp theo.

- Tổ chức cho vận động viên là học sinh học tập văn hoá, xây dựng và thực hiện chế độ ưu tiên đối với học sinh là vận động viên thể thao của tỉnh về lao động và thực hiện các nhiệm vụ khác của trường. Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành lập các Câu lạc bộ năng khiếu thể thao.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, sở Tài chính, sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Các dự án xây dựng đầu tư cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất hàng năm.

4. Sở Tài chính.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Vốn sự nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản thể dục thể thao; các chế độ, chính sách cho huấn luyện viên, vận động viên, hướng dẫn viên và đội ngũ giáo viên thể dục ở các cấp, trường học.

5. Sở Nội vụ.

Chủ trì, phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thống nhất nhu cầu đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên các môn thể thao và tổ chức bộ máy để thực hiện phát triển sự nghiệp thể dục thể thao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong các giai đoạn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Quy hoạch đất cho các công trình thể dục thể thao ở các cấp, đất cho hoạt động thể dục thể thao trường học và mối liên hệ trong việc tuyên truyền bảo vệ môi trường sinh thái phục vụ cho cuộc sống đa dạng của con người.

7. Sở Xây dựng.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nghiên cứu thiết kế mẫu các công trình thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố và xã phường, thị trấn, thôn, làng, bản phù hợp với đặc thù chuyên ngành thể dục thể thao.

8. Sở Khoa học và Công nghệ.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng chiến lược phát

triển khoa học và công nghệ thể dục thể thao, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực thể dục thể thao.

9. Sở Y tế.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ, thể chất, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh và đất nước, đặc biệt là công tác chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng cho vận động viên, đào tạo y, bác sỹ thể thao và “Chương trình nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam bằng giải pháp dinh dưỡng và tập luyện thể dục thể thao” khi được chính phủ phê duyệt.

10. Các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền kịp thời các mặt hoạt động thể dục thể thao của tỉnh. Phối kết hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, tổ chức một số giải thể dục thể thao.

11. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Tỉnh và các ban, ngành, tổ chức đoàn thể của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển sự nghiệp thể dục thể thao nói chung, chú trọng các nhiệm vụ thể thao thành tích cao của tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Phối hợp với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn; quy hoạch đất cho hoạt động thể dục thể thao; huy động các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, các công trình thể dục thể thao, trang thiết bị thể dục thể thao, đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục thể thao trong nhân dân và tổ chức thực hiện các thiết chế thể dục thể thao, chế độ chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trên địa bàn địa phương quản lý.

PHẦN THỨ TÁM KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN.

1. Thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk đã khởi sắc toàn diện, rõ rệt so với những năm về trước, đã trở thành một trong những tỉnh có phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh ở Vùng Tây Nguyên.

2. Trong những năm gần đây, thể dục, thể thao cho mọi người của Đắk Lắk đã phát triển rộng rãi trong các đối tượng dân cư với nội dung hoạt động phong phú. Thể thao thành tích cao lựa chọn hướng đi đúng, đầu tư phát triển các môn thể thao phù hợp và bước đầu đạt được một số thành tích, một số môn thể thao

đã đạt được trình độ Đông Nam Á.

3. Tuy nhiên, thể dục thể thao Đắk Lắk những năm gần đây còn những điểm cần khắc phục như: phong trào thể dục, thể thao cho mọi người chưa đồng đều, công tác giáo dục thể chất cho học sinh và lực lượng vũ trang còn chưa đạt so với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thành tích thể thao trong thi đấu chưa ổn định, công tác đào tạo bồi dưỡng vận động viên chưa đạt hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ huấn luyện viên, trọng tài còn thiếu và yếu. Cơ sở vật chất sân bãi tập luyện chưa được quy hoạch, chưa đầu tư đúng mức, còn mất cân đối, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Hệ thống tổ chức, bộ máy thể dục thể thao tuy đã củng cố, song chưa tương xứng với yêu cầu chung.

4. Căn cứ vào dự báo tình hình phát triển thể dục thể thao trong và ngoài nước, căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bản quy hoạch đã xác định những quan điểm phát triển, mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể phát triển thể dục, thể thao của Đắk Lắk đến năm 2025 và trong từng giai đoạn.

5. Quy hoạch phát triển thể dục thể thao trường học của Đắk Lắk đến năm 2025 thực hiện theo yêu cầu chung của “Chương trình quốc gia nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam. Trong đó các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp đều thống nhất với chương trình quốc gia và sự hỗ trợ một phần của chương trình quốc gia.

6. Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao cho mọi người của Đắk Lắk đến năm 2025 bao gồm các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp cụ thể theo từng giai đoạn. Quyết định số 100/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010 và Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao đã được lồng ghép vào quy hoạch phát triển thể dục, thể thao cho mọi người của tỉnh đến năm 2025.

7. Quy hoạch phát triển thể thao thành tích cao của Đắk Lắk đến năm 2025 làm sáng tỏ những khâu cơ bản để nâng cao thành tích thể thao, tiến hành phân loại các môn thể thao thành tích cao để đầu tư tập trung hơn so với những năm trước đây. Các môn thể thao trọng điểm loại 1 (các môn mũi nhọn) được quy hoạch cụ thể cho từng môn thể thao; các môn thể thao loại 2 và các môn thể thao khác trong hệ thống nâng cao thành tích thể thao được quy hoạch chung. Trong quy hoạch chú trọng xác định hệ thống quản lý thể thao thành tích cao, nội dung và giải pháp cơ bản nhằm nâng cao thành tích thể thao.

8. Quy hoạch đất đai và cơ sở vật chất phục vụ thể dục thể thao đến năm 2025 được trình bày theo các cấp: cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã, phường, thị trấn.

9. Các giải pháp chung thực hiện quy hoạch đã được trình bày rõ bao gồm: Giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới phương pháp quản lý hoạt động; Giải pháp về cơ chế, chính sách thể dục thể thao; Giải pháp về vốn đầu tư; Giải pháp về xã hội hoá thể dục thể thao; Giải pháp kiện toàn hệ thống đào tạo vận động viên và công tác tuyển chọn, huấn luyện, giáo dục vận động viên; Giải pháp về khoa học - công nghệ và hợp tác phát triển thể

dục thể thao.

II. KIẾN NGHỊ BỘ VĂN HOÁ THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Ban hành và hướng dẫn kịp thời các văn bản, quy chế quản lý lĩnh vực thể dục, thể thao cho mọi người, thể thao thành tích cao để địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả với vị trí, chức năng cơ bản của ngành trên lĩnh vực quản lý Nhà nước về thể dục thể thao; tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý, các thủ tục liên quan để Đắk Lắk mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực thể dục thể thao.

2. Đề nghị Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch giúp đỡ tỉnh Đắk Lắk về đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao, hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị tập luyện, huấn luyện viên, chuyên gia cho Đắk Lắk.

3. Đề nghị Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch tiếp tục có kế hoạch mở các lớp đào tạo huấn luyện viên, trọng tài cấp cao cho địa phương. Đặc biệt là việc đào tạo các huấn luyện viên ở các môn thể thao mũi nhọn trọng điểm của tỉnh. Ưu tiên cho tỉnh Đắk Lắk đăng cai một số giải cấp quốc gia và quốc tế.

4. Đề nghị Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch đặt Đắk Lắk là tỉnh thí điểm “Chương trình nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam”.

5. Đề nghị Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ chuyên môn và kinh phí để sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk triển khai xây dựng Khu Liên hợp thể thao Tây Nguyên hoàn thành vào năm 2025.

**PHỤ LỤC 1: TỔNG SỐ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ DÂN SỐ
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỈNH ĐẮK LẮK ĐẾN NĂM 2010**

TT	NỘI DUNG	Xã	Phường (thị trấn)	Dân số	Hộ gia đình	Ghi chú
1	Tp. Buôn Ma Thuột	8	13	331.262	81.066	
2	Thị xã Buôn Hồ	5	7	98.031	21.675	
3	Huyện Buôn Đôn	7	0	60.767	13.682	
4	Huyện Cư Kuin	8	0	100.140	22.204	
5	Huyện Cư M'gar	15	2	164.897	35.404	
6	Huyện Ea H'leo	11	1	122.147	28.170	
7	Huyện Ea Kar	14	2	143.181	33.528	
8	Huyện Ea Súp	9	1	59.407	14.211	
9	Huyện Krông Ana	7	1	82.155	18.564	
10	Huyện Krông Bông	13	1	88.183	18.449	
11	Huyện Krông Búk	7	0	58.074	12.905	
12	Huyện Krông Năng	11	1	119.094	27.142	
13	Huyện Krông Pắc	15	1	199.175	45.367	
14	Huyện Lắk	10	1	60.997	13.193	
15	Huyện M'Đrắk	12	1	66.610	14.793	
Tổng cộng		152	32	1.754.390	400.353	

PHỤ LỤC 2: HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN 31/12/2011

NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN VỊ															Tổng
		BMT	Kr.Pắc	Eakar	M'Drắk	kr.năng	B.Hồ	Kr.Búk	EaHleo	Mgar	B.đôn	Ea Súp	kr. Ana	Cư kuin	LẮK	Kr.Bông	
Sân vận động (có khán đài)	Sân	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	4
Sân điền kinh	Sân	1	0	0	0	0	12	8	0	1	0	0	0	0	0	1	23
Sân bóng đá	Sân	10	15	26	14	21	25	8	5	17	7	5	9	29	1	24	206
Sân bóng đá mini (cỏ nhân tạo)	Sân	49	13	4	0	6	6	0	12	6	0	0	0	0	0	0	96
Sân bóng chuyền	Sân	28	181	170	42	79	24	30	44	90	45	4	60	30	10	30	867
Sân cầu lông	Sân	47	145	20	9	5	48	16	4	6	6	1	6	8	0	4	325
Bể bơi (hồ bơi)	Sân	2	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6
Sân quần vợt	Sân	27	4	2	0	8	8	0	2	2	0	0	0	1	0	0	54
Nhà tập luyện TDTT cấp thôn	Nhà	0	0	0	0	1	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	31
Nhà tập luyện TDTT cấp xã	Nhà	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	3
Nhà tập luyện TDTT cấp huyện,	Nhà	9	4	4	3	4	4	0	2	3	1	1	1	1	0	1	38

Cấp tỉnh:

- + 01 Sân vận động có khán đài;
- + 01 nhà thi đấu;
- + 02 sân quần vợt;
- + 01 bể bơi (Nhà VHTTN).

**PHỤ LỤC 3: THỰC TRẠNG SỐ TRƯỜNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THỂ CHẤT NỘI KHOÁ VÀ NGOẠI KHOÁ ĐẾN NĂM 2010**

TT	Nội dung	Số trường	Nội khoá		Ngoại khoá	
			Có	%	Thường xuyên	%
1	Tiểu học	403	403	100	134	30
2	Trung học cơ sở	220	220	100	132	60
3	Trung học phổ thông	50	50	100	45	90
4	Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp	30	30	100	30	100
Tổng số		703	703	703	419	70

PHỤ LỤC 4:**SỐ MÔN THỂ THAO ĐẮK LẮK THAM GIA THI ĐẤU
TOÀN QUỐC 2001 – 2010**

STT	Môn	Năm									
		2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1	Bóng đá	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Bóng chuyền	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Điền kinh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Boxing				x	x	x	x	x	x	x
5	Wushu	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Võ cổ truyền						x	x	x	x	x
7	Karatedo		x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Taekwondo					x	x	x	x	x	x
9	Bóng bàn					x	x	x	x	x	x
10	Cầu lông					x	x	x	x	x	x
11	Kickboxing					x	x	x	x	x	x
12	Kéo co					x	x	x	x	x	x
13	Quần vợt	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14	Cử tạ					x	x	x	x	x	x
15	Đẩy gậy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
16	Bắn nỏ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng số: 16 môn		07	08	08	09	16	16	16	16	16	16

PHỤ LỤC 5:

TỔNG HỢP THÀNH TÍCH THI ĐẤU TỪ NĂM 2004 – 2010 TỈNH ĐẮK LẮK

Năm	Huy chương Quốc tế			Huy chương Quốc gia				Kỷ lục Quốc gia	Đẳng cấp VĐV		Sự kiện thể thao
	V	B	Đ	V	B	Đ	Tổng cộng		C 1	KT	
2004	1	1	4	19	13	32	69		6	8	
2005	1			42	19	20	81		6	9	
2006				22	18	28	68		10	9	Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ V đạt 17 huy chương (6HCV, 4 HCB, 7 HCD)
2007			2	43	28	67	138		12	8	SEAGAMES 24
2008				34	19	40	93		16	9	
2009	1	3	2	43	34	38	115		16	12	SEAGAMES 25
2010		2	2	24	26	51	101	Điền kinh cự ly 4x800m tiếp sức nam	20	9	Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VI

PHỤ LỤC 6: THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THỂ DỤC THỂ THAO TỈNH ĐẮKLẮK
Đến năm 2010

TT	Tên đơn vị	Số lượng cán bộ HLV, GVTD	Huấn luyện viên	Hợp đồng
I	Cấp tỉnh	119	51	26
A	Quản lý nhà nước (chuyên trách về TDTT)	09		
1	Lãnh đạo sở	01		
2	Phòng nghiệp vụ TDTT	07		
3	Thanh tra	01		
B	Đơn vị sự nghiệp	110	51	26
1	Trung tâm huấn luyện thể thao	28	20	02
2	Trường năng khiếu thể dục thể thao	51	31	21
3	Trung tâm phát triển thể thao quần chúng	20		02
4	Trung tâm thi đấu và dịch vụ	11		01
II	Cấp huyện	33		18
A	Quản lý nhà nước (chuyên trách về TDTT)	15		
B	Đơn vị sự nghiệp (chuyên trách về TDTT)	18		18
III	Ngành Giáo dục và đào tạo	1055		35
1	Tiểu học	67		
2	Trung học cơ sở	725		23
3	Trung học phổ thông	263		12
III	Ngành Quân đội, Công An	07		
Tổng cộng		1214	51	61

PHỤ LỤC 7:**ĐỊNH HƯỚNG CHỈ TIÊU HUY CHƯƠNG, ĐẲNG CẤP VẬN ĐỘNG VIÊN
TỈNH ĐẮK LẮK ĐẾN NĂM 2025**

Năm	Giải Quốc gia			Giải Quốc tế			Đẳng cấp		Sự kiện TT
	V	B	Đ	V	B	Đ	Cấp 1	Kiện tướng	
2015	30	35	60		2	3	40	15	Giải trẻ Đông Nam Á
2020	35	45	65	1	1	3	50	18	ĐH TDTT TQ, Trẻ Châu Á
2025	40	51	70	2	2	3	60	23	Seagame 2025

PHỤ LỤC 8:**DỰ BÁO SỐ LƯỢNG HUY CHƯƠNG VÀ CÁC MÔN THỂ THAO
TRỌNG ĐIỂM TẠI CÁC KỲ ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO TOÀN QUỐC ĐẾN NĂM 2025**

STT	Môn thể thao	Đại hội VI (2010)			Đại hội VII (2014)			Đại hội VIII (2018)			Đại hội VIII (2022)		
		V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ	V	B	Đ
1	Đẩy gậy	1	1	5									
2	Boxing	2	1	1	2	2	1	3	2	2	3	2	1
3	Wushu		1	1	1	1		2	1	2	2	1	
4	Điền kinh	1		1	1	2	1	2	1	1	3	2	2
5	Cử tạ		1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1
6	Thể hình			2		1		1		1	1		
7	Karatedo		1		1	1	1		1		1	1	1
8	Võ Cổ truyền	1		2	2	1	2	2	1	2	2	2	3
9	Vovinam		1	4		1	1	1		3	1		1
10	KickBoxing				2	1	2	2	1	2	2	1	3
11	Đua thuyền					1	1	1		1	1	1	
Tổng số		5	6	17	10	14	10	15	8	17	17	11	12

PHỤ LỤC 9:

**QUY HOẠCH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN NĂM 2025**

TT	Đơn vị	Nội dung											
		2015				2020				2025			
		Số lượng	Trình độ			Số lượng	Trình độ			Trình độ			
			Trên ĐH	ĐH, CĐ	TC		Trên ĐH	ĐH, CĐ	TC	Số lượng	Trên ĐH	ĐH, CĐ	TC
1	Cấp tỉnh	115	3	112		135	4	131		165	5	160	
2	Cấp huyện	50	-	46	4	70	1	65	4	105	1	75	4
3	Cấp xã	184 cộng tác viên				190 cộng tác viên (10-15% cán bộ chuyên trách TĐTT)				195 cộng tác viên (16-20% cán bộ chuyên trách TĐTT)			
4	Ngành GD&ĐT	1060	2	956	102	1095	4	1011	80	2020	10	1960	50

PHỤ LỤC 10:**QUY HOẠCH ĐẤT DÀNH CHO THỂ DỤC THỂ THAO
TỈNH ĐẮK LẮK ĐẾN NĂM 2025**

Đơn vị tính: Ha

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Diện tích đất TDTT	Ghi chú
1	Cấp tỉnh:	110 ha	Khu Liên hợp TT vùng; sân VĐ tỉnh; Nhà thi đấu TDTT
2	Thành phố Buôn Ma Thuột	27 ha	Trung TDTT thành phố Buôn Ma thuột
3	Cấp huyện, thị xã (Trung bình là 7-10 ha/đơn vị)	90 ha - 100 ha	Mỗi huyện giành từ 6-6,5 ha để xây dựng các công trình thể thao tại trung tâm huyện, thị xã.
4	Cấp xã, phường, thị trấn (Trung bình là 02- 03 ha/đơn vị)	368- 400 ha	Mỗi đơn vị cấp xã giành từ 1-1,5 ha để xây dựng các công trình thể thao tại trung tâm xã, phường, thị trấn
5	Cấp thôn, buôn (Trung bình là 0,7-01ha/đơn vị)	2400- 2500 ha	Mỗi đơn vị cấp thôn, buôn giành từ 0,5- 0,7 ha để xây dựng khu tập luyện TDTT
6	Đất dành cho học sinh, sinh viên các trường (1m ² /người)	460- 470 ha	Toàn tỉnh hiện có 686 trường: Tiểu học(403), THCS(220), THPT(50), ĐH, CĐ(4): 463.460 người
Tổng		3455 – 3607 ha	